ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND **DỰ THẢO**	*Hải Dương, ngày tháng năm 2021*

BÁO CÁO
Kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2021 của tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tổng quan điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Hải Dương nằm ở Đông Bắc đồng bằng Bắc bộ, thuộc châu thổ sông Hồng. Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Đông và Đông Nam tiếp giáp thành phố Hải Phòng, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Hưng Yên, phía Tây Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh. Với vị trí đó, Hải Dương đóng vai trò "cầu nối" giữa thủ đô Hà Nội (cách thành phố Hải Dương 57km về phía Tây) với thành phố cảng Hải Phòng (cách thành phố Hải Dương 45km về phía Đông) và thành phố du lịch Hạ Long (cách thành phố Hải Dương 93km về phía Đông Bắc).

Trên địa bàn tỉnh có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng của quốc gia chạy qua như QL5, QL18, QL10, QL37, QL38, QL38B, QL17B, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Hạ Long - Móng Cái, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt Kép - Hạ Long. Hệ thống đường thủy bao gồm hệ thống sông Thái Bình, sông Luộc, các trục sông Bắc Hưng Hải và An Kim Hải. Vị trí địa lý kinh tế thuận lợi cùng hệ thống giao thông đường bộ, thuỷ, sắt khá hoàn chỉnh, Hải Dương có nhiều lợi thế trong giao lưu, trao đổi thương mại với các điểm kinh tế trọng điểm phía Bắc (thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh) cũng như các tỉnh lân cận.

Diện tích tự nhiên của Hải Dương là 1.668,2 k m² (đứng thứ 52/63 tỉnh thành cả nước), địa hình nghiêng, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam theo hướng nghiêng của đồng bằng Bắc Bộ. Với đặc điểm này, Hải Dương được chia làm hai kiểu địa hình, là đồng bằng tích tụ và đồi núi thấp. Địa hình tỉnh được chia thành vùng đồi núi và vùng đồng bằng. Vùng đồi núi nằm ở phía bắc tỉnh, chiếm 11% diện tích tự nhiên toàn tỉnh thuộc địa giới hành chính Thành phố Chí Linh và Thị xã Kinh Môn; đây là vùng đồi núi thấp, phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày. Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích tự nhiên do phù sa hệ thống sông Thái Bình bồi đắp, đất màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm.

Hải Dương nằm trong vùng khí hậu đồng bằng Bắc Bộ, có khí hậu nhiệt đới gió mùa, hàng năm có 2 mùa rất rõ rệt với mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều. Lượng mưa trung bình trong năm khoảng 1.700mm. Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm khoảng 23 - 24 ° C. Độ ẩm không khí khá cao, dao động từ 80% đến 90%. Điều kiện khí hậu đó rất thích hợp cho trồng lúa, cây thực phẩm, cây ăn quả - là nguồn nguyên liệu quan trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

Tỉnh Hải Dương có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, với tổng số 14 sông lớn có chiều dài khoảng 500 km và trên 2.000 km sông nhỏ chảy theo hướng chính là Tây Bắc - Đông Nam, lớn nhất là sông Thái Bình qua địa phận tỉnh với chiều dài 64 km, cùng với các phân lưu sông Kinh Thầy, sông Kinh Môn, sông Lai Vu, sông Gùa, sông Hàn Mẫu, sông Mạo Khê… và các sông thuộc hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải. Hệ thống các sông chính có dòng chảy tự nhiên, phụ thuộc vào mùa mưa, lũ trên lưu vực và sự điều tiết của các hồ chứa ở thượng nguồn sông Thái Bình, tập trung chủ yếu ở các huyện phía Đông Nam của tỉnh. Trên địa bàn tỉnh còn có 68 hồ chứa vừa và nhỏ trên địa bàn TP Chí Linh, mật độ ao tự nhiên và nhân tạo tương đối cao, là nơi trữ nước và vận chuyển nước trên bề mặt, góp phần nuôi dưỡng động, thực vật và điều hòa khí hậu trong vùng. Khoáng sản tỉnh Hải Dương khá đa dạng, có giá trị nhất là loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế tỉnh.

1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Thực hiện Nghị quyết số 788 /NQ-UBTVQH14 ngày 16/ 10/ 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hải Dương, đến nay tỉnh Hải Dương có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 09 huyện, 01 thị xã và 02 thành phố; 235 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 178 xã, 47 phường và 10 thị trấn, trong đó 12/12 huyện, thị xã, thành phố đã được Thủ tướng chính phủ công nhận đạt chuẩn/thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (đạt 100%); 178/178 xã thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn (đạt 100%), có 24 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 02 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Về Dân số: Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số tỉnh Hải Dương là 1.892.254 người, quy mô dân số của tỉnh đứng thứ 9 của cả nước và thứ 3 vùng Đồng bằng sông Hồng (sau Hà Nội, Hải Phòng); cơ cấu dân số theo nhóm tuổi khá trẻ với số người trong độ tuổi lao động (từ 15 đến dưới 60 tuổi) chiếm đa số là 60,3%. Mật độ dân số của Tỉnh đạt 1.134 người/km2; cao hơn mật độ của Vùng ĐBSH và gấp hơn 4 lần bình quân cả nước. Hơn 99,4% dân số của tỉnh Hải Dương thuộc dân tộc Kinh, các dân tộc khácvới gần 11.000 ngườigồm có Tày, Thái, Sán Dìu, Hoa, Mường, Nùng, Dao…

- Về Kinh tế: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá 2010) tăng bình quân 8,1%/năm; giai đoạn 2010 - 2015 (7,7% năm); Quy mô kinh tế của tỉnh năm 2020 gấp 1,6 lần năm 2015; GRDP bình quân đầu người đạt 69,8 triệu

đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hường tích cực, năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm 90,3%, nông nghiệp chiếm 9,7% GRDP.

- Về Lao động, việc làm: Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Hải Dương có lao động nam chiếm 49,4%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 27,7%. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22,8%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 46,8%; còn lại khu vực dịch vụ chiếm 30,4%.

- Về Văn hoá - xã hội: Hải Dương là một trong những vùng đất "Địa linh, nhân kiệt", vùng văn hoá và văn hiến tâm linh chính của cả nước. Theo dòng lịch sử đã để lại cho Hải Dương khoảng 3.199 di tích các loại, trong đó có 04 di tích quốc gia đặc biệt, 142 di tích quốc gia, 244 di tích cấp tỉnh; 08 bảo vật quốc gia; 09 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, cụ thể như: Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc; Khu di tích An Phụ- Kính Chủ-Nhẫm Dương; Văn miếu Mao Điền; Cụm di tích đền Xưa - chùa Giám - đền Bia; Đền thờ Chu Văn An; Chùa Thanh Mai; Đền Cao (An Lạc, Chí Linh); Đền thờ Khúc Thừa Dụ; Hát Ca trù được UNESCO công nhận di sản đại diện của nhân loại.....

- Đóng góp vào nền văn hoá của dân tộc, xứng danh vùng đất "Địa linh, nhân kiệt", Hải Dương là nơi sinh ra và nuôi dưỡng nhiều tài năng lỗi lạc của quê hương, đất nước. Đó là truyền thống thượng võ - nơi sinh ra và nơi dựng binh của nhiều vị tướng tài, nhiều nhà quân sự tài ba trong lịch sử. Hải Dương còn là vùng đất nổi tiếng về truyền thống khoa bảng. Trong gần 1.000 năm lịch sử đào tạo, tuyển chọn nhân tài, từ khoa thi đầu tiên (1075) đến khoa thi cuối cùng (1919), theo chương trình Nho giáo, cả nước có 2.898 tiến sĩ và học vị tương đương. Trong đó, tỉnh Hải Dương có nhiều tiễn sĩ nhất (488 tiến sĩ, nếu tính theo địa giới năm 1888 thì có 638 tiến sĩ), làng Mộ Trạch (Tân Hồng, Bình Giang) là làng có nhiều tiến sĩ nhất nước (37), được gọi là "Lò Tiến sĩ xứ Đông". Lĩnh vực nào, Hải Dương cũng có những nhân tài nổi danh khắp đất nước, như: Khúc Thừa Dụ, Trần Quốc Tuấn, Yết Kiêu, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Phạm Sư Mạnh, Tuệ Tĩnh, Nguyễn Trãi, Vũ Hữu, Nguyễn Thị Duệ, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hữu Cầu,.....và nhiều Nghệ nhân Nhân dân; Nghệ nhân Ưu tú; lĩnh vực thể thao đứng trong tốp 10 tỉnh, thành ngành của cả nước; hiện có nhiều vận động viên đẳng cấp quốc gia và quốc tế… Là một trong những cái nôi của nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống nổi tiếng như chèo, tuồng, rối nước, ca trù, xiếc... Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao và các di tích được quan tâm đầu tư xây dựng và trùng tu. Hoạt động văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao ngày càng được nâng cao về chất lượng. Nhiều vận động viên của tỉnh tham gia các giải thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế đã giành được những thành tích xuất sắc. Là một tỉnh có phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở sớm trong cả nước. Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử, văn hiến của quê hương, trong những năm qua tỉnh Hải Dương đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, giành được nhiều thành tựu và tiến bộ quan trọng, hoàn thành khá toàn diện những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, việc thực hiện các tiêu chí văn hóa trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của cấp ủy, chính quyền các cấp

cùng sự tham gia tích cực của nhân dân trong tỉnh và đạt được kết quả đáng khích lệ, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, ổn định an ninh chính trị, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

2. Thuận lợi

- Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực; nền kinh tế tiếp tục phát triển, kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng được duy trì ở mức khá cao; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

- Hải Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, là vùng động lực phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá của vùng Bắc Bộ và cả nước; có vị trí địa lý thuận lợi và có các tuyến đường giao thông quan trọng đi qua, đó là cơ hội đón nhận và tận dụng sự phát triển chung của cả vùng, trước hết về khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, vốn đầu tư, tiêu thụ sản phẩm… đây là điều kiện tốt để phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Là một tỉnh có lợi thế về phát triển nông nghiệp, có vị trí địa lý thuận lợi là gần các thị trường lớn tiêu thụ sản phẩm từ nông nghiệp, gần các trung tâm công nghiệp, các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh; gần các cửa khẩu quốc tế, các cảng biển tạo điều kiện tốt để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hoá phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới luôn có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp của các cấp, các ngành, các địa phương và sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của nhân dân trong tỉnh. Các mục tiêu cơ bản và nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng nông thôn mới đã được đưa vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp trong các nhiệm kỳ vừa qua.

- Các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hội, đoàn thể đã tổ chức cụ thể hóa thực hiện nghị quyết, xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị. Đồng thời chỉ đạo, tổ chức triển khai sâu rộng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" tới các cấp, các ngành và toàn thể Nhân dân.

- Bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp được tập trung kiện toàn, 100% các huyện, thị xã, thành phố thành lập Văn phòng điều phối nông thôn mới, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ nông thôn mới các cấp được chú trọng. Cán bộ phụ trách, tham gia công tác xây dựng nông thôn mới hàng năm đều được tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, đáp ứng yêu cầu công tác và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Khó khăn

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và nền kinh tế trong nước bị suy thoái, thị trường bất động sản trầm lắng, nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, ngừng hoạt động hoặc phá sản gây ảnh hưởng lớn đến việc làm, thu nhập của người lao động và nguồn thu ngân sách của các địa phương.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới triển khai trên phạm vi rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều đối tượng, trong khi chưa có mô hình mẫu, kinh nghiệm để các địa phương học tập, nên vừa làm vừa rút kinh nghiệm; thời gian đầu thực hiện Chương trình một số địa phương còn lúng túng trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Để đạt các tiêu chí nông thôn mới, nhu cầu về nguồn lực rất lớn, nhất là về vốn. Trong khi đó, cùng một lúc, tỉnh cần phải đầu tư phát triển cho nhiều nội dung, nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, do đó chưa thể đáp ứng đầy đủ, kịp thời kinh phí cho các địa phương thực hiện Chương trình. Đời sống người dân nông thôn ở một số vùng trong tỉnh còn nhiều khó khăn, nguồn lực đóng góp của người dân còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền vận động để Nhân dân hiểu biết về chủ trương xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương còn hạn chế, làm hình thức. Một bộ phận cán bộ, đảng viên trách nhiệm chưa cao, thiếu quyết liệt trong thực thi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, đặc biệt trong những năm đầu thực hiện Chương trình.

- Năm 2020 - 2021 do dịch bệnh COVID-19 xảy ra ở nhiều nước trên thế giới và tại Việt Nam cũng như tỉnh Hải Dương làm tác động rất nhiều đến công tác chỉ đạo, điều hành cũng như kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cấp, ngành, địa phương, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc phát triển kinh tế - xã hội, thu nhập của người dân và làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Các văn bản chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Trung ương

- Nghị quyết số 26-NQ-TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố

thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 về ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.

- Quyết định số 1274/QĐ-TTg ngày 19/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

- Thông tư số 35/2016/TT-BNN ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 05/2017/TT-BNN ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020.....

2. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình của tỉnh:

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Tỉnh ủy, HĐND,Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ban, ngành đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, văn bản hướng dẫn để thống nhất chỉ đạo, điều hành, cụ thể như:

- Quyết định số 115-QĐ/TU ngày 15/2/2011 của Tỉnh ủy Hải Dương về việc thành lập BCĐ Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2010-2020;

- Kế hoạch số 251/KH-BCĐ ngày 01/3/2011 của Ban chỉ đạo tỉnh về việc triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020

tỉnh Hải Dương;

- Kế hoạch số 462/KH-BCĐ ngày 2/8/2011 "Tuyên truyền xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương giai đoạn 2010-2020";

- Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 24/9/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

- Kế hoạch số 1704/KH-UBND ngày 13/92013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thực hiện dồn điền, đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng giai đoạn 2013-2015;

- Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định tạm thời về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và Quy trình xét công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Hải Dương;

- Kế hoạch số 1416/KH-BCĐ ngày 31/7/2014 2014 của UBND tỉnh Hải Dương thực hiện phong trào thi đua "Làm theo gương Bác thi đua đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới";

- Kế hoạch số 2667/KH-UBND ngày 18/10/2016 2014 của UBND tỉnh Hải Dương tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Đề án, cơ chế hỗ trợ xây dựng phát triển GTNT trên tỉnh Hải Dương;

- Thông báo số 563-TB/TU ngày 6/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương năm 2017 và giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 5/4/2017của UBND tỉnh Hải Dương về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định 1484/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định cụ thể Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Kế hoạch 1834/KH-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch 1833/KH-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương năm 2017;

- Kế hoạch 681/KH-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương năm 2018;

- Quyết định 3958/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định Quy định cụ thể Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Hướng dẫn số 80/HD-MT ngày 3/5/2019 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hải Dương về ấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về Phê duyệt Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định cụ thể Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Và các văn bản chỉ đạo khác của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành liên quan.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa 10 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016. Tỉnh ủy Hải Dương đã xác định phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong đó xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt; vì vậy từ Đại hội XV Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2010-2015) đến Đại hội XVI (nhiệm kỳ 2015-2020) và Đại hội XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) bên cạnh công tác xây dựng Đảng là then chốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định "Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân" là nhiệm vụ quan trọng cần tập trung lãnh đạo chỉ đạo.

Trong thời gian hơn 10 năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết, văn bản chỉ đạo thực hiện và nhiều Thông báo kết luận để chỉ đạo thực hiện, đặc biệt những nội dung liên quan đến cơ chế hỗ trợ đặc thù cho các xã, huyện để có thêm động lực phân đấu xây dựng nông thôn mới. Tỉnh ủy đã thành lập các đoàn và tổ chức nhiều đợt kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện; tổ chức các buổi làm việc trực tiếp với các huyện, thành phố và các Sở, ngành liên quan, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Tỉnh ủy, Chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; các huyện, thành phố triển khai kịp thời các nội dung Chương

trình ngay từ những năm đầu thực hiện.

Trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế chính sách tổ chức thực hiện Chương trình như: Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, xây dựng hạ tầng nông thôn, nâng cao đời sống của nhân dân; Đề án dồn điền đổi thửa dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng; đầu tư sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản; đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; xây dựng kiên cố hóa đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng đạt chuẩn nông thôn mới.

Giao các sở, ngành và các đơn vị có liên quan của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản như: xây dựng cơ chế đặc thù hỗ trợ các xã, huyện hàng năm; hướng dẫn công tác quy hoạch nông thôn mới; hướng dẫn công tác dồn điền, đổi thửa gắn với chỉnh trang đông ruộng, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn thẩm tra, thẩm định các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới… tạo điều kiện thuận lợi cho các huyện, xã triển khai thực hiện ở cơ sở.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ các chương trình, kế hoạch của tỉnh và nghị quyết, chương trình của huyện, thành phố xây dựng, ban hành các chương trình, đề án, dự án, chính sách cụ thể. Cấp ủy, chính quyền các huyện, thành phố đã thể hiện sự quyết liệt, sáng tạo, có nhiều cách làm hay, hiệu quả, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Tập trung chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của huyện, thành phố các đề án và quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã; một số địa phương tham mưu, đề xuất HĐND các huyện, thành phố bố trí, phân bổ kinh phí từ ngân sách cấp huyện cho Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân các xã đã làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương chính sách của Trung ương, tỉnh; chương trình, kế hoạch của huyện ủy, thành ủy, UBND huyện, thành phố tới cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, vai trò của Chương trình; đồng thời trực tiếp giao nhiệm vụ cho các ngành của xã, các thôn và nhân dân trên địa bàn triển khai thực hiện, hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới, phấn đấu hoàn thành 18 tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

Các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hội, đoàn thể đã tổ chức cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết, xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị. Đồng thời chỉ đạo, tổ chức triển khai sâu rộng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" tới các cấp, các ngành và toàn thể Nhân dân.

2. Hệ thống bộ máy chỉ đạo Chương trình:

Căn cứ các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã thành lập Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; 100% các huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện; 100% các xã thành lập Ban chỉ đạo và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới; 100% các thôn thành lập Ban phát triển. Trong quá trình hoạt động, bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình thường xuyên được kiện toàn, hoàn thiện theo quy định của Chính phủ.

2.1.Về thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Cấp tỉnh: Để chỉ đạo thực hiện Chương trình giai đoạn 2011-2015, ngày 15/2/2011 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 115-QĐ/TU thành lập BCĐ Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 1106/QĐ-UBND thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020. Trong quá trình thực hiện thường xuyên được kiện toàn khi có sự thay đổi về nhân sự. Ban chỉ đạo đã Ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo.

- Cấp huyện: 12/12 huyện, thị xã, thành phố bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, các huyện, thành phố, thị xã đã thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư huyện ủy, thành ủy, thị ủy làm Trưởng ban; đồng chí Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã làm Phó trưởng ban thường trực; thành viên là đại diện lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn; Trong quá trình thực hiện thường xuyên được kiện toàn khi có sự thay đổi về nhân sự. Ban chỉ đạo đã Ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo.

- Cấp xã: 100% các xã đã thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư đảng ủy làm Trưởng ban; đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Phó trưởng ban thường trực; chỉ đạo UBND xã thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; xây dựng và thực hiện đề án nông thôn mới tại địa phương. Trong quá trình thực hiện thường xuyên được kiện toàn khi có sự thay đổi về nhân sự. Ban chỉ đạo đã Ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo. 100% Các thôn trên địa bàn xã đã thành lập Ban phát triển thôn do đồng chí Bí thư chi bộ làm Trưởng ban

2.2. Về thành lập, kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới:

Việc ban hành các quyết định về thành lập, kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định.

- Cấp tỉnh: Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 4/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng điều phối các cấp, Ngày 29/12/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3386/QĐ-UBND về thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương, trong quá trình thực hiện thường xuyên được kiện toàn khi có sự thay đổi về nhân sự.

- Cấp huyện: 12/12 huyện, thành phố, thị xã đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện theo đúng quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp.

- Cấp xã: Cán bộ phụ trách NTM cấp xã: 178/178 xã có cán bộ công chức xã phụ trách xây dựng nông thôn mới theo quy định.

3. Công tác truyền thông

Công tác tuyên truyền, vận động trong xây dựng nông thôn mới được Ban chỉ đạo tỉnh xác định giữ vai trò quan trọng, từ đó đã ban hành Kế hoạch số 1416/KH-BCĐ ngày 31/7/2014 thực hiện phong trào thi đua "Làm theo gương Bác thi đua đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới". Triển khai các Kế hoạch này, cả hệ thống chính trị các cấp từ tỉnh đến cơ sở đã tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức: cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo Chương trình các cấp triển khai các nội dung và thực hiện công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới qua các hội nghị, các cuộc họp, các lớp tập huấn; Ban Tuyên giáo cấp ủy các cấp chỉ đạo các cơ quan báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng, đội ngũ báo cáo viên triển khai công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, giúp cán bộ và nhân dân trong tỉnh nắm rõ nội dung, ý nghĩa và lợi ích của Chương trình để đồng lòng, chung sức thực hiện.

Hưởng ứng phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới" cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể các cấp trong tỉnh tích cực chỉ đạo, vận động nhân dân thực hiện chương trình: đóng góp ý kiến vào đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới; góp công lao động, kinh phí, hiến đất, tháo dỡ các công trình phục vụ xây dựng nông thôn mới, đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, chăm lo sự nghiệp giáo dục, sức khoẻ nhân dân, thực hiện dân số kế hoạch hoá gia đình; xây dựng môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp ở nông thôn; phát huy dân chủ, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; đoàn kết giúp đỡ nhau trong cộng đồng.

Kết quả đến nay, toàn tỉnh có 100% số thôn, khu dân cư có nhà văn hóa; có 93,3% số làng, khu dân cư đạt danh hiệu văn hóa; có 88,6% số gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa.

Ở cơ sở, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân,... đã tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng nhằm tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của xây dựng nông thôn mới; vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời phát động đoàn viên, hội viên đẩy mạnh tuyên truyền qua những tấm gương, điển hình, qua các hình thức tuyên truyền "miệng", tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của xây dựng nông thôn mới đối với bản thân và cộng đồng, từ đó, thay đổi thái độ, hành vi và tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới

Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến mọi tầng lớp nhân dân, giúp người dân hiểu được quyền lợi, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc cơ sở và tổ chức thành viên thực hiện, lồng ghép nội dung tuyên truyền xây dựng NTM vào các hội nghị.

Các địa phương đều xây dựng được kế hoạch tuyên truyền, vận động cụ thể; thành lập bộ phận chuyên trách thực hiện công tác tuyên truyền, vận động. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đã phát huy tốt vai trò của mình.

Với các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, đạt hiệu quả cao, thông qua hệ thống truyền thanh, các hội nghị ở xã, thôn, trong sinh hoạt của các đoàn thể, sân khấu hóa hoạt động tuyên truyền,... có nhiều cách làm hay, hiệu quả như: Biên tập cuốn tài liệu về nội dung xây dựng NTM dùng cho sinh hoạt chi bộ và các đoàn thể; niêm yết bản đồ quy hoạch xây dựng NTM tại nhà văn hóa xã, thôn và khu trung tâm của xã; phát hành tờ rơi tuyên truyền, phát phiếu lấy ý kiến đến từng hộ dân; tổ chức lễ phát động "Toàn dân chung tay xây dựng NTM", ký giao ước thi đua giữa các thôn, gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", "Ngày vì người nghèo".

4. Sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, đời sống của người dân khu vực nông thôn đã có sự cải thiện toàn diện về mọi mặt. Kết quả đó có sự đóng góp quan trọng của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên trong việc giám sát và tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới như phát động phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" và gắn với các chủ đề, phong trào cụ thể, qua đó khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp ở từng địa phương; vận động các nguồn lực đóng góp từ nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn (*như hiến đất làm đường, xây dựng các công trình dân sinh nông thôn…);*bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn... Trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên tham gia thực hiện với 2 nhiệm vụ trọng tâm: *một là,* tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới; *hai là,* giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thông qua hệ thống MTTQ Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị xã hội và Ban công tác mặt trận ở khu dân cư, kết quả cụ thể:

4.1. MTTQ Việt Nam các cấp trong tỉnh:

Để thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân thực hiện 5 nội dung của cuộc vận *động "Toàn dân*

đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh, cụ thể: tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến mọi tầng lớp nhân dân, giúp người dân hiểu được quyền lợi, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc cơ sở và tổ chức thành viên thực hiện, lồng ghép nội dung tuyên truyền xây dựng NTM vào các hội nghị, với các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, đạt hiệu quả cao, thông qua hệ thống truyền thanh, các hội nghị ở xã, thôn, trong sinh hoạt của các đoàn thể, sân khấu hóa hoạt động tuyên truyền... có nhiều cách làm hay, hiệu quả như: Phát hành tài liệu về nội dung, các tiêu chí xây dựng NTM dùng cho sinh hoạt chi bộ và các đoàn thể;giám sát việc niêm yết bản đồ quy hoạch xây dựng NTM tại nhà văn hóa xã, thôn và khu trung tâm của xã; phát phiếu lấy ý kiến đến từng hộ dân; tổ chức lễ phát động *"Toàn dân chung sức xây dựng NTM",* ký giao ước thi đua giữa các thôn, gắn với cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", "Ngày vì người nghèo"*. Nhiều xã đã phát huy tốt vai trò tự quản của cộng đồng dân cư ở nông thôn như: xóm tự quản, thôn tự quản, liên gia tự quản, tự quản trong từng dòng họ.

- Kết quả thực hiện chương trình thông qua quỹ "Vì người nghèo": MTTQ đã vận động nhân dân đoàn kết tham gia phát triển kinh tế, tích cực giúp nhau giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống, khuyến khích làm giàu chính đáng góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, xóa nhà ở dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2010 đến nay quỹ *"Vì người nghèo"* các cấp đã vận động được trên 182 tỷ đồng để hỗ trợ hộ nghèo. Từ nguồn vận động đó đã hỗ trợ xây mới xây mới trên 4.500 ngôi và sửa chữa 1.017 nhà đại đoàn kết, hỗ trợ 40.653 lượt người nghèo sản xuất, khám bệnh, học sinh nghèo; tặng trên 550.000 suất quà cho hộ nghèo, cận nghèo nhân dịp Tết Cổ truyền của dân tộc.

- Kết quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của MTTQ các cấp trong xây dựng nông thôn mới: Công tác giám sát và phản biện xã hội được MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện có hiệu quả. Chương trình giám sát và phản biện xã hội hàng năm đều được MTTQ xây dựng kế hoạch, báo cáo cấp ủy, thống nhất với chính quyền và phối hợp với các tổ chức thành viên triển khai thực hiện. Qua giám sát cho thấy các địa phương đã quán triệt và thực hiện đúng chủ trương của đảng, sự chỉ đạo của các cấp về chương trình xây dựng NTM. Các công trình hạ tầng chung của xã hầu hết được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định về xây dựng cơ bản và thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng; việc thanh quyết toán thuận lợi, đúng quy định, không có vướng mắc. Các công trình đều được giám sát tốt, chưa có biểu hiện thất thoát, sai phạm. Việc huy động đóng góp của nhân dân được thực hiện dân chủ, tự nguyện và đồng thuận, chủ yếu đóng góp để làm đường xóm, đường thôn, đường nội đồng.Sau giám sát Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh đã tiếp thu những kiến nghị, phản ánh hợp lý của các địa phương chuyển đến các cơ quan chức năng. Công tác phối hợp hoạt động giám sát: Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh tham gia các Đoàn giám sát của tỉnh về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn

tỉnh. Ủy ban MTTQ cấp huyện tích cực tham gia hoạt động giám sát theo chương trình của tỉnh, đồng thời phối hợp với HĐND, Viện KSND, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện giám sát chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Vận động nhân dân hiến đất, hiến công xây dựng nông thôn mới : Trong quá trình xây dựng nông thôn mới đã xuất hiện nhiều cách làm hiệu quả như: Mô hình *"Ban công tác Mặt trận thôn, KDC vận động nhân dân hiến dất, hiến công"* tại các huyện Kinh Môn, Nam Sách, Gia Lộc, thị xã Chí Linh, thành phố Hải Dương...Hiệu quả của mô hình thể hiện qua việc nhận thức của hệ thống chính trị và nhân dân trong cộng đồng dân cư về xây dựng nông thôn mới được nâng lên; xác định rõ hơn vai trò chủ thể của người dân, vì lợi ích của dân trong xây dựng nông thôn mới. Từ đó tạo sự đồng thuận trong của nhân dân, khuyến khích, động viên người dân tham gia đóng góp vật chất và tinh thần trong xây dựng nông thôn mới. MTTQ các cấp và các tổ chức thành viên đã vận động nhân dân hiến đất, hiến công, hiến của để xây dựng nông thôn mới. Kết quả, toàn tỉnh đã huy động nhân dân đóng góp trên 2.000 tỷ đồng, 9.000ha đất và 987.000 ngày công để xây dựng nông thôn mới. Tiêu biểu là huyện Bình Giang đã vận động nhân dân hiến 834 ha đất, 10.000 ngày công và 318 tỷ đồng; huyện Gia Lộc vận động hiến 51,7 ha đất, 66.986 ngày công và 256 tỷ đồng, huyện Nam Sách vận động hiến 27,1 ha đất, 17.688 ngày công và 152 tỷ đồng, huyện Thanh Miện huy động động 486 tỷ đồng...

- Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới: Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; và các hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, về nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới cấp huyện, cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh đã ban hành các hướng dẫn: Hướng dẫn số46/HD- MT, ngày 2/8/2017 và Hướng dẫn số 80/HD-MT, ngày 16/3/2019 về lấy ý kiến hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2017 đến nay, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnhđã hướng dẫn và phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các huyện, thị xã, thành phố, trực tiếp phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các xã và Ban công tác Mặt trận thôn, khu dân cư lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới,thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*(từ năm 2019 thực hiện việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân cả phường, thị trấn đối với huyện về đích NTM và thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM)*. Thông qua việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới của tỉnh, có thể khẳng định Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã đem lại hiệu quả cả về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, thu nhập người dân tăng cao hơn, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân trung

bình mỗi năm 1,17%, năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo là 7,19% (tương ứng là 43.348 hộ), năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 1,36% (tương ứng 8.850 hộ), 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng các chính sách xã hội kịp thời và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; đường làng ngõ xóm phong quang sạch đẹp, tình hình an ninh trật tự tốt hơn...Phát huy vai trò chủ thể của người dân, hệ thống hạ tầng ngày càng được quan tâm đầu tư và phát huy hiệu quả tích cực, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, làm thay đổi toàn diện khu vực nông thôn. Đặc biệt, nhân dân đánh giá cao vai trò của MTTQ và các tổ chức đoàn thể Chính trị - xã hội tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới, thông qua việc nắm bắt tình hình tâm tư, nguyện vọng và các đề xuất của người dân đề nghị với cấp ủy, chính quyền để cấp ủy, chính quyền tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thực hiện, nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện tốt các nội dung Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*. Việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh được Uỷ ban MTTQ các cấp từ tỉnh đến cơ sở và Ban công tác Mặt trận chủ trì, triển khai thực hiện nghiêm túc đúng quy định; các nội dung được công khai, dân chủ, khách quan, đảm bảo phản ánh đúng thực trạng về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh. Từ đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong giám sát thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của địa phương.

4.2. Hội Nông dân:

Tuyên truyền xây dựng nông thôn mới gắn với triển khai hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Trong hơn 10 năm qua, các cấp Hội nhất là cấp cơ sở đã tích cực vận động nông dân đóng góp ước đạt gần 2.000 tỷ đồng, 700 ha đất nông nghiệp và đất thổ cư để làm đường giao thông nông thôn, đường nội đồng, các công trình phúc lợi… Hội Nông dân tỉnh xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, tiêu biểu như: Dự án "Hỗ trợ nông dân đầu tư cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2008-2010 và giai đoạn 2012-2015" đã giúp cho 1.556 hộ nông dân được vay vốn trong thời gian 3 năm không phải trả lãi suất mua 1.626 máy móc các loại phục vụ sản xuất nông nghiệp với tổng số tiền vay Ngân hàng là 94,7 tỷ đồng và tổng số tiền hỗ trợ lãi suất trên 22 tỷ đồng; Dự án khoa học "Xây dựng mô hình sản xuất gà Mía lai Sasso thương phẩm trên địa bàn huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương". Mô hình có quy mô 20.000 con gà Mía lai Sasso thương phẩm,với 10 hộ tham gia dự án; tổng số tiền thực hiện dự án là 423 triệu đồng. Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã tổ chức 14.520 buổi chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho 1.085.620 lượt nông dân tham dự; Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân HND tỉnh trực tiếp tập huấn được 535 lớp về sản xuất rau, quả, chăn nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP cho 20.850 lượt nông dân; các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã tổ chức hỗ trợ nông dân xây dựng trên 150 mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về phân bón, về giống cây trồng, vật nuôi… vào sản xuất với tổng số tiền hỗ trợ trên 4 tỷ đồng; đã phối hợp với các công ty cung ứng được gần 45.000 tấn phân bón trả chậm các loại cho nông dân; phối hợp với Viện cây Lương thực và Cây thực phẩm, Viện Rau quả, Viện Di truyền nông

nghiệp, Trung tâm giống thủy sản miền Bắc, các công ty giống gia cầm… cung ứng trên 500 nghìn giống cây ăn quả các loại như mít siêu sớm, hồng xiêm Thái Lan, ổi lê, nhãn muộn…, gần 2 triệu con gia cầm giống, trên 20 triệu con giống thủy sản các loại, hàng vạn chế phẩm sinh học xử lý nước ao nuôi thủy sản, xử lý rơm rạ...Các hoạt động dịch vụ trả chậm cung ứng giống, vật tư đầu vào có giá cả phù hợp, chất lượng tốt, giảm áp lực về vốn, giúp nông dân tránh các rủi ro không đáng có do mua phải hàng giả, hàng kém chất lượng … Trong 10 năm qua các cấp Hội luôn khai thác nguồn vốn quỹ hỗ trợ nông dân cho hội viên nông dân vay vốn phát triển SXKD. Hiện nay tổng nguồn vốn quỹ hỗ trợ nông dân 4 cấp đạt 82,32 tỷ đồng cho 3.507 hộ vay phát triển sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, các cấp Hội tích cực phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng NN&PTNT tạo điều kiện cho hội viên nông dân vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh với tổng dư nợ đến nay là 2.234,1 tỷ đồng với 33.762 hộ hội viên nông dân đang vay. Nguồn Quỹ quốc gia về việc làm do Trung ương HND ủy thác đang cho 68 hộ vay sử dụng đúng mục đích xin vay và phát huy hiệu quả nguồn vốn với tổng số tiền là 2,015 tỷ đồng. Thực hiện chủ trương của Đảng và các Nghị quyết của Trung ương HND về phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; Tính đến nay, các cấp Hội trong tỉnh đã xây dựng được 413 mô hình tổ nhóm liên kết, tổ hợp tác, HTX. Các cấp Hội đã chủ trì xây dựng 15 nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm đặc trưng vùng miền, chất lượng cao

Trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều nông sản vào thời vụ thu hoạch gặp khó khăn trong tiêu thụ, Hội Nông dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp Hội kết nối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức thiện nguyện trong và ngoài tỉnh tổ chức hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho hội viên, nông dân. Kết quả, đã có trên 30.000 tấn rau, củ, quả; gần 5.000 tấn gà thịt, cá; trên 1,5 triệu quả trứng gia cầm được các cấp Hội tổ chức hỗ trợ tiêu thụ cho hội viên, nông dân; trong đó, HND tỉnh kết nối tiêu thụ 200 tấn rau, củ, quả các loại; 2.000 con gà thịt; 150.000 quả trứng gia cầm. Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã vận động cán bộ, hội viên, các hộ sản xuất kinh doanh giỏi thực hiện giúp đỡ 54.350 lượt hộ nghèo về khoa học kỹ thuật, giống vốn, tiền mặt, vật tư, công lao động... Tư vấn cho 20.560 người, giới thiệu việc làm cho 750 lao động tham gia làm việc tại các công ty, doanh nghiệp trong nước; tư vấn xuất khẩu lao động cho 1.840 người, trong đó đã làm hồ sơ và giúp xuất cảnh được 153 người đi làm việc, du học tại thị trường Nhật Bản, Đài Loan … Qua đó, hàng trăm lao động nông thôn thuộc hộ nghèo có việc làm, thu nhập ổn định và thoát nghèo bền vững.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được các cấp Hội quan tâm chỉ đạo, tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia hưởng ứng; tích cực vận động hội viên, nông dân thực hiện tiêu chí "làng văn hóa", "xã văn hóa", xây dựng gia đình văn hóa; tích cực xây dựng các câu lạc bộ gia đình nông dân phát triển bền vững, mô hình "Truyền thông lồng ghép giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình"; vận động hội viên, nông dân thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang và tổ chức lễ hội; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao như: giao hữu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn,cờ tướng...Hàng năm đã có trên 300.000 hộ nông dân đăng

ký phấn đấu đạt Gia đình văn hoá và thực hiện kế hoạch hóa gia đìn. 10 năm qua, các cấp Hội trong tỉnh đã trực tiếp và phối hợp tổ chức dạy nghề được 748 lớp nghề cho 26.180 lao động nông thôn; phối hợp với các đơn vị khác tổ chức 373 lớp cho 13.055 lao động nông thôn, tỷ lệ học viên sau học nghề có việc làm đạt trên 85%. Hàng năm 12/12 huyện, thị, thành Hội xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường ở các cơ sở, chi tổ hội; đến nay đã thành lập 382 mô hình chi Hội "nông dân tham gia bảo vệ môi trường nông thôn" ở các cơ sở Hội trong tỉnh. HND tỉnh đã hỗ trợ tổng số 485 thùng xử lý rác thải hữu cơ và 970 kg men vi sinh cho 485 hộ tham gia. Các mô hình đãgóp phần giảm lượng rác thải vận chuyển đến các hố rác tập trung và tạo ra lượng lớn phân hữu cơ bón cho cây trồng. Tín chấp với Ngân hàng chính sách xã hội cho gần 20 ngàn hộ hội viên nông dân vay vốn xây dựng công trình nước sạch, công trình nhà vệ sinh, với tổng số dư nợ khoảng 200 tỷ đồng.

4.3. Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN):

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, các chủ trương, chính sách, các văn bản pháp luật của Đảng, Nhà nước, của tỉnh có liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia *"Xây dựng nông thôn mới"*, gắn với các tiêu chí của Cuộc vận động *"Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"*;. Từ năm 2010 đến nay, Hội phụ nữ các cấp trong tỉnh đã phối hợp với ngành nông nghiệp tổ chức được 8.583 lớp tập huấn chuyển giao KHKT cho 865.420 lượt cán bộ, hội viên phụ nữ. Sau học tập chị em đã ứng dụng kiến thức vào thực tế góp phần tăng năng suất cây trồng vật nuôi. Chủ động khai thác và quản lý có hiệu quả các nguồn vốn từ Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng CSXH, Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển cho hội viên phụ nữ vay phát triển kinh tế với tổng số tiền gần 3.000 tỷ đồng cho trên 71.000 hộ vay. Phong trào *"Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình*", *"Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ"* được duy trì, phát triển ở 235/235 cơ sở Hội; đến nay, các cơ sở Hội đã vận động 150.000 lượt chị có điều kiện giúp cho 81.000 lượt hộ gia đình phụ nữ khó khăn, phụ nữ nghèo vay không lấy lãi, hỗ trợ vật tư sản xuất, cây con giống với tổng trị giá thành tiền là trên 208,87 tỷ đồng, Hội đã giúp được trên 42.000 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ và đã có trên 13.000 hộ thoát nghèo.

Hoạt động dạy nghề, giới thiệu việc làm được quan tâm thường xuyên; từ năm 2010 đến nay các cấp Hội đã phối hợp Trung tâm Dịch vụ việc làm 8/3, các Trung tâm dạy nghề, các công ty trong và ngoài tỉnh tổ chức 937 lớp đào tào nghề cho 23.020 người (nghề may, móc, mây tre đan, thủ công mỹ nghệ, tin học, may mặc…); tư vấn, giới thiệu trên 30 nghìn lao động nữ vào làm việc tại các khu công nghiệp, tạo việc làm tại chỗ cho trên 22.000 người với mức thu nhập bình quân từ 2,5 triệu đồng - 4 triệu đồng/tháng. Công tác nhân đạo từ thiện, đền ơn đáp nghĩa luôn được các cấp Hội quan tâm và duy trì có hiệu quả. Nhân dịp tết nguyên đán, các ngày lễ của đất nước, của Hội các cấp Hội phụ nữ trong tỉnh đã tổ chức thăm 47.580 lượt gia đình với tổng số tiền trên 10,9 tỷ đồng, xây dựng mới, sửa chữa 545 mái ấm tình thương trị giá trên 21 tỷ đồng ; xây dựng được 1.251 mô hình hũ gạo tình thương, nuôi lợn tiết kiệm với số tiền 31.5 tỷ đồng; tặng 8512 suất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó; Đặc biệt năm

2018, hưởng ứng đợt thi đua đặc biệt với chủ đề*: "Phụ nữ Hải Dương tiết kiệm giúp phụ nữ, trẻ em nghèo và phụ nữ biên cương",* các cấp Hội phụ nữ trong tỉnh đã huy động được số tiền trên 2,7 tỷ đồng giúp được 6.313 phụ nữ, trẻ em nghèo trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt trong đợt dịch covid - 19, Hội LHPN tỉnh huy động các nguồn lực trao tặng hơn 1,5 triệu khẩu trang, hơn 63.000 sản phẩm sát khuẩn, 2.300 bộ trang phục bảo hộ, 12.000 mũ chống giọt bắn, 65 máy đo nhiệt độ, trên 20 tấn gao, 7.000 suất quà 2 triệu quả trứng gà, hàng ngàn thùng mỳ tôm, trên ngàn sản phẩm sữa và nhiều loại nhu yếu phẩm và thực phẩm thiết yếu khác cũng với tiền mặt… tổng trị giá gần 20 tỷ đồng hỗ trợ các chốt kiểm soát dịch, nơi phục vụ công tác cách ly, bếp ăn dã chiến và hội viên phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng của dịch covui - 19.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ các cấp, từ năm 2011 đến nay, các cấp Hội phụ nữ trong tỉnh tiếp tục tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên phụ nữ thực hành tiết kiệm tại chi, tổ, đến nay đã tiết kiệm được 250 tỷ đồng, bình xét cho trên 20.000 lượt hội viên phụ nữ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn vay. Các cấp Hội phụ nữ trong tỉnh thường xuyên phối hợp với ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức tập huấn, nói chuyện chuyên đề về Bình đẳng giới, về phòng, chống bạo lực gia đình; tư vấn, vận động phụ nữ, nam giới tham gia phòng chống bạo lực gia đình. Hội LHPN tỉnh đã xây dựng chương trình phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch về đẩy mạnh công tác vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững giai đoạn 2017 - 2022; phối hợp với Đài PTTH tỉnh xây dựng chuyên mục phụ nữ và cuộc sống với chủ đề "*Vai trò của người mẹ trong phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em"* và phóng sự *"Phụ nữ với công tác phòng chống mua bán người","Vai trò của các cấp Hội trong phòng chống mua bán người", "Giải pháp phòng chống bạo hành phụ nữ và trẻ em gái*. Thường xuyên duy trì các mô hình vận động tại cộng đồng như: các câu lạc bộ, tổ, nhóm, mô hình về xây dựng gia đình hạnh phúc: CLB xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, mô hình "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch", "Phòng chống BLGĐ", "Mẹ chồng, nàng dâu", … Đến nay tổng số CLB về xây dựng gia đình trong toàn tỉnh là 1.301 CLB với 59.773 thành viên. Các mô hình đều xác định mục tiêu, nội dung cụ thể, hoạt động theo quy chế và kế hoạch do vậy đạt được kết quả nhất định, được cấp ủy, chính quyền ghi nhận và đánh giá cao thu hút ngày càng đông các thành viên tham gia; là kênh tuyên truyền phổ biến hiệu quả góp phần bảo đảm an toàn cho phụ nữ và trẻ em, xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của 247 CLB phụ nữ bảo vệ môi trường, 922 đoạn đường phụ nữ tự quản, 955 tổ thu gom rác thải với 5.174 thành viên, 542 mô hình, CLB "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" tại các địa phương và 256 mô hình chi hội phân loại rác thải tại hộ gia đình với 17.748 hộ gia đình tham gia; 48 mô hình phụ nữ tiết kiệm từ thu gom phế thải với 4.807 thành viên. Từ năm 2017 đến nay, Hội LHPN tỉnh chỉ đạo mỗi cơ sở Hội đăng ký, xây dựng ít nhất 01 mô hình đường hoa, đến nay, toàn tỉnh đã trồng được 922 đoạn/tuyến đường hoa với tổng chiều dài trên 515km; trồng mới 21.700 cây xanh gồm các loại do Công ty TNHH May Tinh Lợi hỗ trợ. Từ hiệu quả của mô

hình một số địa phương đã quan tâm tạo điều kiện trang bị quần áo bảo hộ, mua bảo hiểm và dụng cụ lao động, hỗ cho chị em trong tổ đội vệ sinh môi trường nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho chị em … Hưởng ứng phong trào "Chống rác thải nhựa", các cấp Hội phụ nữ trong tỉnh đã tuyên truyền, vận động hội viên phụ nữ tích cực thực hiện các hoạt động *"Nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần*", giảm thiểu tiêu thụ các sản phẩm nhựa và túi ni lông khó phân hủy, nhất là các sản phẩm nhựa dùng một lần; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về bảo vệ môi trường, chống rác thải nhựa, phối hợp tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng.Thông qua các hoạt động, bước đầu đã tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, hội viên, phụ nữ và cộng đồng về chống rác thải nhựa, góp phần bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp. Nhiều mô hình cụ thể đã được các đơn vị phát triển và nhân rộng như thu gom phế liệu bán lấy tiền gây quỹ, thay đổi thói quen dùng làn đi chợ...

4.4. Hội Cựu Chiến binh:

Trên cơ sở kế hoạch của Hội CCB tỉnh, chỉ đạo 100% các cấp Hội từ huyện đến cơ sở xây dựng kế hoạch tham gia xây dựng NTM. Hàng năm, Ban Thường vụ Hội CCB tỉnh đều phát động các phong trào trọng tâm của Hội gắn với xây dựng NTM như: phong trào "*CCB gương mẫu*", phong trào "*CCB giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi*", Phong trào "*CCB bảo vệ môi trường*"; phong trào "*Xuân ấm tình người"*; phong trào *"xóa nhà dột nát, tranh tre*" … đến các cấp Hội trong tỉnh, cụ thể: Hội CCB các cấp đã vận động cán bộ, hội viên và nhân dân tham gia hiến: 177.651 m2 đất làm đường giao thông; làm mới, sửa chữa, nâng cấp 435 km các tuyến đường liên xã, liên thôn; XD 610,5 km kênh mương thủy lợi nội đồng. Phát động phong trào nêu gương trong nhiệm vụ dồn ô đổi thửa; tham gia: 102.903 ngày công vệ sinh môi trường; phát động các cấp Hội trồng được: 597.870 cây xanh các loại; tham gia đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng: 9,636 tỷ đồng. 10 năm qua, các cấp Hội trong tỉnh đã vận động cán bộ, hội viên và các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp đóng góp ủng hộ trên 10 tỷ đồng, giúp đỡ xây dựng, sửa chữa trên 200 ngôi nhà cho hội viên CCB có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, ở nhà dột nát, xuống cấp.

Được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội tiếp tục phối hợp với Hội Doanh nghiệp CCB tỉnh và Sở Nội vụ tỉnh trình UBND tỉnh ra quyết định nâng cấp 12/12 Câu lạc bộ các huyện, TX, TP lên thành Hội. Đến nay Hội Doanh nghiệp CCB tỉnh có 935 hội viên, đã phát triển 436 doanh nghiệp, 654 HTX, THT 2.594 trang trại, 2.210 gia trại, 3.041 hộ kinh doanh dịch vụ do CCB làm chủ; hàng năm thu hút trên 20 ngàn lao động, trong đó gần 50% là CCB, CQN và con em CCB. Số lượng các doanh nghiệp, HTX, THT, trang trại, gia trại, hộ kinh doanh dịch vụ năm 2021 đều tăng về số lượng và có sự phát triển mở rộng về quy mô sản xuất, tổng doanh thu của các doanh nghiệp, doanh nhân CCB trong tỉnh đạt trên 6.500 tỷ đồng/năm; lợi nhuận trên 350 tỷ đồng/năm; trong đó có 01 doanh nghiệp CCB doanh thu trên 1.000 tỷ đồng/năm; 02 doanh nghiệp doanh thu trên 500 tỷ đồng/năm; 22 doanh nghiệp có doanh thu trên 100 tỷ đồng/năm; 27 doanh nghiệp có doanh thu trên 50 tỷ đồng/năm và hàng trăm trang trại, gia trại có doanh thu từ 1 đến 10 tỷ đồng/năm trở lên.

Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" được các cấp Hội quan tâm chỉ đạo, tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên CCB tích cực tham gia hưởng ứng; tích cực vận động cán bộ, hội viên CCB thực hiện tiêu chí "*làng văn hóa*", "*xã văn hóa*", xây dựng gia đình văn hóa; tích cực xây dựng các câu lạc bộ gia đình CCB phát triển bền vững, mô hình "*Truyền thông lồng ghép giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình*"; vận động hội viên, nông dân thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang và tổ chức lễ hội; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao như: giao hữu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, cờ tướng...Hàng năm đã có trên 90% hộ CCB đăng ký phấn đấu đạt Gia đình văn hoá và thực hiện kế hoạch hóa gia đình… bình xét cuối năm có trên 90% hộ đạt. Hội CCB các cấp đã chỉ đạo hội viên CCB, CQN ở hầu hết các thôn, khu dân cư, các phường xã, thị trấn tham gia bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại và xử lý hàng nghìn tấn rác thải, túi li lông, vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật... ngay từ gia đình, đường làng, ngõ xóm và đồng ruộng, góp phần làm xanh, sạch, đẹp tại địa phương...

4.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

Bám sát sự chỉ đạo của Trung ương Đoàn; Tỉnh ủy, UBND tỉnh, chủ động tham mưu thực hiện các nội dung của chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, tham mưu cho UBND tỉnh, phê duyệt Đê án *"Đoàn Thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2020"'* với 7 nội dung, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh; Trong giai đoạn 2011 - 2015, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chủ động xây dựng chương trình và kế hoạch *"Tuổi trẻ Hải Dương chung tay xây dựng nông thôn mới",* Nhằm tiếp tục phát huy có hiệu quả tinh thần xung kích của đoàn viên, thanh niên trong xây dựng nông thôn mới, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã tham mưu Đề án *"Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2020"* với 07 nội dung, giải pháp của tổ chức Đoàn tham gia xây dựng nông thôn mới

Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chỉ đạo các cấp bộ Đoàn toàn tỉnh đẩy mạnh tổ chức các hoạt động ra quân *"Ngày thứ bảy tĩnh nguyện ", "Ngày chủ nhật xanh ", "Kỳ nghỉ hồng",* ra quân Bảo vệ môi trường, Bảo vệ dòng sông quê hương, trồng và chăm sóc cây xanh, vệ sinh trong và ngoài cơ quan, trường học, đường làng, ngõ xóm đã thu hút đông đảo đoàn viên thanh niên, học sinh, sinh viên và lực lượng vũ trang tham gia; vận động thanh niên nông thôn trực tiếp sản xuất tại các xã cam kết thực hiện sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường và xây dựng cơ sở sáng - xanh - sạch - đẹp; tích cực vận động người dân tại địa phương chấp hành luật giao thông đường bộ, đường thủy, tích cực tham gia thực hiện nếp sống văn minh nông thôn.

Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường xây dựng kế hoạch và tham mưu với UBND tỉnh phê duyệt cấp kinh phí hoạt động *"Đoàn Thanh niên tham gia Bảo vệ môi trường"* từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh Hải Dương, chủ động phối hợp với Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tổ chức *"Sàn giao dịch việc làm"',* phối hợp với Bộ

CHQS tỉnh triển khai chương trình hỗ trợ việc làm, mở các lớp đào tạo nghề cho bộ đội xuất ngũ trở về địa phương giai đoạn 2012 - 2017, giai đoạn 2018 - 2022 tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nông dân trẻ theo hướng chuyên nghiệp; tăng cường tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật; tập trung xây dựng mô hình điểm về *"Công tác áp dụng tiến bộ KHKT, giống, vốn và kỹ năng quản lý mô hình",* Tính đến tháng 6/2021, doanh số cho các đối tượng vay vốn từ nguồn vốn (120) Trung ương Đoàn là 806 triệu đồng và nguồn vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội đạt 242,561 tỷ đồng cho hơn 5.300 đối tượng thanh niên tham gia phát triển kinh tế tại các địa phương trong toàn tỉnh. tích cực tham gia Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư",* tham gia các hoạt động lễ hội lành mạnh; tham gia tu sửa, làm đẹp các công trình, di tích lịch sử, văn hoá của địa phương; vận động thanh niên nông thôn đi đầu bài trừ các hủ tục lạc hậu, giữ gìn các nét văn hóa đẹp của dân tộc, gương mẫu thực hiện các quy ước của cộng đồng, nhất là thực hiện tiết kiệm, văn minh trong việc cưới, việc tang; tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao trên địa bàn.

4.6. Liên đoàn lao động.

Hàng năm, ngay từ tháng đầu của quý I, Liên đoàn Lao động tỉnh đã chỉ đạo các cấp công đoàn trong tỉnh tổ chức phong trào thi đua "Mừng Đảng, mừng xuân" và các đợt thi đua cao diêm chào mừng các ngày lễ kỷ niệm và các sự kiện lớn trong năm. Tổ chức thực hiện phong trào thi đua đổi mới, sáng tạo, hiệu quả trong hoạt động công đoàn gắn với các phong trào thi đua trọng tâm như: "Lao động giỏi, lao động sáng tạo", phong trào "xanh - sạch - đẹp, bảo đảm ATVSLĐ", phong trào "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" trong nữ CNVCLĐ; phong trào thi đua phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới"... vận động đoàn viên và người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động.

Phong trào thi đua "Lao động giỏi, lao động sáng tạo", phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã được đông đảo công nhân viên chức, người lao động tham gia hưởng ứng. Hàng năm, công nhân viên chức, người lao động trong tỉnh đã triển khai hàng trăm đề tài, giải pháp có giá trị làm lợi hàng trăm tỷ đồng; Năm 2021, hưởng ứng Chương trình "75 nghìn sáng kiến- vượt khó, phát triển" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động, Liên đoàn Lao động tỉnh đã xây dựng và triển khai kế hoạch chỉ đạo các cấp công đoàn tuyên truyền vận động CNVCLĐ tích cực tham gia; kết quả có 12.692 CNVCLĐ tham gia với 11.420 sáng kiến đủ điều kiện và được xếp thứ 6 toàn quốc.

Phong trào *"Xanh- sạch- đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ"* được duy trì thường xuyên và đi vào nề nếp. Thực hiện Chương trình hành động số 01/CTrPH ngày 21/4/2020 của Ban Dân vận Tỉnh uỷ, Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội CCB tỉnh, Hội LHPN tỉnh, HĐND tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, LĐLĐ tỉnh, Tỉnh đoàn, Sở TN&MT, sở NN&PTNT tỉnh về việc triển khai chương trình phối hợp Chung tay bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đã xây dựng

Chương trình phối hợp "Chung tay bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020-2022" triển khai tới các cấp công đoàn trong tỉnh tổ chức thực hiện. Thực hiện chương trình xây dựng nhà "Mái ấm công đoàn" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động, hàng năm Liên đoàn Lao động chỉ đạo các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tiến hành khảo sát và đề nghị hỗ trợ xây dựng nhà hoặc sửa nhà cho công nhân viên chức, lao động có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở. Hàng năm, Liên đoàn Lao động tỉnh hỗ trợ kinh phí xây dựng từ 5-10 nhà "Mái ấm công đoàn" với số tiền 30 triệu đồng/nhà, hỗ trợ kinh phí sửa nhà cho từ 15-20 công nhân viên chức, lao động mỗi nhà 10 triệu đồng, qua đó góp phần giảm bớt khó khăn, ổn định cuộc sống cho công nhân viên chức, lao động.

Liên đoàn Lao động tỉnh đã triển khai 27 dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, với tổng số tiền 1,135 tỷ đồng cho 35 hộ gia đình vay vốn, qua đó tạo thêm việc làm cho bản thân và người thân trong gia đình; từ nguồn vốn được vay, công nhân viên chức, lao động và gia đình đã triển khai các dự án phát triển kinh tế hộ gia đình như: trồng cây ăn quả, chăn nuôi gà, cá, lợn..., mang lại nguồn thu nhập bình quân từ 300.000-500.000 đồng/người/tháng, góp phần ổn định đời sống cho công nhân viên chức, lao động và người dân vùng nông thôn có hoàn cảnh khó khăn. Nhân Tháng hành động vì người nghèo, ngày cả nước vì người nghèo hàng năm, Liên đoàn Lao động tỉnh đều tuyên truyền, vận động công nhân viên chức, lao động tích cực tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo với sô tiền hàng tỷ đồng; góp phần chung tay thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo của tỉnh.

5. Công tác đào tạo, tập huấn

Hàng năm thực hiện sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức các lớp tập huấn hoặc phối hợp các ngành, đoàn thể tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, từ cán bộ huyện, thành phố cho tới lãnh đạo các xã, thôn, chi bộ, Hợp tác xã. Cấp tỉnh, huyện, xã tổ chức các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới trong và ngoài tỉnh để lựa chọn cách làm sáng tạo, hiệu quả phù hợp với từng địa phương.

Ban chỉ đạo tỉnh giao cơ quan thường trực Chương trình xây dựng tài liệu và tổ chức nhiều đợt tập huấn cho cán bộ các huyện, thành phố, thị xã; Bí thư, Chủ tịch UBND của các xã; Bí thư chi bộ, trưởng thôn, cán bộ chuyên môn, cán bộ HTX với trên 7.000 lượt học viên tham dự. Ban chỉ đạo cấp huyện đã tổ chức tập huấn được 170 lớp cho 17.000 lượt người tham dự; Ban chỉ đạo cấp xã đã tổ chức được 600 lớp cho 60.000 lượt người tham dự. Ngoài ra, còn tổ chức nhiều Đoàn cán bộ đi thăm quan, học tập kinh nghiệm ở các địa phương điển hình về xây dựng NTM.

6. Công tác kiểm tra giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát có một vai trò quan trọng đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, các cấp ủy luôn quan tâm, chú trọng công tác kiểm tra, giám

sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, quyết định những công việc, huy động và sử dụng nguồn lực của nhân dân; việc bố trí và sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ bản; việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng hỗ trợ theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, qua đó củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương. Qua đôn đốc, kiểm tra, giám sát đã giúp cấp ủy nắm được tình hình; những kiến nghị, đề xuất của các xã, từ đó tìm ra những giải pháp cụ thể, kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho từng địa phương; đồng thời, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong thực hiện xây dựng nông thôn mới, nhân dân thực sự là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

Công tác xử lý nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới được Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, chỉ đạo các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã kiểm soát nguồn vốn đầu tư, ưu tiên vào các hạng mục công trình cấp bách, thiết thực nhất phục vụ đời sống và tinh thần cho nhân dân, không đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm và hạn chế nợ phát sinh mới, nhờ đó đến nay trên địa bàn tỉnh Hải Dương không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

7. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hải Dương:

Tổng kinh phí đã thực hiện trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011-2021 là: **58.383,123 tỷ đồng**, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.521,423 tỷ đồng, chiếm 2,61%.
- Ngân sách tỉnh: 4.168,2 tỷ đồng, chiếm 7,1%.
- Ngân sách cấp huyện: 1.609,5 tỷ đồng, chiếm 2,8%.
- Ngân sách xã: 4.449,1 tỷ đồng, chiếm 7,6%.
- Vốn lồng ghép: 2.962,4 tỷ đồng, chiếm 5,1%.
- Vốn vay tín dụng: 32.417 tỷ đồng, chiếm 55,5%.
- Doanh nghiệp: 5.359,2 tỷ đồng, chiếm 9,17%.
- Nhân dân đóng góp: 5.461,3 tỷ đồng, chiếm 9,35%.
- Vốn huy động khác: 435 tỷ đồng, chiếm 0,74%.

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định

Tổng số xã trên địa bàn tỉnh: 178 xã.

Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 178 xã.

Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 178/178 xã, đạt 100%.

2. Kết quả xây dựng xã nông thôn mới

2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch

- Công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch được xác định là nhiệm vụ quan trọng, là tiền đề và đi trước một bước trong thực hiện xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo ngay từ năm 2011 và ban hành cơ chế hỗ trợ các xã xây dựng quy hoạch nông thôn mới và hỗ trợ 100% kinh phí làm quy hoạch cho các xã. Cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền và sự tham gia tích cực của các tổ công tác, các đơn vị tư vấn, hết năm 2015 cả 226/226 xã (đạt 100%) trên địa bàn tỉnh đã có quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn đến năm 2020 được phê duyệt. Các Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, quy hoạch chi tiết dự án đầu tư xây dựng tại các xã được triển khai cơ bản phù hợp theo quy hoạch xã được duyệt.

- Thực hiện Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14 ngày 16-10-2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đến ngày 29-11-2019 tỉnh Hải Dương giảm còn 178 xã. Qua các đợt thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế các xã cho thấy Quy hoạch xây dựng được duyệt đều đã được công bố, công khai rộng rãi; các xã đã tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt. Các xã đã thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch xã nông thôn mới theo định kỳ đảm bảo phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01-3-2017. Đối với các xã mới sau khi sát nhập đã thực hiện rà soát, khớp nối các quy hoạch được duyệt hoặc điều chỉnh quy hoạch đảm bảo phù hợp. Các xã đã triển khai và thực hiện các nội dung theo quy hoạch đã duyệt đảm bảo theo đúng quy định.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, bằng nhiều hình thức huy động nguồn lực từ ngân sách Trung ương, địa phương và lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu trên địa bàn, đặc biệt là sự tham gia đóng góp ngày công, hiện vật của nhân dân, đến nay kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn đã có những đổi thay vượt bậc, bộ mặt nông thôn ngày càng được đồng bộ, khang trang từng bước đáp ứng nhu cầu nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân, đồng thời, đang dần bắt kịp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Thông qua cơ chế đầu tư đặc thù đối với các công trình, dự án thuộc Chương trình đã khuyến khích, vận động được người dân và cộng đồng tham gia tích cực hơn vào xây dựng NTM trên địa bàn *(từ công tác lập kế hoạch đến triển khai thực hiện, giám sát, quản lý và vận hành các công trình...)*, cụ thể:

2.2.1. Về Giao thông

-Từ năm 2001 đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án, cơ chế hỗ trợ xây dựng phát triển GTNT trên địa bàn tỉnh Hải Dương tại Quyết định số 4412/QĐ-UBND ngày 21/12/2001; Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 và Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 12/9/2016. Với phương châm: "Nhà nước

và nhân dân cùng làm, dân làm là chính Nhà nước hỗ trợ" phong trào xây dựng đường GTNT được đẩy lên một bước; các địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển và quản lý GTNT hàng năm, với tỷ lệ đóng góp kinh phí hợp lý giữa ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương và sự tham gia đóng góp của nhân dân đã tạo động lực thúc đẩy phong trào xây dựng đường GTNT của các địa phương đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

- Từ năm 2011 - 2015 toàn tỉnh đã hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp được 3.184km đường các loại. Kinh phí đầu tư là 3.095,543tỷ đồng; trong đó nhà nước đầu tư là 323,890 tỷ đồng (bằng 10%), tỉnh hỗ trợ theo Đề án là 605,520 tỷ đồng còn lại là ngân sách địa phương và nhân dân đóng góp là 2.166,133 tỷ đồng. Từ năm 2016 đến nay toàn tỉnh đã hỗ trợ xây dựng đường giao thông sửa chữa, cải tạo, nâng cấp được 1.187 km đường giao thông nông thôn với kinh phí từ ngân sách nhà nước là 319,7 tỷ đồng và từ nguồn nhân dân đóng góp và ngân sách xã khoảng 1.278,8 tỷ đồng.

- Hệ thống đường xã, đường thôn xóm, đường ra đồng, nội đồng đều đạt và một số chỉ tiêu vượt mức yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của tỉnh (các trục đường thôn, đường xóm, đường trục chính nội đồng phần lớn đã được bê tông hóa vượt so với yêu cầu chỉ cứng hóa đối với đường thôn và sạch sẽ, không lầy lội, vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm), cụ thể: Đường xã: 1.017 km/ 1.017 km (đạt 100%) được nhựa hóa, bê tông hóa đạt đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đường trục thôn và đường liên thôn: 2.048 km/ 2.048 km (đạt 100%) được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đường ngõ xóm: 2.586 km/ 2.586 km (đạt 100%) sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đường trục chính nội đồng: 6.583 km/ 6.583 km (đạt 100%) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông.

2.2.2. Về thủy lợi

Hệ thống thủy lợi được coi là đòn bẩy, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Qua quá trình đầu tư xây dựng bằng nhiều nguồn vốn, hiện tại hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương phát triển rộng khắp, số lượng lớn, đa dạng về chủng loại công trình, trong hơn 10 năm qua, tỉnh đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi đồng bộ, đa mục tiêu, gắn với mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, từ đó đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, từng bước hình thành các vùng sản xuất lớn, chuyên canh. Song song với việc đầu tư nạo vét các tuyến kênh chính dẫn nước để chủ động trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng các xã trên địa bàn, làm tốt công tác vận động nhân dân thực hiện kiên cố hóa kênh tưới, nạo vét các tuyến kênh nội đồng do địa phương quản.

a) Về tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động

- Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 1.245 trạm bơm, với 2.325 máy bơm các loại, tổng công suất bơm 4.153.730m3/h; 68 hồ chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; 10.465 km kênh mương các loại; 840,25 km bờ vùng (bờ bao) thủy lợi, đảm bảo tưới và tiêu chủ động cho 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; trong đó: Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý 01 trạm bơm My Động (10x8000m3/h); 291,91 km bờ kênh trục Bắc Hưng Hải; 05 cống điều tiết lớn trên sông trục (Neo, Bá Thủy, Cầu Cất, Cầu Xe, An Thổ); Các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) thuộc tỉnh quản lý 285 trạm bơm, 1.171 máy bơm các loại, tổng công suất bơm 3.170.840m3/h; 08 hồ chứa; 2.236,27 km kênh mương; 334,72 km bờ vùng; Các Tổ chức thủy lợi cơ sở (Hợp tác xã DVNN, tổ hợp tác là dịch vụ thủy nông) quản lý 959 trạm bơm, 1.144 máy bơm, tổng công suất bơm 902.890 m3/h; 60 hồ chứa; 7.708,35 km kênh mương; 505,53 km bờ vùng.

- Thông qua các chương trình, đề tài, bằng nhiều nguồn vốn đã hỗ trợ một số địa phương xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đối với vùng sản xuất chuyên canh rau màu tập trung, như: Huyện Thanh Miện: Xã Phạm Kha, Lam Sơn, Hùng Sơn, thị trấn Thanh Miện, tổng diện tích khoảng 220ha; Huyện Cẩm Giàng: Xã Đức Chính 200 ha, xã Cẩm Văn 100 ha; TP Chí Linh: xã Nhân Huệ 160 ha; Thị xã Kinh Môn: xã Bạch Đằng, Thất Hùng, Hiến Thành, Thái Thịnh tổng diện tích khoảng: 120 ha....

b) Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ

Toàn tỉnh Hải Dương hiện có 374 km đê (256 km đê Trung ương). Công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều được tỉnh quan tâm đầu tư, những năm qua, toàn tỉnh đã kiên cố hóa được 118 km mặt đê; sửa chữa, nâng cấp được 98/279 cống dưới đê, xây dựng được 20,9 km kè đê, trồng tre chắn sóng được 293/374 km. Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và hiệu quả, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đến nay: 100% các xã, phường, thị trấn thành lập Ban chỉ huy PCTT & TKCN để giúp UBND cấp xã tổ chức thực hiện công tác PCTT & TKCN trên địa bàn; Thực hiện chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT & TKCN cấp huyện, cấp xã đã tổ chức, duy trì các lực lượng tham gia PCTT như tuần tra canh gác đê, cắm cừ đào mò, xung kích ứng cứu PCTT. Tổ chức thực hiện các phương án PCTT trên địa bàn. Tăng cường công tác bảo vệ công trình đê điều, thủy lợi, PCTT, phát hiện, báo cáo kịp thời các sự cố hư hỏng phát sinh để xử lý ngay từ giờ đầu. 100% các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện các phương án PCTT trên địa bàn. Tăng cường công tác bảo vệ công trình đê điều, thủy lợi, PCTT, phát hiện, báo cáo kịp thời các sự cố hư hỏng phát sinh để xử lý ngay từ giờ đầu.

- Thực hiện xây dựng mô hình thí điểm cấp xã "Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu quy định phòng, chống thiên tai tại chỗ" trong xây dựng nông thôn mới: Năm 2017 Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh đã chọn xã Hợp Đức, huyện

Thanh Hà làm xã điển hình xây dựng mô hình thí điểm cấp xã "Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu quy định phòng, chống thiên tai tại chỗ" trong xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên do xã Hợp Đức phải cơ cấu lại và sáp nhập thành xã mới (xã Thanh Quang) nên việc triển khai bị gián đoạn, một số hoạt động phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Từ năm 2018 đến nay Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai - Tổng cục Phòng chống thiên tai đã phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Thanh Hà và UBND xã Thanh Quang thực hiện được một số nội dung của dự án như (Điều tra, khảo sát thực địa; thiết kế mô hình phòng chống thiên tai; hướng dẫn các hoạt động phòng, chống thiên tai, lập kế hoạch, phương án ứng phó với thiên tai; định hướng về hạ tầng cơ sở thiết yếu…).

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi.

2.2.3. Về Điện

- Hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Hải Dương do: Công ty TNHH MTV điện lực Hải Dương quản lý 191 đơn vị trong tổng số 235 xã/ phường/ thị trấn. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng qua các năm với tổng mức đầu tư của công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương là 3.347,65 tỷ trong đó: Vốn đã đầu tư cho lưới điện hạ áp nông thôn 1.462,93 tỷ. Các HTX điện địa phương quản lý 48 xã. 26 xã còn lại do các HTX, doanh nghiệp tự đầu tư với số vốn nhỏ khoảng 5- 6 tỷ đồng. Hệ thống điện trên toàn tỉnh đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Công thương tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016; đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Đường dây trung áp, trạm biến áp, hạ áp và đường dây sau công tơ về các hộ gia đình tương đối tốt, đảm bảo cung cấp điện ổn định và liên tục, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Hệ thống đường dây, trạm biến áp được đầu tư cải tạo, nâng cấp thường xuyên đảm bảo 100% các xã có hệ thống điện đạt chuẩn. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện.

2.2.4. Về Trường học

- Trong hơn 10 năm triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh luôn quan tâm, chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học (TBDH), xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học. 4 Mạng lưới trường lớp luôn được củng cố và phát triển, CSVC được xây dựng kiên cố, trang thiết bị đồ dùng dạy học từng bước được nâng cấp, đồng bộ ở tất cả các cấp học. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn về trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chất lượng giáo dục có sự phát triển toàn diện, bền vững. Công tác xây dựng CSVC và trường đạt chuẩn quốc gia được gắn liền với Kế hoạch xây dựng NTM của huyện và các xã.

- Đến nay, tất cả các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH - THCS của 178 xã trong tỉnh đều đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo tiêu chí nông thôn mới. Chất lượng các tiêu chí phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được nâng cao, cụ thể: Thành phố Chí Linh Hiện nay có 5 xã, Trong đó 5 trường mầm non, 3 trường Tiểu học 2 trường Trung học cơ sở, 2 trường Tiểu học và Trung học cơ sở (Xã Bắc An không có trường Trung học cơ sở). Trong tổng số 12 trường có 10 trường đã được công nhận là trường chuẩn quốc gia còn hai trường liên cấp cũng đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trường học; Hiện nay thị xã Kinh Môn có 9 xã với 9 trường Mầm non, 9 trường Tiểu học, 9 trường Trung học cơ sở, trong đó có 20 trường đạt chuẩn quốc gia và 7 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất - thiết bị trường học; Hiện nay, thành phố Hải Dương có 6 xã với 18 trường học, trong đó có 13 trường đã được công nhận là trường chuẩn quốc gia và 5 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị trường học.

- Các huyện còn lại có tổng số 158 xã: Cẩm Giàng (15 xã), Nam Sách(18 xã), Gia Lộc (17xã), Thanh Miện (16 xã), Bình Giang (15 xã), Kim Thành (17 xã), Ninh Giang (19 xã), Tứ Kỳ (22 xã), Thanh Hà (19 xã), trong đó bậc Mầm non có tổng số 167 trường, trong đó 142 trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia, 25 trường đạt chuẩn về CSVC và TBDH; có tổng số 162 trường Tiểu học, trong đó 155 trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia và 07 trường đạt chuẩn về CSVC và TBDH; có tổng số 164 trường THCS, TH - THCS, trong đó có 140 trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia và 24 trường chưa được công nhận là trường chuẩn quốc gia nhưng đạt chuẩn về CSVC và TBDH;

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Trường học.

2.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa

- Việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa của tỉnh Hải Dương luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và đóng góp tích cực của nhân dân. Cụ thể như: giai đoạn từ 2006- 2008 mức kinh phí hỗ trợ 50 triệu đồng cho 01 nhà văn hoá thôn, khu dân cư xây dựng mới, đã có 736 nhà văn hoá được xây dựng, với tổng kinh phí là: 36 tỷ 800 triệu đồng. Giai đoạn từ 2009 - 2013 mức kinh phí hỗ trợ 100 triệu đồng cho 01 nhà văn hoá thôn, khu dân cư xây dựng mới và 50 triệu đồng cho 01 nhà văn hoá thôn, khu dân cư được sửa chữa nâng cấp, đã có 317 nhà văn hoá được xây mới, với kinh phí là 31 tỷ 700 triệu đồng; 443 nhà văn hoá được hỗ trợ sửa chữa nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, với kinh phí 22 tỷ 150 triệu đồng.

- Giai đoạn từ 2014 đến nay thực hiện Nghị quyết số 92/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ xây dựng sân thể thao thao các xã, thị trấn và sân thể thao thôn trên địa bàn nông thôn, giai đoạn 2015-2020 và điều chỉnh nâng mức hỗ trợ kinh phí xây dựng mới nhà văn hoá thôn, khu dân cư giai đoạn 2011-2020 mức kinh phí hỗ trợ xây mới cho một nhà văn hoá thôn, khu dân cư là 200 triệu đồng.

- Đến nay, toàn tỉnh có: 235 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã, trong đó có 165 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hoá - Thể thao đạt chuẩn (70,2%), 70 xã, phường, thị trấn có Nhà văn hoá hoặc Hội trường đa năng và khu hoạt động thể thao (29,7%);

- Có 1.334 (đạt100%) số thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, trong đó có1.304/1.334 thôn, khu dân cư có nhà văn hoá, khu hoạt động thể thao (97,75%), số thôn, khu dân cư còn lại sử dụng đình làng hoặc các cơ sở tín ngưỡng khác kiêm nhà văn hóa.

- 235/235 xã, phường, thị trấn đã quy hoạch và sử dụng hệ thống cơ sở vật chất văn hóa hiện có của địa phương làm địa điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

- Trong những năm qua, hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao các cấp đã thực hiện tốt chức năng tổ chức các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn nghiệp vụ. Xây dựng và tổ chức các sinh hoạt câu lạc bộ, đội văn nghệ, tuyên truyền cổ động trực quan, băng rôn, khẩu hiệu, dựng cụm tranh cổ động chào mừng những ngày lễ, kỉ niệm lớn, sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, nâng cao sự hiểu biết về thực hiện đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu của đông đảo các tầng lớp nhân dân, trong đó có trẻ em và người cao tuổi. Tính đến nay, toàn tỉnh có trên 1.400 đội văn nghệ quần chúng, 7.778 các loại hình câu lạc bộ và trên 65.000 lượt gia đình được công nhận danh hiệu"*Ông bà mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền*". Phát triển rộng khắp các môn thể thao truyền thống của địa phương và các môn đang được phổ cập rộng rãi như: bóng chuyền, bóng bàn, bóng đá, bơi lội, cầu lông, thể dục dưỡng sinh, đi bộ, bóng chuyền hơi, đạp xe, dân vũ …đã có trên 3.500 câu lạc bộ, điểm, nhóm hoạt động thể dục thể thao. Trong dịp sinh hoạt hè hàng năm, nhà văn hoá các thôn, khu dân cư phát huy tốt hiệu quả là địa điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí cho thanh thiếu niên, nhi đồng. Nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức các hoạt động phục vụ vui chơi và giải trí cho trẻ em như chiếu bóng, biểu diễn nghệ thuật, tổ chức các lớp dạy bơi lặn, tổ chức ngày hội trẻ em, hội thi tuyên truyền giới thiệu sách....Các hội diễn, hội thi văn nghệ, giao lưu thể thao dành cho đối tượng người cao tuổi cũng thường xuyên được quan tâm tổ chức, góp phần động viên tinh thần, giúp người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích.

- Đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 đang có những diễn biến phức tạp, hệ thống thiết chế văn hoá – thể thao các cấp đã phát huy vai trò tiền phong trong việc triển khai thực hiện tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh thông qua hình thức tuyên truyền lưu động, cụm tranh cổ động, băng rôn...đưa tin trên các phương tiện truyền thông kịp thời đến với người dân. Thông qua đó, tạo những hiệu ứng tích cực trong việc nâng cao nhận thức cho toàn thể cộng đồng trong việc phòng, chống dịch.

- Việc đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở đã thúc đẩy các phong trào văn hóa, thể thao phát triển, gắn kết tình đoàn kết của người dân trong cộng đồng, động viên mỗi người dân đồng sức đồng lòng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.

2.2.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh khá phát triển cả về số lượng, chất lượng, phong phú và đa dạng về loại hình tổ chức hoạt động, đáp ứng nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại tỉnh Hải Dương đến năm 2025; định hướng đến năm 2030, toàn tỉnh Hải Dương có 172 chợ/265 xã, phường, thị trấn (03 chợ Hạng 1, 20 chợ Hạng 2, 149 chợ Hạng 3) trong đó có 128 chợ nông thôn/226 xã. Sau khi sáp nhập địa giới hành chính, tỉnh Hải Dương còn 121 chợ nông thôn/178 xã.

- Trong giai đoạn 2010- nay, các cấp chính quyền; các tổ chức, cá nhân đã quan tâm đầu tư xây dựng xây mới, sửa chữa cải tạo nâng trên 50 chợ, với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Hiện nay, hầu hết các chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh đều đảm bảo kiên cố và bán kiên cố, nền chợ được cứng hóa, hệ thống tiêu thoát nước đảm bảo theo tiêu chuẩn, không còn tình trạng ngập úng vào mùa mưa; các lán chợ cũng được sửa chữa, thay thế bằng mái tôn; 100% chợ đều có nước sạch hợp vệ sinh; công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm được quan tâm, nên đã thu hút được các tiểu thương và nhân dân tham gia kinh doanh mua bán tại chợ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn nét đẹp truyền thống chợ nông thôn.

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khác, như: Siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp phát triển khá đa dạng, phong phú, nhất là trên các tuyến đường trục chính của huyện, của xã . 100% các xã đều có cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp phù hợp với tiêu chí đánh giá tại Quyết định 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.2.7. Về Thông tin và truyền thông

- Hiện nay mạng lưới điểm phục vụ bưu chính tỉnh Hải Dương có 254 điểm phục vụ bưu chính của Bưu điện tỉnh Hải Dương trải rộng khắp trên địa bàn tỉnh (đạt xấp xỉ 1,1 điểm phục vụ/01 xã) gồm 01 bưu cục trung tâm, 11 bưu cục cấp II, 35 bưu cục cấp III và 190 điểm Bưu điện văn hóa xã, 10 đại lý, 07 thùng thư công cộng. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có trên 90 điểm phục vụ của là các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp bưu chính khác. Bán kính phục vụ là 1,23 km/điểm. Như vậy trên địa bàn tỉnh có 178/178 xã có điểm phục vụ bưu chính theo chuẩn mới, bằng 100% số xã của

tỉnh (có 02 xã chỉ có thùng thư công cộng, tuy nhiên 02 xã này hoặc là gần Bưu cục giao dịch trung tâm của huyện hoặc là có điểm phục vụ bưu chính xã/phường/thị trấn bên cạnh đảm bảo đủ khả năng đáp ứng phục vụ nhu cầu của người dân trong xã).

- Hạ tầng viễn thông được đầu tư phát triển rộng khắp đến các xã, các doanh nghiệp viễn thông đã triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng đầy đủ việc kết nối cung cấp dịch vụ viễn thông, internet tới 100% các thôn trên địa bàn tỉnh bao gồm: trên 3000 Trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS), gần 5000km cáp quang,... 178/178 xã (bằng 100% số xã của tỉnh) được phủ sóng điện thoại di động, có mạng Internet được kết nối tới các thôn đáp ứng nhu cầu truy nhập của nhân dân.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 235 đài truyền thanh cơ sở do UBND các xã, phường, thị trấn quản lý. Như vậy, tỉnh Hải Dương có 178/178 xã có đài truyền thanh (cả truyền thanh không dây và có dây) đang hoạt động có hiệu quả, 100% số thôn có hệ thống loa truyền thanh.

- Hiện nay, tỉnh Hải Dương đã cấp hòm thư điện điện tử công vụ cho toàn bộ cán bộ công chức của UBND các xã, phường, thị trấn và cán bộ công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc.

- Tỷ lệ máy tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức trung bình đạt từ 0,8 máy/người. 100% cơ quan đảng ủy, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã có máy tính kết nối mạng Internet và thực hiện nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng internet;

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành được triển khai và kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã. 100% UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được triển khai phần mềm quản lý văn bản để điều hành phục vụ công tác quản lý điều hành, xử lý công việc. Hệ thống một cửa điện tử được triển khai đồng bộ, thống nhất cho các cơ quan nhà nước, hệ thống đảm bảo kết nối, liên thông và cung cấp trực tuyến 1853 thủ tục hành chính

- 178/178 UBND xã có cổng thông tin điện tử, thành lập ban biên tập cổng thông tin và ban hành quy chế hoạt động cổng thông tin điện tử của xã.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông.

2.2.8. Về Nhà ở dân cư

- Trong những năm qua các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã vận động và thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình về xây dựng nhà tình nghĩa, xây dựng nhà ở chính sách, kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để giúp đỡ các hộ nghèo, người có công với cách mạng trong việc xóa nhà tạm, nhà dột nát. Hiện tại trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh không còn nhà tạm, nhà dột nát. Trong quá trình thực hiện các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo các xã thường xuyên tuyên truyền vận động người dân chủ động cải tạo, xây dựng nhà ở đảm bảo 3 cứng, chỉnh

trang nhà ở và các công trình phụ trợ để nâng cao chất 4 lượng cuộc sống. Đến nay, tỷ lệ hộ có nhà ở nông thôn chuẩn theo quy định trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố đều có tỷ lệ (từ 95% đến 100%) đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư.

- Ngoài ra, các địa phương trong tỉnh còn triển khai xây dựng hoàn thành nhiều hạng mục công trình đưa vào sử dụng khác như: Xây mới và nâng cấp trụ sở Ủy ban nhân dân xã; trạm y tế xã, công trình nước sạch tập trung; hàng trăm km rãnh thoát nước thải sinh hoạt khu dân cư và nhiều hạng mục công trình phục vụ đời sống, dân sinh….

2.3. Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân:

2.3.1. Về nông, lâm nghiệp, thủy sản...

Những năm qua, nông nghiệp Hải Dương đã được tỉnh đặc biệt quan tâm, sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng hành hóa, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ đã được chú trọng phát triển; tỷ lệ và tốc độ cơ giới hóa sản xuất tăng nhanh, giúp giảm tổn thất và chi phí trong sản xuất. Công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm chỉ đạo quyết liệt hơn. Đã xây dựng được một số mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác với người sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao. Đổi mới tổ chức sản xuất theo chuỗi từ khâu sản xuất đến khâu bảo quản, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất tập trung giảm bớt chi phí, giảm công lao động, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị trên một đơn vị diện tích.

a) Lĩnh vực trồng trọt: Sản xuất trồng trọt tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Cơ cấu cây trồng đã được chuyển biến rõ nét theo hướng giảm diện tích gieo cấy lúa hiệu quả thấp, tăng diện tích cây rau màu và cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn. Mở rộng các mô hình sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt để nâng cao chất lượng sản phẩm. Một số kết quả cụ thể:

- Cây lúa: Mặc dù diện tích gieo cấy giảm mạnh (diện tích gieo trồng 2 vụ lúa năm 2020 là 112.498 ha, giảm 5.077 ha so với năm 2015), nhưng do áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp vào sản xuất vì vậy đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng lúa gạo của tỉnh. Sản lượng thóc 681.545 tấn, đảm bảo cung cấp cho nhu cầu lương thực trong tỉnh và một phần cung cấp ra thị trường tỉnh ngoài. Diện tích lúa đặc sản nếp cái hoa vàng 2280 ha, đã xây dựng nhãn hiệu tập thể; diện tích nếp xoắn, nếp quýt chất lượng cao 1.800 ha.

- Cây rau màu các loại: Diện tích rau,màu các loại năm 2020 đạt 41.171 ha (tăng 821 ha so với năm 2015). Các vùng sản xuất tập trung cây rau màu truyền thống, có thị trường tiêu thụ ổn định, giá trị kinh tế cao tiếp tục được duy

trì và mở rộng; giá trị sản xuất tại những vùng sản xuất tập trung đạt khoảng 250 triệu đồng/ha, có những vùng đạt trên 500 triệu đồng/ha.

- Cây ăn quả: Trong giai đoạn 2016-2020 diện tích cây ăn quả cơ bản ổn định ở mức 21.300ha. Mở rộng các vùng cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao, gắn sản xuất với thị trường. Đã hình thành và mở rộng một số vùng cây ăn quả đặc sản tập trung cho thu nhập 200-350 triệu đồng/ha/năm, có thị trường tiêu thụ ổn định.

- Sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đã được quan tâm đầu tư:

+ Hệ thống nhà màng, nhà lưới kết hợp hệ thống giám sát, tưới nước và bón phân tự động ngày càng được nhân rộng: Hiện, toàn tỉnh có khoảng 28 ha nhà màng, nhà lưới, mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, giá trị sản xuất đạt khoảng 1-3 tỷ đồng/ha/năm, lợi nhuận trung bình đạt 550 triệu đồng/ha/năm.

+ Diện tích có hệ thống tưới nước tiên tiến, tiết kiệm: Toàn tỉnh có khoảng 540 ha rau màu chuyên canh ứng dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, nâng cao hiệu quả kinh tế 10-30%.

+ Diện tích ứng dụng giống lúa, rau màu năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh tốt (sử dụng công nghệ sinh học phân tử trong lai tạo...), sử dụng phân bón nano, chế phẩm vi sinh vật đối kháng... khoảng 5.000ha.

+ Toàn tỉnh hiện có trên 15.500 ha rau sản xuất theo quy trình GAP, trên 5.000 ha rau được sản xuất theo tiêu chuẩn xuất khẩu; có 1.500 ha rau, trái cây được cấp chứng nhận theo quy trình VietGAP. Nhiều sản phẩm như: vải, cà rốt, cải bắp... có chất lượng cao, đủ điều kiện để xuất khẩu sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Asean...

+ Sản xuất theo hướng hữu cơ toàn tỉnh khoảng 421,7ha. Chủ yếu là vùng sản xuất lúa hữu cơ trên diện tích khai thác sản phẩm rươi, cáy tự nhiên với diện tích 403,7ha.

b) Lĩnh vực chăn nuôi : Chăn nuôi trong tỉnh có bước phát triển khá toàn diện, chuyển dịch theo hướng tập trung, đã có nhiều cơ sở chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, trang trại qui mô lớn. Hiện toàn tỉnh có 15 khu chăn nuôi hàng hóa xa khu dân cư với quy mô từ 3ha trở lên; Tỷ trọng chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, trang trại đối với chăn nuôi gia cầm chiếm khoảng 67%, (cao hơn 17% so với mục tiêu 2020), chăn nuôi lợn chiếm khoảng 55% góp phần nâng sản lượng thịt và hiệu quả trong chăn nuôi.

Năm 2020, tổng đàn lợn đạt 370.000 con, tổng đàn gia cầm đạt 15 triệu con (tăng 35,7%); Sản lượng thịt hơi các loại 115.000 tấn, sản lượng trứng gia cầm đạt 520 triệu quả.

Chất lượng con giống ngày càng được cải thiện, các giống lợn ngoại là giống tiến bộ kỹ thuật, có năng suất, chất lượng cao được đưa vào cơ cấu giống.

c) Lĩnh vực thủy sản: Tổng sản lượng cá bột, cá hương, cá giống các loại sản xuất và tiêu thụ hằng năm đạt khoảng 1,5 tỷ con, trong đó có các giống mới

có năng suất, chất lượng cao cũng được đưa vào sản xuất như: cá rô phi đơn tính, cá diêu hồng, cá nheo Mỹ… đáp ứng nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất.

Giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 5,5%, diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 11.870 ha, tăng hơn 600ha so với mục tiêu đến 2020; Sản lượng thủy sản đạt 87.880 tấn, tăng 18.340 tấn so với năm 2015. Có khoảng 90% diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức thâm canh và bán thâm canh, đối với những diện tích nuôi thâm canh cho năng suất tăng 3 lần so với hình thức nuôi truyền thống. Hình thành 214 vùng nuôi thuỷ sản tập trung (từ 05 ha trở lên) với tổng diện tích 5.000 ha. Toàn tỉnh có 6.988 lồng cá, sản lượng 17.000 tấn/năm.

Sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ được chú trọng phát triển cho kết quả tích cực:

+ Diện tích nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao 2.000ha (chiếm khoảng 20% tổng diện tích).

+ Vùng khai thác rươi cáy với quy mô trên 400ha (tập trung tại các vùng rươi cáy Tứ Kỳ 238,2ha, Thanh Hà 109,96 ha, Kinh Môn 39,36 ha, Kim Thành 16,2 ha).

Các vùng này ở ven sông lớn, cảnh đẹp nên có tiềm năng để phát triển thành các khu du lịch sinh thái nông nghiệp xanh cho giá trị kinh tế cao, tạo thương hiệu khác biệt riêng cho tỉnh.

d) Lĩnh vực cơ giới hóa và bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản: Công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch: Các sản phẩm được chế biến: cà rốt, dưa chuột, hành tỏi, ớt quả, rau cải các loại, tỏi, gấc, sắn dây, tinh bột nghệ, vải thiều... Toàn tỉnh hiện có 208 cơ sở chế biến, 58 kho lạnh bảo quản nông sản, công suất bảo quản 01 kho lạnh trung bình từ 60-150 tấn/kho.

- Cơ giới hóa: Cơ giới hóa trong sản xuất được đẩy mạnh và thực hiện ở hầu hết các khâu: Năm 2020, tỷ lệ làm đất bằng máy đạt trên 98%; gặt máy trên 90% (cao hơn 10% so với mục tiêu đến 2020), cấy máy đạt 8,05%… góp phần giảm chi phí trong sản xuất... Số lượng, chủng loại máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng mạnh. Hiện toàn tỉnh có 8.440 máy làm đất; 1.248 máy bơm nước (*hệ thống công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng*); 1.858 máy cấy, máy gieo hạt; 1.990 máy gặt đập liên hợp...

- Phát triển thị trường: Tỉnh đã có nhiều chính sách và các hoạt động hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản như: tổ chức các hội nghị xúc tiến thương mại, hội nghị giao thương và xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tổ chức và tham gia các hội chợ trong, ngoài nước; đưa các đoàn đi khảo sát, xúc tiến và mở rộng thị trường tiêu thụ tại Trung Quốc, Nhật Bản, Trung Đông...

Hiện nay, toàn tỉnh có 25 sản phẩm nông nghiệp và làng nghề được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và 01 nhãn hiệu được cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý (vải thiều Thanh Hà), 25 sản phẩm cấp mã QR code.

đ) Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp và HTX dịch vụ nông nghiệp: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 14.000 doanh nghiệp, trong đó: Số doanh nghiệp có đăng ký các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gần 2.000 doanh nghiệp, số doanh nghiệp trong nước có hoạt động thực sự trong lĩnh vực nông nghiệp khoảng 300 doanh nghiệp. Trong đó: có 04 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh giống cây trồng; 06 công ty cổ phần sản xuất giống thuỷ sản; 07 doanh nghiệp sản xuất phân bón; 112 doanh nghiệp sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; còn lại là các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông, lâm, thuỷ sản.

- Tình hình phát triển hợp tác xã: Đến 31/12/2021, toàn tỉnh dự kiến có 360 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, giảm 15 HTX so với năm 2002.

+ Tổng số thành viên HTX năm 2021 khoảng 148.000 thành viên (giảm 177.000 thành viên so với năm 2002), trong đó có khoảng 315 thành viên mới tham gia vào HTX.

+ Tổng số lao động làm việc trong khu vực HTX nông nghiệpdự kiến tại thời điểm 31/12/2021 khoảng 7.625 người, trong đó lao động là thành viên HTX khoảng 5.355 người, chiếm 70% (giảm 23% so với thời điểm 31/12/2002).

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của HTX nông nghiệp: Tổng doanh thu của HTX nông nghiệp năm 2021 ước đạt 270 tỷ đồng, bình quân 01 HTX đạt 750 triệu đồng/năm (tăng 330 triệu đồng/HTX/năm so với năm 2002); Tổng lợi nhuận của HTX năm 2021 dự kiến đạt 7,92 tỷ đồng, bình quân 01 HTX đạt 22 triệu đồng/năm (tăng 14 triệu đồng/năm so với năm 2002); Dự kiến năm 2021, toàn tỉnh có 210 HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả (xếp loại khá, tốt theo quy định), chiếm 58% .

+ Những chuyển biến tích cực của các HTX nông nghiệp: Các HTX nông nghiệp đã hoàn thành việc tổ chức lại, đăng ký lại hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012; Một số HTX nông nghiệp có quy mô thôn, liên thôn đã được các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn sáp nhập, hợp nhất thành HTX có quy mô toàn xã; HTXcó quy mô nhỏ hoạt động không hiệu quả đã được chuyển sang hoạt động theo mô hình tổ hợp tác; số HTX được thành lập mới tăng; đã giải thể dứt điểm một số HTX nông nghiệp ngừng hoạt động trong thời gian dài. Các HTX nông nghiệp từng bước được củng cố về công tác tổ chức quản lý, điều hành dịch vụ. Một số HTX nông nghiệp đã có hoạt động liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Một số HTX nông nghiệp đã nhanh chóng thích ứng với cơ chế thị trường, tạo sự liên kết, hợp tác giữa các HTX nông nghiệp với nhau và với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mang lại hiệu quả kinh tế cao cho thành viên, nổi bật là nhóm HTX nông nghiệp mới thành lập theo Luật HTX năm 2012.

+ Năng lực nội tại của các hợp tác xã: Về vốn, tài sản *của HTX nông nghiệp:* Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của HTX nông nghiệp năm 2021 đạt 262,8 tỷ đồng, bình quân một HTX đạt 730 triệu đồng, tăng 480 triệu đồng/HTX so với năm 2002; Về bộ máy quản lý, điều hành và bộ phận giúp việc HTX nông nghiệp: Năm 2021, tổng số người trong bộ máy quản lý, điều hành và bộ phận giúp việc HTX nông nghiệp là 2.160 người, tăng 285 người so với năm 2002. Trình độ của bộ máy từng bước được nâng lên, số người có trình độ cao đẳng, đại học khoảng 200 người (chiếm 09%), tăng 154 người so với năm 2002:

+ Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX nông nghiệp dự kiến năm 2021 khoảng 2,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,2 triệu đồng/người/tháng so với năm 2002.

+ Các HTX dịch vụ nông nghiệp có những đóng góp quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn

+ Hoạt động của HTX nông nghiệp đã tạo việc làm cho thành viên và một bộ phận người lao động ở nông thôn; đã góp phần thúc đẩy kinh tế hộ thành viên, hộ nông dân phát triển thông qua các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các HTX nông nghiệp còn đóng vai trò quan trọng tham mưu chính cho Đảng uỷ, chính quyền địa phương về sản xuất nông nghiệp, thực hiện quy hoạch, phân vùng sản xuất, phòng chống lụt bão, hướng dẫn chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy có hiệu quả việc dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng, đưa giống mới có năng suất chất lượng cao vào sản xuất, hình thành các vùng sản xuất tập trung mới theo hướng sản xuất hàng hoá và tăng thêm giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích, góp phần chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, nông thôn.

+ Vai trò của các HTX dịch vụ nông nghiệp ngoài yếu tố mang lại lợi ích kinh tế cho thành viên, hộ nông dân, còn góp phần xoá đói giảm nghèo, ổn định xã hội; là nhân tố không thể thay thế góp phần đề cao tinh thần tương thân tương ái, vì cộng đồng, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở nông thôn; là yếu tố có ý nghĩa quyết định trong công cuộc xây dựng nông thôn mới

e) Sản phẩm OCOP: Để phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh (ưu tiên phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa) để sản xuất các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế nông thôn. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí "Kinh tế và tổ chức sản xuất" trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Thông qua việc phát triển sản xuất tại khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý (hạn chế dân di cư ra thành phố), bảo vệ môi trường và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020..UBND tỉnh Hải Dương đã tổ chức đánh giá và công nhận cho 73 sản phẩm đạt từ 3- 4 sao và có 2 sản phẩm đang hoàn

thiện hồ sơ đề nghị công nhận 5 sao; năm 2021 dự kiến có 78 sản phẩm đăng ký tham gia Đề án OCOP.

f) Công tác nghiên cứu khoa học và khuyến nông: Hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 được đặc biệt quan tâm; coi trọng ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý, sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường. Công tác khảo nghiệm, sản xuất thử và chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản cho năng suất, chất lượng cao để đưa vào sản xuất.

Bên cạnh đó, hằng năm trên địa bàn tỉnh tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật khoảng 1.600 lớp, cho trên 110.000 lượt người cùng với hàng trăm mô hình khuyến nông hiệu quả.

g) Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm: Công tác tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm của nhà nước liên quan đến VSATTP được thực hiện thường xuyên; Tổ chức kiểm tra đánh giá phân loại các cơ sở xếp theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tăng cường thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất việc chấp hành các qui định của nhà nước trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp và vật tư nông nghiệp, qua đó góp phần chấn chỉnh tình trạng vi phạm các qui định trong sản xuất và kinh doanh, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng được niềm tin cho người tiêu dùng.

2.3.2. Về công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ...

a) Về Công nghiệp*:* Giá trị sản xuất công nghiệp (giai đoạn 2016-2020) tăng bình quân 15,4%/năm (giai đoạn 2011-2015: 13,7%/năm). Quy mô ngành công nghiệp năm 2020 gấp 2,0 lần năm 2015; cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo. Một số sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực sản xuất ổn định và tăng khá cao. Bước đầu hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ. Đến nay, toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp được đầu tư hạ tầng đồng bộ (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 81,6%); có 38 cụm công nghiệp được thành lập (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 68,6%), trong đó, 8 cụm công nghiệp có nhà đầu tư hạ tầng. Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục có bước phát triển về chiều sâu, sản phẩm khá đa dạng. Hoạt động khuyến công được đổi mới, nâng cao về hiệu quả.

b) Về xây dựng: Giá trị sản xuất ngành xây dựng (giai đoạn 2016-2020) tăng 12,2%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng 9,5%/năm). Tiếp tục mở rộng quy mô và phát huy công suất các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng lớn; khuyến khích đầu tư sản xuất các vật liệu xây dựng mới.

c) Dịch vụ: Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ (giai đoạn 2016-2020) tăng bình quân 6,0%/năm (giai đoạn 2011 - 2015: 7%/năm).

d) Hoạt động xuất khẩu hàng hóa: (giai đoạn 2016-2020), tổng giá trị đạt trên 31,6 tỷ USD, tăng bình quân 11,9%/năm. Thị trường hàng hóa và dịch vụ được kiểm soát; nhiều loại hình dịch vụ được khuyến khích thu hút đầu tư và

phát triển đa dạng, một số loại hình dịch vụ chất lượng cao và tiện ích được hình thành; chất lượng nhân lực, dịch vụ… được cải thiện khá rõ. Ngành ngân hàng thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng vốn tín dụng và dịch vụ, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội, thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống.

d) Về Du lịch: phát triển khởi sắc, kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch ngày càng được hoàn thiện, phát triển đồng bộ và hiện đại. Một số sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh được hình thành rõ nét; một số tuyến du lịch liên tỉnh tiêu biểu đã được xây dựng và khai thác; số lượng khách du lịch tăng bình quân 8,4%/năm, doanh thu tăng bình quân 10,2%/năm.

e) Các thành phần kinh tế khác: Được quan tâm, tạo môi trường bình đẳng để phát triển, trong đó: kinh tế ngoài nhà nước có bước phát triển mạnh mẽ, (giai đoạn 2016-2020) tăng bình quân 7,4%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 1,9%/năm); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 12,0%/năm, tiếp tục đi đầu trong sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tổng vốn đầu tư FDI vào tỉnh (giai đoạn 2016-2020) khoảng 4,3 tỷ USD (đứng thứ 4 trong Vùng Đồng bằng sông Hồng và thứ 11 trong toàn quốc).

Quan tâm khuyến khích thành lập mới doanh nghiệp và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa (tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, xúc tiến thương mại, dịch vụ lao động, pháp lý, bảo hộ sở hữu công nghiệp). Khu vực doanh nghiệp dân doanh có bước phát triển khá cả về số lượng, quy mô vốn sản xuất, (giai đoạn 2016-2020) có 7.660 doanh nghiệp thành lập mới, tăng bình quân 10,2%/năm, vốn đăng ký tăng 21,8%/năm; hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, trình độ, kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp của đội ngũ doanh nhân được nâng lên.

2.3.3. Về Thu nhập

- Thực hiện tốt các đề án, dự án và mô hình phát triển sản xuất đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân và giảm tỷ lệ hộ nghèo cụ thể: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá 2010) tăng bình quân 8,1%/năm; giai đoạn 2010 - 2015 (7,7% năm); Quy mô kinh tế của tỉnh năm 2020 gấp 1,6 lần năm 2015; GRDP bình quân đầu người đạt 69,8 triệu đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hường tích cực, năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm 90,3%, nông nghiệp chiếm 9,7 % GRDP.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 10 - Thu nhập.

2.3.4. Về Hộ nghèo

- Công tác xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội được các cấp, các ngành chú trọng quan tâm triển khai đồng bộ các giải pháp và lồng ghép các đề án, mô hình phát triển sản xuất, Chương trình hỗ trợ…đã góp phần giải quyết việc làm

cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân và giảm tỷ lệ hộ nghèo nhanh và bền vững. Kết quả Tổng điều tra rà soát hộ nghèo năm 2010, số hộ nghèo: 54.227 hộ (131.652 người) chiếm tỷ lệ 10,99%; Số hộ cận nghèo: 33.038 hộ (104.025 người) chiếm tỷ lệ 6,7. Đến cuối năm 2015, số hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 17.885 hộ, chiếm tỷ lệ 3,19% (giảm 36.342 hộ nghèo), hộ cận nghèo còn 18.078 hộ, chiếm tỷ lệ 3,22% (giảm 14.960 hộ).

- Thực hiện Chương trình quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020. Tính đến tháng 12/2020, toàn tỉnh có 651.701 hộ dân với 8.858 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,36%; có 13.030 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 2,0%. Tính đến hết tháng 12/2020, ở 178 xã có 458.638 hộ, trong đó có: 6.397 hộ nghèo (*không bao gồm 3.688 hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội*); Tỷ lệ Hộ nghèo theo tiêu tiêu chí Nông thôn mới đạt 0,66%. Cụ thể các huyện, thị xã, thành phố như sau: Tứ Kỳ 0,88% (22 xã); Ninh Giang 0,76% (19 xã); Kim Thành 0,75% (17 xã); Thanh Hà 0,66% (19 xã); Thanh Miện 0,69% (16 xã); Kinh Môn 0,64% (9 xã); Nam Sách 0,48% (18 xã) ; Bình Giang 0,75% (15 xã); Gia Lộc 0,41% (17 xã); Cẩm Giàng 0,67% (16 xã); TP Hải Dương 0,78% (5 xã); TP Chí Linh 0,72% (5 xã). Để có kết quả như trên là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương, sự quyết tâm, nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện cũng như việc triển khai đồng bộ lồng ghép chương trình trong đó có chương trình xây dựng nông thôn mới, từ kết quả trên cho thấy không có sự chệnh lệch quá lớn về khoảng cách tỷ lệ hộ nghèo giữa các xã trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 11 - Hộ nghèo.

2.3.5. Về Lao động có việc làm

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quan tâm, đảm bảo các nghề phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong những năm qua các cấp, các ngành cùng với các cơ sở, trung tâm đào tạo nghề trong toàn tỉnh đã phối hợp và tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Giai đoạn 2011 - 2020, đã thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề đối với 56.907 lao động nông thôn, trong đó, nghề nông nghiệp: 21.022 người ; nghề phi nông nghiệp: 35.885 người. Số lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo là 47.782 người (85,1%). Năm 2020, số người trong độ tuổi lao động của tỉnh là 1.015.046 người, trong đó số người tham gia hoạt động kinh tế là 999.606 người, đạt 98% số người trong độ tuổi lao động. Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng: 467.883 người; Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp: 228.276 người; Lĩnh vực dịch vụ: 303.445 người. Qua số liệu thống kê từ dữ liệu thông tin thị trường lao động của tỉnh thể hiện: các địa phương đều đạt tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên. Cụ thể: Tứ Kỳ 95,6%; Ninh Giang 97%; Kim Thành 93,69%; Thanh Hà 95,4%; Thanh Miện 94,4; Kinh Môn 95,06%; Nam Sách 96,2%; Bình Giang 94,57%; Gia Lộc 96,9%; Cẩm Giàng 96,58%; TP Hải Dương 96,43%; TP Chí Linh 93,5%.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

2.4.1. Về Giáo dục và Đào tạo

- Mạng lưới, quy mô giáo dục ngày càng phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập phong phú của nhân dân và xây dựng xã hội học tập ở địa phương. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được quan tâm, đầu tư theo hướng chuẩn hoá, hiện đại và đồng bộ, tỉ lệ phòng học kiên cố đạt cao hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, cải thiện. Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được nâng cao; trật tự, kỷ cương trường học được giữ vững. Hải Dương luôn đi đầu cả nước về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; chất lượng giáo dục toàn diện có bước tiến bộ; nhiều tiêu chí về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non đạt cao, vượt trội so với toàn quốc; thành tích học sinh giỏi quốc gia trong tốp đầu cả nước; chú trọng nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, góp phần tích cực nâng cao số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được tập trung chỉ đạo, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016 - 2020". Thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp, cơ cấu đào tạo ngành nghề các trường đại học, cao đẳng, trên địa bàn tỉnh ngày càng hợp lý, gắn liền với xu thế và nhu cầu lao động của xã hội, có tác động tích cực tới việc chuyển dịch cơ cấu lao động. Quan tâm thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác tại tỉnh. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về thể chất, văn hóa tinh thần, trình độ học vấn và kỹ năng, lý tưởng sống; chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh tăng từ 0,703 năm 2015 lên 0,741 năm 2020 (cao hơn bình quân chung cả nước).

- Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi: 178/178 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Phổ cập giáo dục tiểu học: 178/178 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục giáo dục tiểu học từ mức độ 2 đến mức độ 3. Phổ cập giáo dục THCS: Có 178/78 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 đến mức độ 3. Xóa mù chữ: 178/178 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường đều đạt 100%. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt 100%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đều đạt 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 98% đến 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề đạt từ 90% đến 100%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo tại 178 xã đạt 50% trở lên. Công tác xã hội hoá giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được đông đảo các cơ quan, đơn vị và nhân dân tích cực hưởng ứng.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.

2.4.2. Về Y tế

- Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại phục vụ khám, chữa bệnh tiếp tục được đầu tư, áp dụng. Thực hiện có hiệu quả chủ trương giảm số lượng các đơn vị đầu mối sự nghiệp và chuyển đổi cơ chế tự chủ về kinh phí hoạt động của các cơ sở khám chữa bệnh công lập. Công tác y tế dự phòng, dân số và phát triển được triển khai có hiệu quả; thành lập các trung tâm y tế tuyến huyện đa chức năng theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, phù hợp xu hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu trong giai đoạn mới. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng. Trước diễn biến của đại dịch Covid-19, các cấp ủy đảng, chính quyền đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp về tuyên truyền, giãn cách xã hội, sàng lọc bệnh nhân, xét nghiệm, điều trị để đảm bảo giảm thiểu lây nhiễm, khoanh vùng dập dịch… Với tinh thần vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã được kiểm soát tốt. Thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; nâng cao năng lực điều trị cho các tuyến; cơ hội tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao của người dân ngày càng thuận lợi; các chỉ tiêu về sức khoẻ không ngừng được tăng lên, nhiều chỉ số cao hơn so với mặt bằng chung của toàn quốc. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến các xã được củng cố và phát triển, trang thiết bị y tế được đầu tư và nâng cấp theo hướng hiện đại. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm, đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường về số lượng và chất lượng. Các chương trình mục tiêu y tế - Dân số được thực hiện có hiệu quả, công tác xã hội hóa y tế được đẩy mạnh.

- Đến nay có 178/178 xã đạt 100% người dân tham gia BHYT đều đạt và vượt tỷ lệ theo quy định, Năm 2020 đạt 87,8%; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tăng hàng năm. Cụ thể: Năm 2012: 61,4; 2015: 78,5; 2020: 87,8%;

- Đến nay 178/178 (100%) xã/P/TT đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định tại Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (SDD cân nặng theo tuổi) đều tốt hơn theo quy định (thấp hơn chỉ tiêu quy định), trung bình ở 178 xã là10,2%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi (SDD chiều cao theo tuổi) 13, 8%.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí số 15 về Y tế.

2.4.3. Về Văn hóa

- Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" tiếp tục phát triển, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, đời sống văn hóa lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tỷ lệ các danh

hiệu văn hóa hằng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, quản lý lễ hội đi vào nền nếp. Hoạt động văn học nghệ thuật có bước phát triển, chất lượng được nâng lên. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng. Các thiết chế văn hoá, thể dục thể thao ở cơ sở được quan tâm đầu tư xây dựng. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì rộng khắp và có bước phát triển, năm 2020 có trên 32% dân số tập thể thao thường xuyên; thể thao thành tích cao khẳng định được vị thế trong toàn quốc và khu vực. Công tác xã hội hoá hoạt động văn hoá, thể thao đạt một số kết quả tích cực. Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể và sự hưởng ứng tham gia của các tầng lớp nhân dân, kết quả thực hiện tiêu chí văn hóa nông thôn mới tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt được kết quả đáng khích lệ.

- Kết quả Phong trào xây dựng Gia đình văn hoá: Năm 2010, toàn tỉnh có 70,25% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 90% số hộ gia đình được công nhận đạt gia đình văn hoá. Các gia đình văn hóa là những tấm gương sáng ở cộng đồng dân cư, là nhân tố tích cực, quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa của địa phương. Từ phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã xuất hiện những gia đình điển hình mẫu mực về: Hòa thuận, hạnh phúc; tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua nơi cư trú nhất là phong trào xây dựng nông thôn mới. Hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới, nhiều gia đình văn hóa đã hiến hàng nghìn mét vuông đất ở, ruộng, vườn; vận động người thân tích cực tham gia đóng góp ngày công lao động, góp tiền của để xây dựng các công trình dân sinh, như trường học, đường giao thông, nhà văn hóa phục vụ cộng đồng.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng làng văn hóa: Năm 2010, có 56,6% số thôn, khu dân cư được công nhận danh hiệu làng, khu dân cư văn hoá, đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 97,3% thôn, khu dân cư được công nhận danh hiệu làng, khu dân cư văn hóa. Xây dựng làng, khu dân cư văn hóa tại các xã, phường, thị trấn đã gắn kết phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, phát huy nhân tố văn hóa trở thành nguồn lực phát triển kinh tế, "xóa đói giảm nghèo", nâng cao đời sống vật chất của người dân ở nông thôn và xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, tạo bộ mặt nông thôn mới. Các làng văn hóa đã huy động mạnh mẽ sự đóng góp của người dân ở địa phương xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn, phục vụ cho phát triển sản xuất và sinh hoạt của người dân. Từ phong trào đã kêu gọi được nguồn lực xã hội hóa của nhân dân trong xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, nhiều thiết chế văn hóa, thể thao được nhân dân đóng góp xây dựng, tạo điểm vui chơi, sinh hoạt lành mạnh cho người dân, tình làng, nghĩa xóm được gắn kết. Đến nay, toàn tỉnh có trên 1.400 đội văn nghệ quần chúng, 7.778 các loại hình câu lạc bộ, 1.318 tủ sách cơ sở và trên 65.000 lượt gia đình được công nhận danh hiệu "*Ông bà mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo*

hiền". Phát triển rộng khắp các môn thể thao truyền thống của địa phương và các môn đang được phổ cập rộng rãi như: bóng chuyền, bóng bàn, bóng đá, bơi lội, cầu lông, thể dục dưỡng sinh, đi bộ, bóng chuyền hơi, xe đạp, dân vũ …đã có trên 3.500 câu lạc bộ, điểm, nhóm hoạt động TDTT. Tỷ lệ số người tập luyện thường xuyên năm 2019 đạt 30% và số gia đình thể thao là 21%.

- Xây dựng và thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang và lễ hội*:* Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang đã được đưa vào các điều khoản trong quy ước của thôn, khu dân cư và tổ chức thực hiện có hiệu quả; coi việc thực hiện tốt việc tang là tiêu chuẩn bình xét gia đình văn hoá, làng, khu dân cư văn hoá, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, chi bộ trong sạch vững mạnh. Các lễ tang được tổ chức chu đáo, trang nghiêm, phù hợp với thuần phong, mỹ tục, với quy ước, quy chế của địa phương và quy định pháp luật. Các lễ hội được diễn ra tại các di tích lịch sử văn hoá, các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, chủ yếu vào hai mùa Xuân, Thu, toàn tỉnh có 725 lễ hội. Các lễ hội đều thành lập Ban tổ chức và xây dựng kế hoạch, thành lập các tiểu ban như: Tiểu ban nội dung tuyên truyền, tiểu ban an ninh trật tự, tiểu ban y tế, tài chính và hậu cần... Nhiều lễ hội truyền thống còn lưu giữ được các nghi thức, sự lệ, tập tục dân gian đặc sắc kết hợp với các hoạt động văn nghệ quần chúng và các hoạt động thể thao hiện đại thu hút đông quần chúng tham gia, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân. Công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động lễ hội được chú trọng. Hàng năm, Thanh tra Sở VHTTDL chủ trì và phối hợp với Phòng PA 03-Công an tỉnh, Ban Tôn giáo Sở Nội vụ tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố tiến hành kiểm tra tại một số di tích trọng điểm và một số lễ hội lớn trên địa bàn tỉnh, như: Lễ hội đền Cao An Phụ, thị xã Kinh Môn; lễ hội Văn Miếu Mao Điền, huyện Cẩm Giàng; lễ hội đền Tranh, huyện Ninh Giang… Nhìn chung công tác quản lý và tổ chức lễ hội được thực hiện nghiêm túc theo quy định, đảm bảo nếp sống văn minh của cộng đồng tham gia lễ hội.

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống: Xác định văn hóa làng là cốt lõi của văn hóa nông thôn, nơi lưu giữ hồn cốt của văn hóa dân tộc, nơi hình thành, lưu giữ, phát triển và trao truyền văn hóa tới mọi cá thể trong cộng đồng nên trong quá trình quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các địa phương trên địa bàn tỉnh luôn quán triệt và chỉ đạo lưu giữ không gian, cảnh quan đặc trưng nông thôn như: cây đa, giếng nước, sân đình; gìn giữ các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống. Hiện nay, rất nhiều vùng quê trên địa bàn tỉnh, nếp làng xưa, văn hóa làng Việt vẫn được người dân giữ gìn, duy trì các phong tục, tập quán mang giá trị văn hoá tốt đẹp như: coi trọng quan hệ họ tộc, xóm giềng, tôn ti trật tự trong làng, coi trọng người cao tuổi, sống quần tụ trong các thôn xóm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động sản xuất và trong cuộc sống… Đây chính là những yếu tố văn hoá quan trọng, góp phần bồi đắp, khơi gợi tinh thần, ý thức tự giác và sự đồng lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá được các địa phương trên địa bàn tỉnh quan tâm theo hướng bảo tồn, khôi phục và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể hiện lưu giữ ở khắp các làng quê đã được nhà nước công nhận, vinh

danh, tiêu biểu như: Trống đồng Hữu Chung (lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh); Bia Thanh Mai Viên Thông tháp bi (chùa Thanh Mai, xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh), Cửu Phẩm Liên Hoa chùa Động Ngọ (xã Tiền Tiến, thành phố Hải Dương); Cửu Phẩm Liên Hoa chùa Giám (xã Định Sơn, huyện Cẩm Giàng); Bia Thanh Hư động và Côn Sơn Tư Phúc tự bi (chùa Côn Sơn, thành phố Chí Linh), Hệ thống bia ma nhai động Kính Chủ (xã Phạm Thái, thị xã Kinh Môn); Bia Sùng Thiên tự bi (chùa Dâu, xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc) là những Bảo vật quốc gia. Các lễ hội truyền thống và nghệ thuật trình diễn dân gian như: Hát Trống quân (thôn Tào Khê, Ngọc Cục, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang); nghệ thuật múa rối nước của 03 phường như: Phường rối nước xã Hồng Phong (huyện Ninh Giang); phường rối nước xã Lê Lợi (huyện Gia Lộc) và phường rối nước xã Thanh Hải (huyện Thanh Hà); Lễ hội chùa Côn Sơn, phường Cộng Hoà, lễ hội đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo (TP Chí Linh); Lễ hội chùa Hào Xá, xã Thanh Xá (huyện Thanh Hà); lễ hội đền - đình Sượt (phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương); Lễ hội truyền thống đền Quát (xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc); … Đến nay, tỉnh Hải Dương đã có 04 di tích quốc gia đặc biệt, 142 di tích quốc gia, 244 di tích cấp tỉnh; 09 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. 02 Nghệ nhân nhân dân và 23 Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa.

2.4.5. Về Môi Trường và An toàn thực phẩm

a) Xuất phát điểm của Tiêu chí môi trường (đánh giá chung) từ giai đoạn 2010-2011, chỉ tiêu sau:

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh: Toàn tỉnh là 86.62%. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung: Toàn tỉnh đạt 28%. Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh là chuồng trại đáp ứng các yêu cầu: Toàn tỉnh đạt 58.66%. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường: Toàn tỉnh đạt 60%. Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch: Toàn tỉnh 30%. Hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định: Toàn tỉnh đạt 77.2%. Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước thải thông thoáng, hợp vệ sinh:Toàn tỉnh đạt 60%. Thôn, xã có tổ dịch vụ thu gom rác thải: Toàn tỉnh đạt 70%. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn: Toàn tỉnh đạt khoảng 58,06%.

b) Kết quả thực hiện đến nay: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định đạt 100%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 99,02%. Hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định đạt 99.58%. Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt 86.8%. Tỷ lệ cơ sở có hồ sơ về môi trường: Từ năm 2010 đến hết 2020, đã phê duyệt Báo cáo ĐTM cho 793 dự án đầu tư; phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho 113 cơ sở; Sở và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho trên 1400 dự án (*trước đây là bản cam kết bảo vệ môi trường*) và khoảng 100 đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Tỷ lệ cơ sở có chuyển giao chất thải cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải: Theo trách nhiệm của

các chủ nguồn thải đã được quy định, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đã ký hợp đồng chuyển giao chất thải cho các đơn vị vận chuyển, xử lý có đầy đủ chức năng, năng lực. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý: Đạt 99,8%. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý: Đạt 100%. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Tại các xã đã phát động toàn thể các hộ gia đình tại các cụm dân cư tiến hành định kỳ, hàng tuần (*thứ 7 hoặc Chủ nhật*) tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm: dọn dẹp cây dại, cỏ dại, rác thải, phế liệu, phế thải dọc các trục đường thôn, xóm nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn và tổ chức trồng cây xanh, trồng hoa ven đường giao thông thôn, xóm để tạo môi trường xanh - sạch - đẹp. Kết quả tổ chức, triển khai thực hiện nội dung đường làng, ngõ xóm xanh sạch đẹp; khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải bừa bãi gây mất mỹ quan đạt trên 90%. Hiện nay, tất cả các nghĩa trang đều được quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định

+ Theo kết quả thống kê sơ bộ dân số năm 2020 và căn cứ vào hệ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (*khu vực nông thôn: 0,58kg/người/ngày*), lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ở khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2020 khoảng *762 tấn/ngày.* Tổng số đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nông thôn là 1003 đơn vị. Trong đó có 985 tổ, đội (*trung bình có từ 2 - 4 người*); 11 công ty; 07 hợp tác xã với tổng số người tham gia khoảng 2509 người. Các xã trên địa bàn tỉnh hiện đều đã thành lập được các tổ, đội thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho từng thôn dân cư. Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn hiện nay đạt khoảng 87%. Hiện nay tại khu vực nông thôn, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt dao động từ 1 - 3 ngày/ lần. Số lượng các xã có tần xuất thu gom 3 ngày/lần là do các yếu tố như số lượng thôn dân cư ít, thiếu nhân lực thu gom.

+ Việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nông thôn chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp. Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 756 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động theo quy hoạch của UBND cấp huyện và cấp xã. Theo tiêu chuẩn bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh là bãi chôn lấp bố trí ô chôn lấp có vật liệu lót đáy, ống thoát khí và nước rỉ rác được xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Tuy nhiên, do việc đầu tư trạm xử lý nước thải cho mỗi bãi chôn lấp là phương án không khả thi vì kinh phí đầu tư và chi phí quản lý vận hành rất lớn *(tính ra chi phí lớn hơn so với biện pháp chuyển chất thải rắn sinh hoạt về nhà máy đốt tiêu hủy),* việc đầu tư trạm xử lý nước thải phân tán là không phù hợp, nên tất cả các bãi chôn lấp trên địa bàn tỉnh hiện nay chỉ được áp dụng biện pháp lót đáy và thoát khí.

+ Thực hiện Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã hỗ trợ kinh phí cho 40 xã và 03 thị trấn được thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các nhà máy xử lý tập trung của tỉnh theo phương pháp đốt triệt để (*với khối lượng khoảng 120*

tấn/ngày đêm, chiếm khoảng 15,75% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ở khu vực nông thôn).

- Thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp: Tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh năm 2020, theo số liệu tổng hợp báo cáo của 405 cơ sở *(có khối lượng chất thải phát sinh lớn)* khoảng 1.941.660 tấn, trong đó:

+ Lượng chất thải *(xỉ hạt lò cao, vẩy cán, xỉ luyện thép)* phát sinh của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương khoảng 921.508 tấn (*chiếm 47,5% tổng lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh của các chủ nguồn thải*).

+ Chất thải công nghiệp thông thường *(tro bay, xỉ đáy, thạch cao)* phát sinh của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại khoảng 873.679 tấn (*chiếm 45% tổng lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh của các chủ nguồn thải*).

+ Khoảng 7,5% lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh còn lại là các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các hoạt động sản xuất công nghiệp khác (*chất thải vệ sinh công nghiệp,tro, xỉ phát sinh từ lò hơi, sắt vụn, giấy, bìa, nilon, vải vụn, bavia da,...)*.

+ Do đặc thù chất thải rắn công nghiệp hầu hết có thể thu hồi tái chế, tái sử dụng nên nếu xét lượng chất thải của doanh nghiệp phát sinh thì rất lớn nhưng lượng chất thải cần phải xử lý thì không nhiều. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất của Công ty CP Thép Hòa Phát *(chiếm 47,5%tổng lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh của các chủ nguồn thải)* được Công ty tự tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hoặc chuyển giao cho các đơn vị sản xuất xi măng: Xỉ hạt lò cao làm xỉ nghiền cung cấp phụ gia xi măng, vẩy cán phối trộn cùng nguyên phụ liệu khác đưa vào thiêu kết, xỉ luyện thép chuyển giao cho các đơn vị sản xuất xi măng; đối với chất thải rắn thông thường là tro bay, xỉ đáy, thạch cao của Công ty Nhiệt điện Phả Lại *(chiếm* 45% *tổng lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh của các chủ nguồn thải)* được Công ty chuyển giao cho các cơ sở sản xuất tro bay làm phụ gia cho bê tông; vải vụn của các cơ sở may mặc đã được các cơ sở đồng xử lý trong lò hơi; các loại chất thải bìa carton, nilon, sắt thép, xỉ than,… đều có thể thu hồi tái chế, tái sử dụng.

+ Đối với các loại chất thải phải xử lý: chất thải rắn vệ sinh công nghiệp, bùn thải thông thường phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, bavia da giầy,… đã được các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hợp đồng chuyển giao xử lý cho các đơn vị vận chuyển, xử lý có đủ chức năng, năng lực (*theo trách nhiệm của chủ nguồn thải đã được quy định*).

- Đối với chất thải nguy hại: Năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã cấp 68 Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong đó cấp lại 07 Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, cấp mới 61 Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; tiếp nhận văn bản báo cáo quản lý CTNH cho 11 cơ sở, nâng tổng số cơ sở đăng ký chủ nguồn thải CTNH 751 cơ sở *(trong đó có 66 cơ sở dừng hoạt động phát sinh CTNH)*. Khối lượng CTNH phát sinh thực tế 84.620 tấn. Tổng hợp số liệu của 440 cơ sở Khối lượng CTNH tồn lưu của năm 2018 chuyển sang

năm 2019 khoảng 82 tấn, khối lượng CTNH phát sinh thực tế năm 2019 khoảng 82.970 tấn trong đó có 389/440 (đạt 88%) cơ sở đã ký hợp đồng chuyển giao xử lý CTNH với khối lượng CTNH khoảng 32.909 tấn, khối lượng CTNH tự xử lý, tự tái sử dụng tại cơ sở khoảng 50.034 tấn, khối lượng CTNH xin lưu giữ tiếp trong 06 tháng đầu năm 2020 khoảng 109 tấn. Năm 2020.

+ Phối hợp với Tổng cục Môi trường theo dõi, giám sát hoạt động xử lý chất thải của các cơ sở hành nghề xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh 07 cơ sở với tổng năng lực xử lý chất thải nguy hại là 415.869 tấn/năm. địa bàn tỉnh hiện nay có 07 doanh nghiệp xử lý CTNH đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý CTNH tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở phát sinh CTNH chuyển giao xử lý CTNH: Công ty TNHH Sản xuất, Dịch vụ, Thương mại Môi Trường Xanh; Công ty CP Tập Đoàn Thành Công; Công ty Cổ phần Môi trường xanh Minh Phúc; Công ty Cổ phần Môi trường An Sinh; Công ty TNHH SAEHAN GREEN VINA (xử lý 01 loại CTNH là than hoạt tính đã qua sử dụng hấp phụ dung môi hữu cơ); Công ty TNHH Khai thác, Chế biến, Xuất nhập khẩu khoáng sản Việt Nam (xử lý 02 loại CTNH là bụi lò luyện thép và bùn thủy luyện kẽm) và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với chất thải y tế: Trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 904 cơ sở y tế bao gồm cả công lập và tư nhân:

+ Cơ sở y tế tuyến tỉnh: Tổng số 17 cơ sở, trong đó thuộc Sở Y tế quản lý 15 cơ sở (Chi cục DS-KHHGĐ, Chi cục ATVSTP, Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc-Mỹ phẩm-Thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Pháp Y, BVĐK tỉnh, BV Phụ Sản, BV Nhi, BV PHCN, BV Tâm Thần, BV Phong, BV Phổi, BV Nhiệt Đới, BV YHCT, BV Mắt-Da liễu); 2 Bệnh viện ngành (*BV Trường ĐH Kỹ thuật Y tế thuộc Bộ Y tế quản lý, BV 7 Quân khu 3 thuộc Bộ Quốc phòng quản lý*).

+ Cơ sở y tế tuyến huyện: 12 Trung tâm Y tế huyện, thành phố, thị xã (*sáp nhập từ 13 BVĐK và 12 TTYTDP cấp huyện*) quản lý 235 Trạm Y tế xã/phường/thị trấn.

+ Cơ sở y tế tư nhân: 640 cơ sở (*trong đó: Bệnh viện tư nhân 02; phòng khám đa khoa 42; phòng khám chuyên khoa 221; cơ sở dịch vụ y tế: 170; phòng chẩn trị y học cổ truyền: 205*).

+ Tổng hợp báo cáo quản lý CTNH năm 2019 của 53 cơ sở y tế cho thấy: Khối lượng CTNH y tế nguy hại tồn lưu năm 2018 khoảng 0,138 tấn, khối lượng CTNH y tế nguy hại phát sinh năm 2019 khoảng 347,6 tấn trong đó khối lượng CTNH đã chuyển giao xử lý khoảng 331,16 tấn, khối lượng chất thải y tế tự xử lý chất thải y tế khoảng 16,58 tấn. Tính đến hết năm 2019, trên địa bàn tỉnh còn 02 đơn vị duy trì lò đốt chất thải y tế (*Bệnh viện phong Chí Linh và Trung tâm y tế huyện Kim Thành*); 03 đơn vị vận hành thiết bị hấp khử khuẩn trong đó có 01 đơn vị (*Bệnh viện Nhi Hải Dương*) đã được đánh giá hiệu quả xử lý thiết bị hấp khử khuẩn, chất thải sau quá trình hấp khử khuẩn quản lý như đối với chất thải nguy hại, 02 đơn vị (*Trung tâm y tế huyện Tứ Kỳ và Trung tâm y tế huyện Kim*

Thành) đang vận hành thử nghiệm thiết bị hấp khử khuẩn. Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các bệnh viện và trung tâm y tế cơ bản đã được hợp đồng chuyển giao xử lý với đơn vị có đủ chức năng, năng lực (*Công ty CP Công nghệ môi trường, Công ty CP Môi trường xanh Minh Phúc và Công ty TNHH SXDVTM Môi trường xanh, Công ty CP Môi trường đô thị và công nghiệp 11 (URENCO 11)*).

- Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật: Về việc thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng UBND tỉnh, huyện, vã các xã đã cung cấp cho các địa phương các bể chứa đáp ứng được một số tiêu chí theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 như sau:

+ Đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn; không bị ngập lụt, gần điểm pha chế thuốc trước khi đem đi phun rải để thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; không làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, khu dân cư, giao thông và mỹ quan nông thôn.

+ Dung tích bể chứa khoảng 1-1,2m3, có nắp đậy kín, bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ "Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng" và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo tiêu chuẩn việt nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo. Ngoài ra một số xã còn được hỗ trợ các bể chứa từ chương trình của VietGap để tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp sạch.

+ Việc sử dụng hóa chất và thuốc trừ sâu trong canh tác nông nghiệp đã và đang làm suy thoái đất canh tác, ô nhiễm các nguồn nước và suy giảm đa dạng sinh học làm mất cân bằng sinh thái. Trung bình mỗi năm trên địa bàn tỉnh sử dụng trung bình khoảng 345 tấn thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), lượng bao gói thuốc BVTV chiếm khoảng 15% tổng lượng thuốc sử dụng tương đương 51,75 tấn, nhiều nhất là ở những vùng chuyên canh rau. Để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, ngoài việc áp dụng các biện pháp canh tác tổng hợp nhằm giảm bớt lượng thuốc bảo vệ thực vật và các biện pháp quản lý thu gom các loại vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Về xử lý nước thải: Tỷ lệ khu dân cư tập trung có điểm thu gom và xử lý nước thải phù hợp trước khi đổ vào các kênh, mương, sông, suối, ao, hồ:Đạt 100%. Tỷ lệ hộ gia đình có biện pháp xử lý nước thải (bể phốt, hố ga):Đạt 100%. Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh: Đạt 100%. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên 86%. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi thu gom, xử lý chất thải: Khoảng 95%

- Các hình thức, biện pháp, mô hình thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi: Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn, hầu hết đều xây dựng các bể chứa biogas để xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.Các hộ nuôi cá thì sau mỗi đợt thu hoạch sẽ rắc vôi bột để khử trùng làm sạch ao nuôi và dùng một số biện pháp giảm thiểu chất thải khác trong quá trình nuôi. Các hộ chăn nuôi trâu bò, gia cầm đều thu gom chất thải sau đó đóng bao làm phân bón.

- Tỷ lệ hộ gia đình cơ sở sản xuất - kinh doanh thực phẩm tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

2.4.6. Về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật

- 178 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tính đến thời điểm 30/10/2020 có tổng số 3270 cán bộ, công chức (cán bộ 1794 người, công chức 1476 người). Trong đó, trình độ chuyên môn: 52 người (1,59%) có bằng thạc sỹ; 2574 người (78,7%) có trình độ đại học; 110 người (3,36%) có trình độ cao đẳng, còn lại có bằng trung cấp và sơ cấp 524 người (16,02%). 100% cán bộ cấp xã đều đáp ứng được tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn theo quy định.

- 178/178 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định gồm Đảng uỷ, HĐND, UBND, Uỷ ban MTTQ Việt Nam, Hội Phụ nữ, Hội nông dân, Hội CCB, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Trên địa bàn tỉnh Hải Dương bình quân hàng năm có trên 70% đảng bộ các xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 100% chính quyền cấp xã đạt danh hiệu 'Tập thể lao động tiên tiến" trở lên; không có tổ chức yếu kém. Việc đánh giá Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh hàng năm đã đi vào nền nếp, có chiều sâu. Trong đó nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là một trong những nội dung tiêu chí để đánh giá kết quả hoạt động của các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong củng cố, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh; 100% các tổ chức chính trị - xã hội của các xã đều được đánh giá, công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Các xã, phường và thị trấn của tỉnh đã tiến hành tổ chức tự đánh giá các tiêu chí về tiếp cận pháp luật theo các nội dung quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Trên cơ sở chấm điểm các tiêu chí và điều kiện xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận quy định tại Quyết định 619/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, năm 2020, toàn tỉnh có 174/178 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đạt tỷ lệ 97,7%); 04/178 xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (chiếm tỷ lệ 2,3%); 9/12 huyện, thành phố, thị xã có 100% xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trong tổng số 174 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có 8 đơn vị hành chính 6 xã loại I, 142 đơn vị hành chính xã loại II và 24 đơn vị hành chính xã loại III. 4/4 xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là đơn vị hành chính xã loại II.

- Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, mỗi tháng đều có ít nhất hai chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của các xã, phường, thị trấn; 100% người cao tuổi khi ốm đau được khám, chữa bệnh và được hưởng chăm sóc của gia đình, cộng đồng.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật.

2.4.7. Về Quốc phòng và An ninh

- Về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã.

+ Công tác quốc phòng - quân sự địa phương được triển khai đồng bộ, toàn diện, có chiều sâu. Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2016-2020 triển khai đạt kết quả tốt, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên; tích cực đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện, duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, qua đó chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân; công tác tuyển sinh quân sự hằng năm đạt kết quả cao; thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Bảo đảm đồng bộ công tác hậu cần, tài chính, vũ khí, trang bị cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập và các nhiệm vụ đột xuất khác. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị chăm lo chính sách hậu phương quân đội và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa".

+ Xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã: Về số lượng cán bộ Ban CHQS xã: Có 178/178 xã biên chế đủ số lượng 04 đồng chí theo quy định; 100% Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban nhân dân xã, Chỉ huy phó là người hoạt động không chuyên trách ở xã, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm. Trình độ chuyên môn: Các đồng chí Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng đã qua đào tạo ngành quân sự cơ sở; hằng năm đội ngũ cán bộ được tập huấn bồi dưỡng về chính trị quân sự và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Ban CHQS 178/178 xã có phòng làm việc riêng và được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định; cán bộ Ban CHQS được hưởng chi trả phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Trưởng, phó Ban CHQS được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng lực lượng Dân quân "vững mạnh, rộng khắp": Hằng năm Ban CHQS các xã tham mưu cho UBND xã kết nạp dân quân tự vệ mới, trao Quyết định cho DQTV đã hoàn thành nhiệm vụ... Xây dựng lực lượng DQTV theo đúng các văn bản hướng dẫn của trên. Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo Thông tư 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của Dân quân tự vệ. Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong Dân quân đạt trên 20%; Thôn đội trưởng, trung đội trưởng Dân quân cơ động là đảng viên theo quy định. Các đối tượng DQTV được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo đúng thời gian chương trình quy định tại Thông tư số 69/2020/ ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ; Chỉ thị, Mệnh lệnh của Quân khu và Bộ CHQS tỉnh. Thông qua huấn luyện trình độ chỉ huy, hiệp đồng của cán bộ chiến

sĩ Dân quân từng bước được nâng lên. Hoạt động của Dân quân tự vệ: Tổ chức thực hiện theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ ban hành quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ và thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng quy định về chế độ SSCĐ và kế hoạch về Dân quân tự vệ.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Xây dựng, ban hành đầy đủ hệ thống các kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch chiến đấu Dân quân tự vệ. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hằng năm theo chỉ tiêu Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao, đảm bảo chất lượng; công tác tuyển sinh quân sự được triển khai theo quy định. Hằng năm 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ. Công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm 100% theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh. Hằng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh theo quy định của pháp luật. Điều động lực lượng dân quân thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh, lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; bảo vệ ANCT-TTATXH và sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác được giao theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự địa phương theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; Chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đơn vị thuộc quyền và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện góp phần xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Về gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

+ Hằng năm, Cấp ủy, chính quyền các xã đều chủ động, kịp thời xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết, kế hoạch đảm bảo ANTT đến các ban, ngành, đoàn thể, thôn, làng và nhân dân tích cực phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT nói chung và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ nói riêng. Lực lượng Công an chủ động nắm chắc tình hình nội nhân dân; phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kịp thời tham mưu cấp uỷ, chính quyền các biện pháp giải quyết những vấn đề liên quan đến an ninh nông thôn ngay ở cơ sở không để phát sinh, hình thành "điểm nóng", không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả Đề án "Xây dựng làng an toàn, khu dân cư an toàn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn về ANTT" gắn với thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT". Kết quả: Từ giai đoạn 2010 -

2020, trên địa bàn toàn tỉnh đã xây dựng, nhân rộng và duy trì hoạt động có hiệu quả 19 loại với trên 2 nghìn mô hình "Tự quản, tự phòng ngừa, tự bảo vệ ANTT"; 178/178 xã được công nhận đạt danh hiệu "An toàn về ANTT". Không còn xã nào trên địa bàn tỉnh thuộc diện xã trọng điểm phức tạp về ANTT. Trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, lực lượng Công an luôn chủ động đẩy mạnh công tác phòng ngừa và tổ chức nhiều đợt cao điểm đấu tranh tấn công trấn áp các loại tội phạm, từ đó kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, đẩy lùi tệ nạn xã hội, phòng ngừa ngăn chặn hiệu quả hoạt động của các băng nhóm tội phạm, không để tội phạm lộng hành; không để hình thành các tụ điểm phức tạp về TTXH gây bức xúc trong nội bộ nhân dân. Chính vì vậy, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm so với năm trước; không có tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh; tổ chức mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ nghiệp vụ, pháp luật cho lực Công an xã Chính quy và bán chuyên trách; báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp Công an tỉnh nghiên cứu áp dụng và hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với lực lượng Công an bán chuyên trách.

+ Thực hiện chủ trương của Bộ Công an; Kế hoạch; Đề án số 365/ĐA-CAT-PX01, ngày 04/3/2019 của Công an tỉnh về điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Giám đốc Công an tỉnh đã ký, ban hành quyết định, triển khai bố trí 942 cán bộ chiến sĩ Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã tại 178/178 xã. Lực lượng Công an xã tích cực thực hiện cuộc vận động "Công an nhân dân học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh"; "Công an nhân dân chấp hành nghiêm điều lệnh, xây dựng nếp sống văn hóa, vì nhân dân phục vụ" và diễn đàn "Công an nhân dân lắng nghe ý kiến của dân"… Thường xuyên phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự xã trong công tác vận động tuyên truyền quần chúng nhân dân chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương gắn với phong trào "Thi đua yêu nước và vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư";vận động công dân hăng hái thực hiện tốt Luật nghĩa vụ quân sự, hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân đảm bảo về số lượng, chất lượng và phối hợp thực hiện có hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

+ Kết quả, năm 2014 toàn tỉnh có 122/227 xã đạt 4 chỉ tiêu của Tiêu chí số 19.2 trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; 84 xã đạt 03 chỉ tiêu; 17 xã đạt 02 chỉ tiêu; 02 xã đạt 01 chỉ tiêu và 02 xã chưa đạt chỉ tiêu nào; tương ứng năm 2015 là 100 xã đạt 04 chỉ tiêu; 106 xã đạt 03 chỉ tiêu và 21 đạt 02 chỉ tiêu; năm 2016 là 171 đạt 04 chỉ tiêu; 48 đã 03 chỉ tiêu và 07 xã đạt 02 chỉ tiêu; năm 2017 là 201 xã đã đạt Tiêu chí số 19.2; 115 xã đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2018 là 221 đã đạt Tiêu chí số 19.2; 150 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 02 đơn vị cấp huyện đạt huyện nông thôn mới là thị xã Chí Linh, huyện Kinh Môn; năm 2019 là 221 xã đạt Tiêu chí số 19.2; 206 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến 2020, sau khi sáp nhập địa giới hành chính các xã trên địa bàn tỉnh Hải

Dương, đến nay đã có 178/178 xã của tỉnh Hải Dương đã đạt theo 06 nội dung của Tiêu chí số 19.2, được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đánh giá: Đến nay 178/178 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.

V. KẾT QUẢ XÂY DỰNG CẤP HUYỆN NÔNG THÔN MỚI:

1. Số huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Đến năm 2021 tỉnh Hải Dương có 12/12 huyện, thành phố, thị xã đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 100%.

2. Một số kết quả xây dựng huyện nông thôn mới:

2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Ngay từ triển khai xây dựng nông thôn mới, công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp xã, huyện được tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo, từ đó tạo tiền đề thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế - xã hội và đẩy nhanh tiến trình xây dựng nông thôn mới và hướng tới xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu**.** Công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch đã cơ bản phủ kín quy hoạch xây dựng cho khu vực đô thị và nông thôn, đảm bảo định hướng phát triển và kết nối đồng bộ. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập một số quy hoạch các ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng thành phố, thị xã, thị trấn... Công tác nâng cấp, phát triển đô thị đạt kết quả nổi bật, đã hình thành một số khu đô thị mới hiện đại, có thiết kế đồng bộ. Hoàn thành việc điều chỉnh địa giới hành chính và nâng cấp thành phố Hải Dương lên đô thị loại I, thị xã Chí Linh đạt đô thị loại III và trở thành thành phố, huyện Kinh Môn đạt đô thị loại IV và trở thành thị xã...

- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng đô thị có quy mô quy hoạch được lập trên phạm vi toàn huyện, thị xã, thành phố; đồ án căn cứ lập theo Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; các nội dung quy hoạch và định hướng quy hoạch phù hợp theo yêu cầu tại Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đến nay, đã có 12/12 huyện, thị xã, thành phố hoàn thành phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng đô thị; Hồ sơ Quy hoạch đã thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu của đồ án đảm bảo theo quy định, đạt các yêu cầu tiêu chí quy hoạch của huyện.

- Đánh giá: Đến nay 100% số huyện (9/9 huyện) trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí Quy hoạch

2.2. Về giao thông:

- Hải Dương là một tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi, có nhiều tuyến giao thông quan trọng chạy qua như QL5, QL18, QL10, QL37, QL38 QL38B, QL17B, đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng, Hà Nội - Hạ Long - Móng Cái,

đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt Kép - Hạ Long, có nhiều tuyến sông lớn chảy qua, đây là điều kiện thuận lợi để Hải Dương có thể giao lưu và trao đổi thuận lợi với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh là các tỉnh phát triển kinh tế của khu vực trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. Trong những năm qua tỉnh Hải Dương đã ưu tiên nguồn lực và phối hợp với các tỉnh bạn đầu tư các công trình giao thông nhằm kết nối liên tỉnh. Hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn như: đường giao thông, công trình cấp nước sạch... được cải thiện rõ nét. Hạ tầng kỹ thuật ở các đô thị, nhất là thành phố Hải Dương, Chí Linh và thị xã Kinh Môn được đầu tư nâng cấp, tạo được nét khởi sắc mới. Hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp cơ bản được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, như: Đường trục Bắc - Nam tỉnh Hải Dương: Đã hoàn thành giai đoạn1. Bên cạnh đó, tỉnh đã đầu tư hoàn thành một số công trình giao thông quan trọng như: đường 62m kéo dài đến nút giao Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường dẫn phía Bắc Cầu Hàn… Công tác quản lý, đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn được tăng cường. Hệ thống hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Mạng lưới giao thông Hải Dương được phân bố tương đối hợp lý trên địa bàn tỉnh, có 3 phương thức vận tải là đường bộ, đường thuỷ nội địa và đường sắt rất thuận tiện cho việc lưu thông hàng hoá và hành khách trong và ngoài tỉnh.

- Hệ thống đường quốc lộ (gồm cả cao tốc): Có 8 tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh Hải Dương với tổng chiều dài là 228 Km, được phân bổ tương đối hợp lý bởi các trục tuyến Bắc - Nam (QL37, QL38), trục tuyến Đông - Tây (QL18, QL5, QL17B, cao tốc HN-HP). Khu vực phía Bắc tỉnh (thị xã Chí Linh), đã quy hoạch tuyến cao tốc Nội Bài - Hạ Long đi qua; khu vực phía Nam tỉnh (qua huyện Thanh Miện - Ninh Giang - Tứ Kỳ - Thanh Hà nối với đường cao tốc HN-HP), tỉnh đang triển khai dự án trục Đông - Tây phía Nam (một phần đi trùng với ĐT.396). Với mạng lưới Quốc lộ hiện có cơ bản đảm bảo tính kết nối, vai trò giao thông huyết mạch kết nối Hải Dương với Khu vực trọng điểm kinh tế Bắc Bộvới Vùng Thủ đô Hà Nội đáp ứng được yêu cầu vận tải.

- Hệ thống đường tỉnh: Có 24 tuyến (bao gồm cả đường gom đường ô tô cao tốc HN-HP, đường 62m, trục Bắc - Nam) với 496 Km (Sở GTVT quản lý 472km, ủy quyền cho UBND cấp huyện quản lý 24Km), tỷ lệ số Km đường tỉnh so với số Km Quốc lộ là 2,17 lần. Mạng lưới đường tỉnh gần như trải đều trên địa bàn, đến tận các vùng sâu, vùng xa của tỉnh với nhiều trục dọc ((390, 390B, 391, 392, Trục Bắc - Nam (đoạn phía Nam), 394)) và trục ngang (389, 394C, 395, 393, 392, 396) đan xen nhau; tuy nhiên, mật độ đường tại khu vực Tây – Nam của tỉnh (các huyện đồng bằng: Bình Giang, Gia Lộc, Thanh Miện, Ninh Giang) lớn hơn khu vực phía Bắc (các huyện miền núi: Thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn) và các huyện khu vực phía Đông (Thanh Hà, Kim Thành,), cơ bản đáp ứng được nhu cầu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng này.

- Hệ thống đường huyện: Có 117 tuyến, với 440, Km, tỷ lệ số km đường huyện so với số Km đường tỉnh là 0,90lần. Mạng lưới đường huyện cùng với Quốc lộ, đường tỉnh cơ bản đã kết nối được các xã trong tỉnh; có quy mô đường

cấp V, VI chiếm 62%, chủ yếu được đầu tư xây dựng từ lâu, kết cấu mặt đường chủ yếu là thấm nhập nhựa (láng nhựa), BTXM chiếm 65%.

+ Tổng số đường huyện trên địa bàn tỉnh gồm 117 tuyến với chiều dài 440 Km đảm bảo 100% km đường huyện ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; 440 km / 440 km mặt đường huyện được nhựa hóa, bê tông xi măng hóa (đạt 100%).

+ 440 km/440km đường huyện đạt từ cấp VI đến cấp IV theo TCVN 4054:2005, hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố. Các tuyến đường huyện, hệ thống cầu, cống phù hợp với quy hoạch thời điểm hiện tại, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong thời gian tới, các địa phương đã đưa vào nhiệm vụ trọng tâm là cải tạo nâng cấp các tuyến đường huyện tối thiểu đạt cấp IV theo quy hoạch vùng huyện được duyệt.

+ 440 km/ 440 km (đạt 100%) đường huyện được bảo trì hàng năm, góp phần sửa chữa kịp thời các hư hỏng đảm bảo an toàn giao thông và duy trì tuổi thọ của tuyến đường.

- Hệ thống đường đô thị: Đường đô thị chủ yếu tập trung ở thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn; còn rải rác số ít đường đô thị nằm ở các thị trấn của các huyện và quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện làm luôn chức năng của đường đô thị. Tổng chiều dài đường đô thị dài 345,38km, quy mô chủ yếu tương đương đường cấp IV trở lên (chiếm 64,5%), kết cấu mặt đường chủ yếu BTN (chiếm 70%); vỉa hè đa số rộng 3-5,5m.

- Về vận tải đường bộ, hệ thống bến xe khách: Tổng số trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 15 tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, 140 tuyến vận tải hành khách công cộng tuyến cố định (có điểm đầu ở tỉnh Hải Dương và có điểm đến ở 35 tỉnh, thành phố trên cả nước). Dọc các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện được bố trí đầy đủ, đảm bảo yêu cầu hệ thống biển dừng, đóng trả khách, nhà chờ.

+ Toàn tỉnh có 08 bến xe khách liên tỉnh (03 bến đạt tiêu chuẩn loại III và 05 bến đạt tiêu chuẩn loại IV), được phân bổ 07/12 huyện, thành phố, thị xã (02 bến ở thành phố Hải Dương; 01 bến ở thành phố Chí Linh;01 bến ở thị xã Kinh Môn; huyện Nam Sách, huyện Thanh Hà, huyện Thanh Miện, huyện Ninh Giang mỗi huyện 1 bến). Về cơ bản hệ thống bến xe khách trên địa bàn tỉnh đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân.

+ Về trạm dừng nghỉ: Trên đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng có trạm V52, tại Km 52+00 (trái tuyến), thuộc xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, diện tích 1,5ha, theo tiêu chuẩn Quốc tế do Tổng công ty Phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam (VIDIFI, JSC...) quản lý. Trên QL18 có trạm Thành Quân 99, tại Km 43+190 (trái tuyến), thuộc phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, diện tích 1,1ha, đạt loại I do Công ty TNHH vận tải Việt Thanh quản lý.

- Hệ thống đường thủy nội địa: Trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện có tổng số 14/ 14 tuyến sông do Trung ương quản lý (dài 297 km) đạt 100% và 06/06

tuyến sông do địa phương quản lý (dài 122km)đạt 100% đã được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa (201/ 201 bến) phục vụ vận chuyển hàng hoá đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động. Các chỉ tiêu về đường thủy đáp ứng đủ yêu cầu của Tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới.

+ Cảng thủy nội địa: Theo số liệu cập nhật từ Cảng vụ khu vực I, II, trên địa bàn có 43 cảng được công bố hoạt động (đều trên tuyến sông Trung ương), đa số là cảng chuyên dùng, chưa có cảng lớn, chưa có cảng xếp dỡ container. Phân bổ chủ yếu trên các tuyến sông nằm trong 2 hành lang vận tải Quốc gia khu vực phía Bắc. Các cảng được kết nối với đường bộ thông qua các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ (QL5, QL7B, QL37...) thuận tiện phát triển vận tải đa phương thức, từng bước tham gia và làm giảm chi phí chuỗi Logictics.

+ Bến thủy nội địa: Theo số liệu cập nhật từ Cảng vụ khu vực I, II (đối với các bến thuộc sông Trung ương từ năm 2016) và theo dõi của Sở GTVT (cập nhật, bổ sung trên các tuyến sông Trung ương từ năm 2016 đến nay và trên sông địa phương), có 201 bến có phép, được phân bổ dọc các tuyến sông đặc biệt là các sông Trung ương, góp phần lớn vào phát triển vận tải đường thủy giảm tải giao thông đường bộ.

- Về vận tải: Toàn tỉnh 04 huyện (Ninh Giang, Thanh Miện, Nam Sách, Thanh Hà) có các bến xe khách tại trung tâm huyện đạt loại IV. Các huyện còn lại (Tứ Kỳ, Bình Giang, Gia Lộc, Kim Thành, Cẩm Giàng) đã có quy hoạch, chuẩn đang bị đầu tư các bến xe khách ở trung tâm huyện; ở các huyện, thành phố, thị xã giáp ranh đều đã có các bến xe khách đạt loại IV trở lên hoạt động. Mặt khác, qua địa bàn các huyện này có nhiều tuyến vận tải hành khách hoạt động đáp ứng được nhu cầu vận tải hành khách trên địa bàn huyện đi các tỉnh lân cận. Tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đã bố trí đầy đủ điểm dừng, điểm đỗ đi lại thuận lợi. Tiêu chí về vận tải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới.

- Hệ thống đường sắt: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 2 tuyến đường sắt Quốc gia (tuyến đường sắt Hà Nội- Hải Phòng, dài 46km, khổ đơn 1.000mm; Tuyến đường sắt Kép - Hạ Long, dài 9km, khổ đo 1.435mm) gồm 6 ga và 1 tuyến đường sắt chuyên dùng Bến Tắm - Phả Lại, phục vụ vận chuyển cung cấp nhiên liệu cho Nhà máy nhiệt điện Phả Lại.Các tuyến đường sắt đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận tải hành khách và vận tải hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương; góp phần thúc đẩy vận chuyển đa phương thức giảm chi phí trong chuỗi Logictics.

Đánh giá: Đến nay 100% số huyện (9/9 huyện) trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí Giao thông.

2.3. Về thủy lợi:

- Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn tỉnh được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt. Toàn tỉnh tỉnh hiện có 1.245 trạm bơm, với 2.325 máy bơm các loại, tổng công suất bơm 4.153.730m3/h; 68 hồ chứa

nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; 10.465 km kênh mương các loại; 840,25 km bờ vùng (bờ bao) thủy lợi; trong đó: Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý 01 trạm bơm My Động (10x8000m3/h); 291,91 km bờ kênh trục Bắc Hưng Hải; 05 cống điều tiết lớn trên sông trục (Neo, Bá Thủy, Cầu Cất, Cầu Xe, An Thổ); Các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) thuộc tỉnh quản lý 285 trạm bơm, 1.171 máy bơm các loại, tổng công suất bơm 3.170.840m3/h; 08 hồ chứa; 2.236,27 km kênh mương; 334,72 km bờ vùng; Các Tổ chức thủy lợi cơ sở (Hợp tác xã DVNN, tổ hợp tác là dịch vụ thủy nông) quản lý 959 trạm bơm, 1.144 máy bơm, tổng công suất bơm 902.890 m3/h; 60 hồ chứa; 7.708,35 km kênh mương; 505,53 km bờ vùng.

- Các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh cũng như ở các huyện đều có phân cấp quản lý và sử dụng theo các Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Hải Dương về vệc Ban hành quy định bảo vệ và phân cấp quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt danh mục công trình thuỷ lợi được phân cấp quản lý, khai thác trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình thuỷ lợi được phân cấp quản lý, khai thác tại Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 của UBND tỉnh. Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra, phát hiện và lập biên bản ngăn chặn và xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ CTTL và Luật Thuỷ lợi. Chỉ đạo các xã xây dựng, triển khai kế hoạch làm thủy lợi Đông Xuân để nạo vét, bảo trì, duy tu, sửa chữa thường xuyên công trình kênh mương bằng đất nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ của hệ thống công trình thuỷ lợi trong quá trình khai thác, sử dụng; góp phần đáp ứng yêu cầu cung cấp nước tưới, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh. Trong 5 năm qua toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng được hàng trăm km đường giao thông nội đồng, 60 km đường giao thông tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung và có 5 vùng sản xuất rau màu tập trung

Đánh giá: Đến nay 100% số huyện (9/9 huyện) trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí Thủy lợi.

2.4. Về điện

Với sự quyết tâm vào cuộc của các cấp, các ngành, cơ sở vật chất ngành điện trên địa bàn có bước phát triển mạnh mẽ. 100 % trạm biến áp, các tuyến đường dây điện trên địa bàn toàn tỉnh được quan tâm đầu tư xây dựng mới, sửa chữa cải tạo nâng cấp đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân; 100% các hộ dân được sử dụng điện an toàn, hiệu quả. Các công trình hệ thống điện trung thế đầu tư liên xã trên địa bàn các huyện được thực hiện đồng bộ theo quy hoạch và phù hợp với quy hoạch phát triển lưới điện trung thế của tỉnh. Hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện an toàn đạt chuẩn và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện cũng như phát

triển sản xuất, sinh hoạt của nhân dân. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh, Công ty Điện lực Hải Dương đang quản lý, vận hành. Hiện nay các phụ tải tiêu thụ điện trên địa bàn tỉnh được cấp điện từ các trạm 110 kV Đồng Niên, Phả Lại, Chí Linh, Lai Khê, Nghĩa An, Nhị Chiểu, Đại An, Ngọc Sơn, Phúc Điền, Tiền Trung, Nguyên Giáp, Thanh Miện, Cẩm Điền.

- Trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay hệ thống điện thường xuyên được các đơn vị quản lý rà soát, kiểm tra kịp thời đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp bằng nhiều nguồn vốn khác nhau đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục chất lượng điện đạt yêu cầu kỹ thuật, phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh.

- Hệ thống điện trên địa bàn tỉnh đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật nêu trong Quy định kỹ thuật điện nông thôn (QĐKT – ĐNT- 2006), ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN của Bộ công nghiệp ngày 08/12/2006 phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và dân sinh.

- Hệ thống điện trên địa bàn tỉnh đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn, đảm bảo chất lượng từ nguồn điện lưới quốc gia đạt tỷ lệ 100%. Hệ thống điện liên xã đảm bảo cung cấp điện liên tục, đầy đủ cho các xã, thị trấn, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2016 - 2025.

- Từ năm 2011 đến nay, ngành điện đã triển khai 406 dự án với tổng mức đầu tư là 2.733 tỷ đồng, các đơn vị bán lẻ điện nông thôn cũng thường xuyên kiểm tra, thực hiện nâng cấp, cải tạo bằng nguồn vốn huy động khác đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của hệ thống.

Đánh giá: Đến nay 100% số huyện (9/9 huyện) trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí Điện.

2.5. Về Y tế -Văn hóa -Giáo dục:

2.5.1. Về Trường Trung học phổ thông:

- Trong những năm gần đây tỉnh, huyện đã quan tâm đầu tư cho các trường trung học phổ thông mở rộng, xây mới, cải tạo, tu bổ cơ sở vật chất, các phòng học, phòng chức năng,...đảm bảo hoàn thiện các tiêu chuẩn của trường Trung học đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn về trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chất lượng giáo dục có sự phát triển toàn diện, bền vững. Công tác xây dựng CSVC và trường đạt chuẩn quốc gia được gắn liền với Kế hoạch xây dựng NTM của

huyện và các xã.

- Hiện nay, trên địa bàn 9 huyện của tỉnh Hải Dương (không kể 02 thành phố và 01 thị xã) có 35 trường THPT trong đó có 27 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 77,1%. Cụ thể: huyện Bình Giang: có 3/4 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 77 %; huyện Cẩm Giàng: có 3/3 trường, đạt tỷ lệ 100 %; huyện Gia Lộc: có 3/3 trường, đạt tỷ lệ 100 %; huyện Kim Thành: có 3/4 trường, đạt tỷ lệ 75%; huyện Nam Sách: có 3/4 trường, đạt tỷ lệ 75%; huyện Ninh Giang: có 3/5 trường, đạt tỷ lệ 60%; huyện Thanh Hà: có 3/4 trường, đạt tỷ lệ 75%; huyện Thành Miện: có 3/4 trường, đạt tỷ lệ 75%; huyện Tứ Kỳ: có 3/4 trường, đạt tỷ lệ 75%.

2.5.2. Trung tâm văn hóa, thể thao huyện, hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã:

Trung tâm Văn hoá - Thể thao các huyện đều đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cụ thể:

- Tỉnh Hải Dương có 12/12 huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao (đạt tỉ lệ 100%). Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện có quy mô xây dựng tương xứng với sự phát triển về kinh tế, xã hội của địa phương; bảo đảm trang thiết bị chuyên dùng đồng bộ, phù hợp và đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, các hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí của địa phương. Hiện nay, nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ. Trong đó, cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở có trình độ, đào tạo chuyên môn theo chuyên ngành, thường xuyên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, khai thác sử dụng thiết chế văn hóa, nên đã đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao và sinh hoạt chuyên đề ở cơ sở.

- Trong những năm qua, Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, thị xã, thành phố đã phát huy tốt vai trò là đơn vị sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể thao cấp huyện, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức phục vụ nhân dân vào những dịp lễ hội, mừng Đảng, mừng Xuân, kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện chính trị của huyện, thị xã, thành phố.

- Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp với Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh; Hướng dẫn hệ thống thiết chế văn hóa các xã, thôn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thành lập, duy trì và phát triển các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích, các lớp năng khiếu nghệ thuật đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân, phát huy công năng của hệ thống này tại cơ sở. Chất lượng phong trào văn hóa, văn nghệ, cơ sở từng bước được nâng lên. Công tác thông tin tuyên truyền,

cổ động trực quan thường xuyên thay đổi nội dung, hình thức tuyên truyền theo các chủ đề, chủ điểm và yêu cầu nhiệm vụ chính trị.

- Hằng năm, Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tốt các chương trình hoạt động văn hóa, lớp năng khiếu, hội chợ triển lãm, các giải thi đấu thể thao, lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, liên hoan văn nghệ quần chúng các làng, khu dân cư văn hóa, hội diễn văn nghệ quần chúng và công nhân viên chức, tổ chức các buổi lưu diễn phục vụ cơ sở, dàn dựng chương trình văn nghệ phục vụ các ngày lễ lớn của đất nước, …tạo kết nối hoạt động văn hóa, thể thao với các xã,phường, thị trấn; là công cụ của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong việc lãnh đạo, tuyên truyền, truyền tải nội dung thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các phong trào, các cuộc vận động lớn; là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; khẳng định vai trò chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao từ tỉnh đến cơ sở và là diện mạo văn hoá của địa phương, của tỉnh.

- Những năm qua, tỉnh Hải Dương đã quan tâm đầu tư tới các công trình văn hóa trọng điểm: Công trình Trung tâm Văn hóa Xứ Đông ; Thư viện tỉnh Hải Dương; Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại trung tâm xã Nam Chính, huyện Nam Sách; Nhà thi đấu Thể dục thể thao. Bên cạnh đó, tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng nhiều khu, nhà lưu niệm danh nhân nhằm giáo dục truyền thống cho các thế hệ người dân Hải Dương như Nhà tưởng niệm cố Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng, Nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Lê Thanh Nghị; đình Đọ Xá, nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Hải Dương và một số nhà truyền thống cấp huyện để trưng bày giới thiếu về mảnh đất, con người và di sản trong huyện như: Nhà truyền thống huyện Nam Sách, Cẩm Giàng, Bình Giang….

2.5.3.Về Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia;

- Trên địa bàn tỉnh đến nay có 100% Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III trở lên, trong đó có: 7 Bệnh viện tuyến huyện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng III gồm các huyện: *Nam Sách, Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện, Kim Thành, Thanh Hà, Tp. Hải Dương*; có 5 Bệnh viện đạt vượt mức quy định, đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II gồm các huyện/Tp/Tx: *Ninh Giang, Tứ Kỳ, Kinh Môn, Gia Lộc, Chí Linh.*

- Trong những năm qua, mạng lưới y tế Hải Dương đã được củng cố, phát triển, được tổ chức rộng khắp tới tận thôn. Xác định công tác nhân sự, tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ tiên quyết cho việc phát triển hệ thống y tế trên địa bàn tỉnh nên Sở Y tế đã xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, kế hoạch biên chế tự chủ đối với 21 đơn vị trình UBND tỉnh phê duyệt. Hợp nhất y tế tuyến cơ sở từ 3 đầu mối Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa, Trung tâm dân số huyện/thị xã/ thành phố thành Trung tâm y tế đa chức năng. Tại tuyến tỉnh thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trên cơ sở hợp nhất từ Trung tâm y tế Dự phòng, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe và Trung tâm chăm sóc chăm sóc sức khỏe sinh sản. Thành lập mới Bệnh viện

Bệnh Nhiệt đới tỉnh trên nền từ Trung tâm phòng chống HIV/AIDS.

- Từ năm 2010 - nay, UBND tỉnh đã đầu tư từ tiết kiệm chi ngân sách sự nghiệp y tế trên 505 tỷ để thực hiện mua sắm, sửa chữa cho các đơn vị, trong đó có một số thiết bị kỹ thuật cao (Máy chụp cắt lớp vi tính, máy mổ nội soi, máy nội soi tiêu hóa, máy siêu âm màu, ...) để thực hiện kỹ thuật của tuyến trên chuyển giao và thực hiện mua sắm thực hiện phòng hội chẩn trực tuyến cho các Trung tâm y tế; Tuyến huyện đã có chuyển biến rõ rệt về phát triển chuyên môn kỹ thuật, trung bình mỗi trung tâm đã thực hiện trên 70% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến và đã triển khai trung bình 145 kỹ thuật của tuyến trên; có nhiều kỹ thuật cao lần đầu tiên được thực hiện tại tuyến huyện như: phẫu thuật nội soi, thận nhân tạo, chụp cắt lớp vi tính, siêu âm màu, nội soi tiêu hóa,……và ngày điều trị trung bình trên 1 bệnh nhân nội trú giảm còn 6 ngày. Thực hiện chức năng nhiệm vụ về y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật, an toàn thực phẩm,... trong nhiều năm, không để xảy ra dịch bệnh lớn, không có tử vong do dịch bệnh. Các chỉ tiêu sức khỏe của người dân trong tỉnh được cải thiện rõ rệt, phần lớn chỉ tiêu đạt cao hơn mức trên trung bình toàn quốc (tuổi thọ trung bình của người dân 74,83 tuổi (toàn quốc 73,5 tuổi), tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi giảm còn 1,1‰ và dưới 5 tuổi giảm còn 2,0‰, Tỷ lệ cán bộ y tế đạt 50/10.000 dân; bình quân có 9,5 bác sỹ/ 10.000 dân. Tất cả các trạm y tế đã đủ nhân lực theo cơ cấu tối thiểu 5 người, trong đó 85% số trạm có bác sỹ thường xuyên công tác.

Đến nay, 100% số huyện (*09/09 huyện*) đạt chuẩn tiêu chí về Y tế - Văn hóa- Giáo dục.

2.6. Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập:

Phát huy tiềm năng, lợi thế, với sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo năng động, sáng tạo, quyết liệt và sự nỗ lực, cố gắng, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tích cực, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế đạt mức tăng trưởng khá. Thu ngân sách và thu hút đầu tư đạt kết quả khá cao, từ năm 2017, tỉnh tự cân đối ngân sách và có một phần điều tiết về ngân sách Trung ương. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhất là hệ thống giao thông thiết yếu và liên tỉnh. Xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn mới đạt kết quả nổi bật. Đời sống, việc làm và thu nhập của nhân dân ngày càng được cải thiện, cụ thể:

2.6.1. Về phát triển sản xuất nông nghiệp:

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hải Dương đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ đã được chú trọng; hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư, tỷ lệ và tốc độ cơ giới hóa sản xuất tăng nhanh, giúp giảm tổn thất và chi phí trong sản xuất. Đã xây dựng được một số mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, HTX và nông dân đạt hiệu quả kinh tế cao gắn với đổi mới tổ chức sản xuất theo chuỗi từ khâu sản xuất đến khâu bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm qua đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế

cũng như nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị trên một đơn vị diện tích.

a) Sản xuất trồng trọt: Tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, cơ cấu cây trồng đã được chuyển biến rõ nét theo hướng giảm diện tích gieo cấy lúa hiệu quả thấp, tăng diện tích cây rau màu và cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn. Mở rộng các mô hình sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt để nâng cao chất lượng sản phẩm. Một số kết quả cụ thể:

- Cây lúa: Mặc dù diện tích gieo cấy giảm mạnh (diện tích gieo trồng 2 vụ lúa năm 2020 là 112.498 ha, giảm 5.077 ha so với năm 2015), nhưng do áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp vào sản xuất vì vậy đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng lúa gạo của tỉnh. Sản lượng thóc 681.545 tấn, đảm bảo cung cấp cho nhu cầu lương thực trong tỉnh và một phần cung cấp ra thị trường tỉnh ngoài. Diện tích lúa đặc sản nếp cái hoa vàng 2280 ha, đã xây dựng nhãn hiệu tập thể; diện tích nếp xoắn, nếp quýt chất lượng cao 1.800 ha, cụ thể:

+ Huyện Ninh Giang: Có 90 vùng quy mô từ 30 ha trở lên với tổng diện tích trên 3.200 ha, các loại giống lúa được quy vùng sản xuất: P6, bắc thơm số 7, Thiên ưu 8, BC 15, nếp DT 22;

+ Huyện Kim Thành: có khoảng 109 vùng quy hoạch vùng sản xuất lúa lai tập trung với diện tích 1.300 ha,quy mô trung bình 5 - 10 ha/vùng; vùng sản xuất lúa hàng hóa (*lúa nếp*) với diện tích trên 2.000 ha, quy mô 10 ha/vùng trở lên;

+ Huyện Tứ Kỳ: Có 160 vùng trồng lúa (mỗi vùng từ 10 ha trở lên) với diện tích 1.906 ha; 20 vùng sản xuất lúa tập trung gắn với bao tiêu sản phẩm (quy mô từ 30ha/vùng trở lên) với diện tích 613 ha;

+ Huyện Gia lộc: Có khoảng 60 vùng lúa với diện tích 1.300 ha, quy mô vùng từ 10 ha trở lên. Trong đó có trên 500 ha lúa được gieo cấy có hợp đồng bao tiêu sản phẩm.....

+ Huyện Nam Sách: Có khoảng 800 ha lúa được nông dân ký hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các công ty, Doanh nghiệp, hợp tác xã; 500 ha được nông dân ký hợp đồng với thương lái trước khi sản xuất.

+ Huyện Thanh hà; có 29 vùng sản xuất lúa tập trung theo phương châm "một vùng, một giống, một thời gian" (quy mô từ 5 ha/vùng đối với lúa lai, 10 ha/vùng đối với lúa thuần chất lượng), với tổng diện tích gần 500 ha tại các xã trọng điểm lúa của huyện như: Hồng Lạc, Thanh Hải, Tân An, Tân Việt, Việt Hồng….Trong đó, có 110 ha lúa gieo cấy có hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp chiếm 10%.

+ TX Kinh Môn; Mô hình sản xuất lúa hàng hóa tập trung: hàng năm, đã tổ chức được 11 mô hình cánh đồng mẫu vừa và lớn với quy mô từ 30 ha trở lên với diện tích 500 ha. Gồm các giống lúa chất lượng cao: BC 15, ĐD2, Bắc thơm số 7, nếp cái hoa vàng; Hiệp hội sản xuất và thương mại "Nếp cái hoa vàng" Kinh Môn có 376 hộ nông dân tham gia, liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến bao tiêu sản phẩm với diện tích trên 350 ha.

+ Huyện Ninh Giang: Quy vùng sản xuất tập trung được 90 vùng quy mô từ 30 ha trở lên với tổng diện tích trên 3.200 ha. Các loại giống lúa được quy vùng sản xuất: P6, bắc thơm số 7, Thiên ưu 8, BC 15, nếp DT 22.

+ Huyện Thanh Miện: Trên địa bàn huyện, hàng năm đã hình thành được từ 25 đến 30 vùng sản xuất lúa tập trung theo phương châm: Một vùng, một giống, một thời gian, diện tích tối thiểu mỗi vùng 30 ha/vùng và đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm ngay từ đầu vụ cho bà con nông dân, hiệu quả của vùng này thường cao hơn sản xuất đại trà từ 15% đến 20%.....

- Cây rau màu các loại: Diện tích rau, màu các loại năm 2020 đạt 41.171 ha (tăng 821ha so với năm 2015). Các vùng sản xuất tập trung cây rau màu truyền thống, có thị trường tiêu thụ ổn định, giá trị kinh tế cao tiếp tục được duy trì và mở rộng; giá trị sản xuất tại những vùng sản xuất tập trung đạt khoảng 250 triệu đồng/ha, có những vùng đạt trên 500 triệu đồng/ha, cụ thể như:

+ Huyện Cẩm Giàng; quy hoạch 01 vùng sản xuất cà rốt an toàn 300 ha (Đức Chính, Cẩm Văn), đến nay đã nhận rộng diện tích được 450 ha; 01 vùng trồng rau sạch - rau hữu cơ 2,7ha (Cẩm Sơn); vùng chuyên canh sản xuất rau màu tập trung với diện tích 500 ha tại 6 xã (Đức Chính, Cao An, Cẩm Văn, Cẩm Vũ, Ngọc Liên, Cẩm Hưng);....

+ Huyện Gia Lộc: Có khoảng 86 vùng sản xuất rau màu tập trung mỗi năm với tổng diện tích trên 1.300 ha, trong đó có 64 vùng chuyên canh với tổng diện tích 800 ha gieo trồng cây rau màu ít nhất 2 vụ/năm và khoảng 22 vùng với diện tích trên 500 ha được trồng trong vụ đông. Hệ số sử dụng đất trong vùng đạt từ 3 - 5 vụ/năm. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt từ 490 - 750 triệu đồng/1 ha đất canh tác, có khoảng 300 ha được nông dân ký hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp và khoảng 500 ha được nông dân ký hợp đồng với thương lái trước khi sản xuất.

+ Huyện Nam Sách; Quy hoạch 03 vùng sản xuất cà rốt an toàn, đến nay đã nhận rộng diện tích được 450 ha. vùng chuyên canh sản xuất rau màu tập trung với diện tích 500 ha; 85 vùng sản xuất rau màu với diện tích 720 ha *(vụ xuân 48 vùng, vụ hè thu 37 vùng)*; những cây có giá trị kinh tế cao chiếm 88,2% diện tích như: cà chua, cà rốt, hành, bí xanh, ớt, dưa, đã hình thành nhiều vùng chuyên cây như: Vùng hành tỏi ở các xã: Nam Hưng, Nam Tân, Hợp Tiến, An Bình, An Lâm, Nam Trung...; vùng dưa hấu ở TháiTân, Thanh Quang, Nam Hưng, vùng rau mùi tàu ở Nam Hồng, An Sơn... vùng cà rốt ở Thái Tân, Hiệp Cát, Minh Tân, Cộng Hòa.. Toàn huyện có 40.000 m2 nhà màng, nhà lưới.

+ Huyện Kim Thành: Vùng trồng Củ đậu tập trung 502 ha tại các xã: Đồng Cẩm, Tam Kỳ, Kim Tân với diện tích 30- 45 ha/vùng; vùng sản xuất chuyên canh rau màu tập trung tại 06 xã khu C: 600 ha tại các xã: Đồng Cẩm, Bình Dân, Tam Kỳ, Kim Tân,...với diện tích 30 - 35 ha/vùng; vùng hành, tỏi: 210 ha tại các xã: Cộng Hòa, Thượng Vũ, Tuấn Việt: với diện tích 10 - 20 ha/vùng; vùng Ngô nếp: 42 ha tại các xã: Cổ Dũng, Tuấn Việt, Thượng Vũ diện tích 2-5 ha/vùng; vùng trồng hoa ở xã Kim Đính với diện tích 16,0 ha tập trung sản xuất vụ đông; vùng trồng mủa tập trung tại xã Thượng Vũ với diện tích 36

ha; vùng sản xuất rau an toàn 25 ha tiếp tục được phát huy có hiệu quả, chủ yếu trồng rau ăn lá và rau gia vị tại xã Tam Kỳ. có khoảng 1.200 ha được nông dân ký hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các công ty, thương lái.

+ Huyện Thanh Hà; Diện tích gieo trồng cây rau màu được duy trì khoảng 2.000 ha/năm, trong đó cây vụ đông khoảng 500 ha. Quy hoạch các vùng sản xuất rau tập trung, các vùng sản xuất rau theo quy trình VietGAP: vùng sản xuất khoai tây vụ đông tại xã Thanh Hải (quy mô 10 ha); vùng sản xuất rau an toàn tại xã Hồng Lạc, Việt Hồng, Liên Mạc. Hàng năm, có khoảng 50 ha rau màu tập trung ở 06 vùng, trong đó có 05 vùng chuyên canh rau màu, gieo trồng cây rau màu ít nhất 2 vụ/năm và 01 vùng được trồng trong vụ đông. Có 05 vùng với diện tích 45 ha được chứng nhận đạt chuẩn VietGAP, bán vào các hệ thống siêu thị lớn như Big C, Vinmax,…

+ Huyện Tứ Kỳ: Diện tích rau mầu vụ đông khoảng 2.000 ha (cây trồng chủ lực khoai tây, su hào, bắp cải, súp lơ, ớt), trong đó, có 65 vùng chuyên mầu với diện tích 695 ha; những cây có giá trị kinh tế cao chiếm trên 70% diện tích như: dưa hấu, dưa lê, dưa chuột, cà chua, bí xanh, ớt,... Điển hình là các xã Hưng Đạo, Đại Đồng, Quang Khải, Hà Thanh và Nguyên Giáp thực hiện được 477 ha.Hệ số sử dụng đất trong vùng đạt từ 3 -5 vụ/năm. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt từ 450 - 700 triệu đồng/1 ha đất canh tác.Việc hình thành nên các vùng chuyên canh đã tạo ra khối lượng nông sản lớn, hình thành nên vùng hàng hóa, thuận tiện cho công tác tiêu thụ nông sản.

+ Huyện Thanh Miện: Huyện đã tích cực chỉ đạo ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật cho sản xuất rau màu như: Ứng dụng hệ thống tưới nước tự động theo công nghệ tiên tiến cho các vùng sản xuất chuyên rau màu với quy mô ứng dụng 250 ha, trong đó xã Phạm Kha 180 ha, xã Lam Sơn 40 ha, Thị trấn Thanh Miện 15 ha, xã Hùng Sơn 15 ha. Xây dựng trên 50.000 m2 nhà màng, nhà lưới tập trung ở các xã như: Phạm Kha, Lam Sơn, Ngô Quyền, Tân Trào, Thanh Giang, Chi Lăng Nam,... và ứng dụng trồng rau thủy canh tại xã Ngô Quyền chủ yếu trồng các loại cây rau màu trái vụ có giá trị kinh tế cao như cây dưa, cây hoa các loại...., các hộ nông dân có nhà màng, nhà lưới đều có liên doanh, ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp, đơn vị thu mua, các siêu thị để cung cấp sản phẩm rau an toàn.

+ TX Kinh Môn: Diện tích trồng cây vụ đông trên 4.500 ha, chủ lực là cây hành, tỏi với diện tích vùng sản xuất tập trung là 3.600 ha, đem lại giá trị hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân, giá trị sản xuất sản phẩm đạt >220 triệu đồng/ha/năm.

+ Huyện Ninh Giang: Diện tích rau màu xuân hè và hè thu đạt 917,87 ha, giá trị sản xuất bình quân đạt 90,7 triệu đồng/ha/vụ, trong đó có hộ gia đình anh Nguyễn Trọng Quyết xã Đồng Tâm, trồng rau màu các loại được cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 5,02 ha.....

+ Huyện Bình Giang: Giữ ổn định được khoảng 300 ha vụ xuân và khoảng 250 ha đến 300 ha và vụ xuân hè: Trong đó có mô hình Bí xanh truyền thống khoảng 50 ha, với năng suất 65 tấn/ha/vụ, sản lượng khoảng 3000 tấn/vụ

là những vùng rau màu có từ lâu, có đầu ra tiêu thụ ổn định, ngoài ra các địa phương cũng đã xây dựng được một số mô hình như cây dưa chuột, dưa lê, cây ngô vụ xuân có hiệu quả kinh tế cao hơn cây lúa. Mô hình sản xuất rau an toàn có diện tích trên 100 ha tại các xã Thái Dương, Cổ Bì, Thái Hòa, Hồng Khê với sản lượng trên 300 tấn (Bắp cải, súp lơ, su hào), và 600 tấn ngô bắp tươi, được Công ty TNHH XNK Hưng Việt bao tiêu để xuất khẩu.

- Cây ăn quả: Trong giai đoạn 2016-2020 diện tích cây ăn quả cơ bản ổn định ở mức 21.300ha. Mở rộng các vùng cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao, gắn sản xuất với thị trường. Đã hình thành và mở rộng một số vùng cây ăn quả đặc sản tập trung cho thu nhập 200-350 triệu đồng/ha/năm, có thị trường tiêu thụ ổn định. Đã hình thành và mở rộng một số vùng cây ăn quả đặc sản như: vùng trồng vải sớm tại 4 xã khu Hà Đông, Thanh Hà (diện tích trên 1.000ha), vùng trồng Ổi tại Liên Mạc, Thanh Xuân, Thanh Lang (diện tích tập trung 1.200ha); vùng trồng na dai tại Hoàng Tiến, Bến Tắm (diện tích tập trung khoảng 1.000ha), vùng trồng bưởi đào Thanh Hồng (diện tích tập trung trên 100ha)… cho thu nhập 200-350 triệu đồng/ha/năm, có thị trường tiêu thụ ổn định.

+ Huyện Thanh Hà: Phát triển trồng cây ăn quả là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của Thanh Hà, đặc biệt là vải, ổi, bưởi, chuối, quất, chanh. Các vùng sản xuất vải của huyện đã được cấp 78 mã số vùng trồng vải xuất khẩu, trong đó: 51 vùng xuất khẩu đi Trung Quốc; 9 vùng xuất khẩu đi Mỹ; 9 vùng xuất khẩu đi Nhật Bản, 9 vùng xuất khẩu đi Thái Lan. Cấp mã số cho 59 cơ sở đóng gói vải phục vụ xuất khẩu; trong đó, 3 cơ sở đóng gói và 4 buồng xử lý Methybromide vải xuất khẩu đi Nhật Bản; 48 cơ sở đóng gói xuất khẩu đi Trung Quốc; 01 cơ sở đóng gói xuất khẩu đi Mỹ, 02 cơ sở đóng gói xuất khẩu đi Úc, Newzealand; 01 cơ sở đóng gói xuất khẩu đi Thái Lan. Phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công thương, UBND huyện đã tập huấn, hướng dẫn người trồng vải chuyển từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang tiếp cận chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp. Các hộ trồng vải Global GAP tiếp cận công nghệ 4.0 trong sản xuất và tiêu thụ vải như: ghi chép nhật ký điện tử, quản lý và giám sát vùng trồng qua camera và nhật ký điện tử của nông dân; cách chào hàng và tiếp cận với khách hàng tiềm năng; cách tiếp cận và bán hàng trên sàn thương mại điện tử, cách đóng gói có bao bì nhãn mác và tem truy xuất nguồn gốc,…. Sản lượng vải quả huyện Thanh Hà được tiêu thụ ở nhiều thị trường khác nhau: 30% tại các chợ đầu mối lớn trong nước; 10% các hệ thống siêu thị (*BigC, Vinmart, Metro, Biggreen, AEON, ...*) và qua các sàn giao dịch thương mại điện tử; 35% xuất khẩu đi Trung Quốc, Lào, Campuchia; 10% làm long vải cấp đông phục vụ xuất khẩu; 10% xuất khẩu đi Nhật Bản, Mỹ, Úc, EU, Singapore, Thái Lan,...; 5% sấy khô, bán làm quà,....

+ Huyện Thanh Miện; Các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung thành vùng với diện tích từ 05 ha trở lên như: Vùng trồng cây cam Vinh, cam lòng vàng tại xã Tiền Phong, vùng trồng cây cam đường canh xã Chi Lăng Nam, Thanh Giang; vùng trồng cây bưởi, cây ổi ở xã Đoàn Tùng. ...

+ Huyện Tứ Kỳ: Tổng diện tích cây ăn quả của huyện Tứ Kỳ 1.402 ha, trong đó ,có 16 vùng sản xuất chuối tập trung, diện tích 400 ha tại các xã Đại Sơn, Chí Minh, Quang Khải, An Thanh, Phượng Kỳ, Quang Trung, Hà Thanh. Diện tích chuối đang cho thu hoạch 490 ha, sản lượng 13.600 tấn/năm, tiềm năng lớn cho xuất khẩu và tạo thương hiệu sản phẩm. ....

+ Huyện Ninh Giang: Tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn huyện năm 2020 là 960 ha. Diện tích ổi sản xuất theo quy trình Viet GAP là 95 ha tại các xã Vĩnh Hòa, Hồng Dụ, Hiệp Lực trong đó có 40 ha trồng ổi tại xã Hiệp Lực và được cấp giấy chứng nhận theo quy trình VietGAP. Các sản phẩm sản xuất theo quy trình GAP đã phát huy hiệu quả vượt cả về năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế. Trên địa bàn huyện 150 ha diện tích trồng vải sớm thuộc các xã Đồng Tâm, Vĩnh Hoà, Hồng Dụ, Hồng Phong, Kiến Quốc, trong đó có 02 vùng trồng vải sớm được Cục Bảo vệ thực vật Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp mã số vùng trồng phục vụ cho việc xuất khẩu ở 2 xã Đồng Tâm, Vĩnh Hoà với tổng diện tích 78 ha, trong đó xã Đồng Tâm: 35 ha tại thông Tranh Xuyên, mã số vùng trồng: VN-HDOR-0062; Xã Vĩnh Hòa diện tichs ha, tại khu vực đê sông Rùa, mã số vùng trồng HDOR-0063).

- Sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đã được quan tâm đầu tư:

+ Hệ thống nhà màng, nhà lưới kết hợp hệ thống giám sát, tưới nước và bón phân tự động ngày càng được nhân rộng: Hiện, toàn tỉnh có khoảng 28 ha nhà màng, nhà lưới, mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, giá trị sản xuất đạt khoảng 1-3 tỷ đồng/ha/năm, lợi nhuận trung bình đạt 550 triệu đồng/ha/năm.

+ Diện tích có hệ thống tưới nước tiên tiến, tiết kiệm: Toàn tỉnh có khoảng 540 ha rau màu chuyên canh ứng dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, nâng cao hiệu quả kinh tế 10-30%.

+ Diện tích ứng dụng giống lúa, rau màu năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh tốt (sử dụng công nghệ sinh học phân tử trong lai tạo...), sử dụng phân bón nano, chế phẩm vi sinh vật đối kháng... khoảng 5.000ha.

+ Toàn tỉnh hiện có trên 15.500 ha rau sản xuất theo quy trình GAP, trên 5.000 ha rau được sản xuất theo tiêu chuẩn xuất khẩu; có 1.500 ha rau, trái cây được cấp chứng nhận theo quy trình VietGAP. Nhiều sản phẩm như: vải, cà rốt, cải bắp... có chất lượng cao, đủ điều kiện để xuất khẩu sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Asean...

+ Sản xuất theo hướng hữu cơ toàn tỉnh khoảng 421,7ha. Chủ yếu là vùng sản xuất lúa hữu cơ trên diện tích khai thác sản phẩm rươi, cáy tự nhiên với diện tích 403,7ha.

b) Chăn nuôi*:* Có bước phát triển khá toàn diện, chuyển dịch theo hướng tập trung, đã có nhiều cơ sở chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, trang trại qui mô lớn. Hiện toàn tỉnh có 15 khu chăn nuôi hàng hóa xa khu dân cư với quy mô từ 3 ha trở lên; Tỷ trọng chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, trang trại đối với chăn nuôi gia cầm chiếm khoảng 67%, (cao hơn 17% so với mục tiêu 2020),

chăn nuôi lợn chiếm khoảng 55% góp phần nâng sản lượng thịt và hiệu quả trong chăn nuôi. Năm 2020, tổng đàn lợn đạt 370.000 con (giảm 40% so với năm 2017, do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu phi), tổng đàn gia cầm đạt 15 triệu con (tăng 35,7%); Sản lượng thịt hơi các loại 115.000 tấn, sản lượng trứng gia cầm đạt 520 triệu quả. Có 122 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAP và chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

- Huyện Bình Giang: Đã xây dựng trên 2.000 hầm biogas. Mô hình chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học cũng được ứng dụng mạnh mẽ, đến nay đã xây dựng được trên 20 mô hình tại 11 xã, được các hộ chăn nuôi khác đã học tập và ứng dụng để giảm thiểu bệnh dịch cho vật nuôi từ đó nâng cao năng suất và chất lượng vật nuôi. Xây dựng 02 khu chăn nuôi tập trung quy mô lớn với diện tích 15 ha tại các xã Bình Xuyên, Cổ Bì với quy mô 1000 nái ngoại và 2000-5000 lợn thịt/lứa.

- Huyện Cẩm Giàng; Toàn huyện đã xây dựng được trên 1500 hầm Biogas. Xây dựng 01 khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư 17 ha tại xã Tân Trường; 01 mô hình nuôi trồng thủy sản thâm canh năng suất cao và tạo cảnh quan môi trường sinh thái, diện tích 5 ha tại xã Định Sơn.

- Huyện Gia Lộc: Nhiều trang trại được đầu tư xây mới, đầu tư đồng bộ và hiện đại ở các xã Đoàn Thượng, Nhật Tân... sản xuất con giống tại các xã Yết Kiêu và Toàn Thắng. Có nhiều hộ nông dân đầu tư máy móc hàng tỷ đồng, mỗi năm sản xuất trên 28 triệu con giống phục vụ nhu cầu chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

- Huyện Ninh Giang: Nhiều trang trại chăn nuôi theo quy trình VietGAP, chăn nuôi theo quy trình đảm bảo an toàn dịch bệnh được hình thành (đến nay toàn huyện có 7 trang trại chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận chăn nuôi theo quy trình VietGAP; Tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2020 là: 957.221 con. Tại thời điểm tháng 12 năm 2020, toàn huyện có 220 hộ chăn nuôi với quy mô vừa và lớn (trong đó chăn nuôi lợn: 150 hộ chăn nuôi; chăn nuôi gia cầm, thủy cầm: 62 hộ chăn nuôi, chăn nuôi trâu, bò quy mô 30 con trở lên: 08 hộ chăn nuôi).

- Huyện Tứ Kỳ: Đã có bước chuyển biến tích cực, xóa bỏ dần hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tại các khu chuyển đổi tập trung, chăn nuôi kết hợp nuôi thủy sản xa khu dân cư với nhiều cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chí trang trại, đảm bảo an toàn dịch bệnh (hiện có 149 trang trại). Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt bình quân từ 9,5 nghìn – 10 nghìn tấn/năm. Tổng giá trị chăn nuôi đạt trên 500 tỷ đồng/năm. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện, toàn huyện có 13 cơ sở chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận VietGap tại các xã Quang Phục, Dân Chủ, Chí Minh, Văn Tố, Cộng Lạc, Tiên Động, Đại Hợp, Tân Kỳ, Hưng Đạo (03 cơ sở chăn nuôi gia cầm và 10 cơ sở chăn nuôi lợn)

- Huyện Kim thành: Đã phát triển được 97cơ sở chăn nuôi trang, trong đó: 04 trang trại quy mô lớn; 31 trang trại quy mô vừa; 62 trang trại quy mô nhỏ. Phần lớn các trang trại được xây mới, có quy mô chăn nuôi số lượng lớn là xây dựng hệ thống chuồng khép kín, có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh

môi trường, đồng thời cũng ngăn chặn và hạn chế đến mức thấp nhất sự lây lan và phát tán dịch bệnh.

- Huyện Thanh Miện: Đàn trâu và đàn bò duy trì từ 2.700 - 3.000 con/năm, đàn lợn từ 35.000-45.000 con/năm, đàn gia cầm có từ 750.000 - 850.000 con/năm. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trung bình hằng năm đạt từ 8.500 - 9.500 tấn/năm.

- Huyện Thanh Hà: Đàn lợn duy trì bình quân trên 51.000 con/năm, đàn gia cầm 750.000 con/năm; sản lượng thịt hơi xuất chuồng trung bình hàng năm đạt trên 12.000 tấn/năm. Đã xây dựng 71 vùng chăn nuôi kết hợp nuôi thả thủy sản tập trung tại 19 xã trong huyện với tổng diện tích 238 ha.

c) Lĩnh vực thủy sản*:* Tổng sản lượng cá bột, cá hương, cá giống các loại sản xuất và tiêu thụ hằng năm đạt khoảng 1,5 tỷ con, trong đó có các giống mới có năng suất, chất lượng cao cũng được đưa vào sản xuất như: cá rô phi đơn tính, cá diêu hồng, cá nheo Mỹ… đáp ứng nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất. Giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 5,5%, diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 11.870 ha, tăng hơn 600ha so với mục tiêu đến 2020; Sản lượng thủy sản đạt 87.880 tấn, tăng 18.340 tấn so với năm 2015. Có khoảng 90% diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức thâm canh và bán thâm canh, đối với những diện tích nuôi thâm canh cho năng suất tăng 3 lần so với hình thức nuôi truyền thống. Hình thành 214 vùng nuôi thuỷ sản tập trung (từ 05 ha trở lên) với tổng diện tích 5.000 ha. Toàn tỉnh có 6.988 lồng cá, sản lượng 17.000 tấn/năm. Sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ được chú trọng phát triển cho kết quả tích cực: Diện tích nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao 2.000ha (chiếm khoảng 20% tổng diện tích). Vùng khai thác rươi cáy với quy mô trên 400ha (tập trung tại các vùng rươi cáy Tứ Kỳ 238,2ha, Thanh Hà 109,96 ha, Kinh Môn 39,36 ha, Kim Thành 16,2 ha). Các vùng này ở ven sông lớn, cảnh đẹp nên có tiềm năng để phát triển thành các khu du lịch sinh thái nông nghiệp xanh cho giá trị kinh tế cao, tạo thương hiệu khác biệt riêng cho tỉnh.

- Huyện Gia Lộc: Mô hình nuôi cá áp dụng công nghệ Israel " Sông trong ao" tại xã Hồng Hưng đã mở ra cho ngành thủy sản một hướng đi mới, khắc phục được tình trạng hạ tầng kỹ thuật xuống cấp và ô nhiễm nguồn nước trong giai đoạn hiện nay.

- Huyện Thanh Hà: Hình thành 03 vùng nuôi trồng thủy sản và khai thác rươi, cáy tập trung với diện tích 145 ha tại xã Thanh Xuân, Vĩnh Lập, Thanh Sơn; trong đó vùng nuôi thả bảo tồn và khai thác rươi, cáy tại Vĩnh Lập diện tích 46,6 ha sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ kết hợp lúa-rươi đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, giá trị kinh tế cao gấp 5 - 6 lần gieo cấy lúa.

- Huyện Tứ Kỳ: Diện tích đạt 1.779 ha (diện tích sản xuất thành vùng tập trung là 1.248 ha), tổng giá trị đạt được 446 tỷ đồng/năm, trong đó, có 26 vùng có diện tích 20 ha trở lên và 01 vùng liên xã Tái Sơn - Quang Phục - Tân Kỳ diện tích 296 ha. Trên địa bàn huyện có 8 vùng nuôi trồng thủy sản được UBND

tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã Tiên Động, Tân Kỳ, Hà Kỳ, Quảng Nghiệp, Quang Phục, Hưng Đạo, Dân Chủ. Nhiều con giống mới được đưa vảo sản xuất nhằm tăng năng suất, đảm bảo chất lượng và phù hợp với yêu cầu của thị trường; 100% diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung sử dụng máy sục khí, máy quạt nước tạo oxi; một số vùng đã sử dụng máy cho ăn tự động, quan trắc môi trường nước, camera giám sát. Sản lượng thủy sản toàn huyện bình quân đạt 13.000-15.000 tấn/năm.Tận dụng ưu thế về mặt nước, huyện đã phát triển hình thức nuôi cá lồng trên sông Thái Bình và sông Luộc, đến nay đạt 931 lồng tại các xã Đại Sơn, Bình Lãng, Nguyên Giáp, Hà Thanh, Hà Kỳ, tổng sản lượng bình quân đạt 3.000–3.500 tấn/năm đem lại giá trị kinh tế cao cho người sản xuất.

- Huyện Ninh Giang: Năm 2020, diện tích nuôi thuỷ sản đạt: 1.493,7ha (tăng 487,36 ha so với năm 2011), năng suất thuỷ sản đạt 6,5 tấn/ha. Sản lượng thủy sản đạt 9.500 tấn, tăng 76,36 % so với năm 2011. Tổng số hộ NTTS năm 2020 trên địa bàn huyện là 4.500 hộ, hàng năm thu nhập từ nuôi trồng thủy sản đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân nông thôn. Hình thức nuôi cá lồng trên sông tiếp tục được mở rộng trên địa bàn huyện, hiện nay trên sông Luộc, thuộc trên địa bàn huyện có 2 địa điểm nuôi cá Lồng trên sông thuộc địa bàn xã Hồng Phong và khu vực Thị trấn Ninh Giang với gần 150 lồng nuôi thuộc 18 hộ nông dân. Đối tượng cá nuôi lồng trên sông là cá chép giòn, trắm giòn, cá Diêu Hồng, cá Lăng. Cùng với nuôi cá Lồng trên sông, mô hình nuôi cá Sông trong ao được áp dụng và mang lại hiệu quả kinh tế cao với doanh thu trên 700 triệu đồng/máng/năm, điển hình là hộ ông Đào Văn Viển, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, với diện tích 28.86 ha, quy mô nuôi: 54 máng nuôi, năng suất mỗi máng thu được từ 10-20 tấn. Đây là mô hình nuôi thủy sản mới, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các khâu sản xuất từ lựa chọn con giống đến khâu quản lý, chăm sóc và thu hoạch theo quy trình khép kín nguồn nước ao nuôi giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng năng suất và sản lượng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích ao nuôi.

- Huyện Nam sách: Đến nay toàn huyện có khoảng 2.517 lồng cá nuôi tại các xã Nam Hưng, Thái Tân, Hiệp Cát, Minh Tân, An Sơn, Cộng Hòa, An Bình, Thanh Quang cho thu nhập cao, ước đạt 1 lồng cá nuôi bằng 1 ha mặt nước nuôi truyền thống trong ao.

- Huyện Kim Thành: Đến nay toàn huyện tổng số hộ nuôi thủy sản 1.045 hộ; số hộ nuôi lồng bè 11 hộ, tổng số lồng nuôi 198, tổng thể tích nuôi lồng bè 29.862 m3 tại các xã Thượng Vũ, Phúc Thành, Đại Đức, Lai Vu cho thu nhập cao, ước đạt 1 lồng cá nuôi bằng 1 ha mặt nước nuôi truyền thống trong ao; sản lượng cá hàng năm thu được khoảng 9 tấn/năm. Đặc biệt trên địa bàn huyện còn quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thuộc khu vực Đầm Lái, Đầm Tôm trên địa bàn 2 xã Tam Kỳ và Đại Đức với tổng diện tích 125,5 ha *(xã Tam Kỳ: 25,0 ha; xã Đại Đức: 100,5ha)*.

- Huyện Thanh Miện; Mô hình nuôi trồng thuỷ sản tập trung: Hình thành được 10 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các xã: Đoàn Kết 91,97 ha (02

vùng), Ngũ Hùng 68 ha (02 vùng); Hùng Sơn 10 ha, Phạm Kha 25 ha, Lam Sơn 9,1 ha, Thanh Giang 7 ha, Chi Lăng Bắc 5 ha, Lê Hồng 20ha. Trong đó, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Đoàn Kết đã và đang phát huy hiệu quả tốt, hiệu quả kinh tế cao gấp 4-5 lần so với cấy lúa, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân trong vùng...

* Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, UBND tỉnh đã ban hành Đề án *"Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030"*, với các mục tiêu thể như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản bình quân 3%/năm; Giá trị sản xuất/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 210 triệu đồng; Năm 2025 sản lượng một số sản phẩm chính: 650.000 tấn thóc, 950.000 tấn rau, sản lượng thịt hơi các loại 158.000 tấn, tổng sản lượng thuỷ sản 105.000 tấn; Xây dựng 15 - 20 cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp thông minh gắn với chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao; Diện tích tưới nước tiên tiến, tiết kiệm 1.500 ha (khoảng 5%) diện tích rau màu chuyên canh và cây ăn quả; Xây dựng và phát triển 200 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; 25 - 30 thương hiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh; 01 – 03 sản phẩm thương hiệu cấp quốc gia; Phấn đấu thu hút khoảng 50 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Định hướng đến năm 2030: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản bình quân 2,5%/năm; Giá trị sản xuất/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2030 đạt 270 triệu đồng; Năm 2030 sản lượng một số sản phẩm chính: 560.000 tấn thóc, 1.000.000 tấn rau, sản lượng thịt hơi các loại 188.000 tấn, tổng sản lượng thuỷ sản 130.000 tấn; Diện tích tưới nước tiên tiến, tiết kiệm 3.000 ha (khoảng 10%) diện tích rau màu chuyên canh và cây ăn quả; Diện tích sản xuất an toàn 100%, được chứng nhận (GAP) 20.000 ha. Diện tích chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ 5.000ha, diện tích được chứng nhận hữu cơ 500ha.

2.6.2. Về phát triển công nghiệp, xây dựng:

Đây là ngành kinh tế quan trọng của các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp (giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 15,4%/năm Quy mô ngành công nghiệp năm 2020 gấp 2,0 lần năm 2015; cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo. Một số sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực sản xuất ổn định và tăng khá cao. Bước đầu hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ. Đến nay, toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp được đầu tư hạ tầng đồng bộ (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 81,6%); có 38 cụm công nghiệp được thành lập (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 68,6%), trong đó, 8 cụm công nghiệp có nhà đầu tư hạ tầng. Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục có bước phát triển về chiều sâu, sản phẩm khá đa dạng. Hoạt động khuyến công được đổi mới, nâng cao về hiệu quả.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng 12,2%/năm. Tiếp tục mở rộng quy mô và phát huy công suất các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng lớn;

2.6.3. Về phát triển dịch vụ du lịch

Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 6,0%/năm (giai đoạn 2011 - 2015: 7%/năm). Hoạt động xuất khẩu hàng hóa tăng khá, tổng giá trị đạt trên 31,6 tỷ USD, tăng bình quân 11,9%/năm. Thị trường hàng hóa và dịch vụ được kiểm soát; nhiều loại hình dịch vụ được khuyến khích thu hút đầu tư và phát triển đa dạng, một số loại hình dịch vụ chất lượng cao và tiện ích được hình thành; chất lượng nhân lực, dịch vụ… được cải thiện khá rõ. Ngành ngân hàng thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng vốn tín dụng và dịch vụ, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội, thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống.

Du lịch phát triển khởi sắc, kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch ngày càng được hoàn thiện, phát triển đồng bộ và hiện đại. Một số sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh được hình thành rõ nét; một số tuyến du lịch liên tỉnh tiêu biểu đã được xây dựng và khai thác; số lượng khách du lịch tăng bình quân 8,4%/năm, doanh thu tăng bình quân 10,2%/năm.

2.6.4. Các thành phần kinh tế khác

Các thành phần kinh tế được quan tâm, tạo môi trường bình đẳng để phát triển, trong đó: kinh tế ngoài nhà nước có bước phát triển mạnh mẽ, tăng bình quân 7,4%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 1,9%/năm); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 12,0%/năm, tiếp tục đi đầu trong sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tổng vốn đầu tư FDI vào tỉnh trong nhiệm kỳ khoảng 4,3 tỷ USD (đứng thứ 4 trong Vùng Đồng bằng sông Hồng và thứ 11 trong toàn quốc).

Quan tâm khuyến khích thành lập mới doanh nghiệp và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa (tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, xúc tiến thương mại, dịch vụ lao động, pháp lý, bảo hộ sở hữu công nghiệp). Khu vực doanh nghiệp dân doanh có bước phát triển khá cả về số lượng, quy mô vốn sản xuất, trong nhiệm kỳ có 7.660 doanh nghiệp thành lập mới, tăng bình quân 10,2%/năm, vốn đăng ký tăng 21,8%/năm; hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, trình độ, kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp của đội ngũ doanh nhân được nâng lên.

Từ việc xây dựng, phát triển nhữngmô hình sản xuất hiệu quả cũng như phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ của các huyện, thị xã, thành phố trong những năm qua đã góp phần tạo việc làm ổn định, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cựccũng như tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững của các huyện nói riêng của tỉnh nói chung. Đến nay, 100% số huyện (*09/09 huyện*) đạt chuẩn tiêu chí tổ chức sản xuất.

2.7. Về Môi trường

Trong những năm qua các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nguồn nước, không khí, đất đai được tăng cường; chú trọng công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư. Công tác thanh tra, xử lý các vi phạm về môi trường được tiến hành thường xuyên và xử lý kiên quyết. Một số "điểm nóng" về môi trường, nhất là việc gây ô nhiễm do hoạt động của lò gạch thủ công đã được xử lý triệt để. Công tác quản lý môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh được tăng cường; thực hiện tốt Đề án lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh. Phong trào vệ sinh môi trường từ thôn, khu dân cư được đẩy mạnh, huy động được sự đóng góp tích cực của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư; nhiều mô hình tự quản bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả, kết quả cụ thể như sau:

2.7.1. Thành phố Hải Dương

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện Đề án "Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020" của UBND tỉnh Hải Dương, từ năm 2019, Sở Tài nguyên đã tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ 40 xã thuộc 05 huyện và các xã thuộc TP Hải Dương đưa rác về Nhà máy để xử lý bằng phương pháp đốt tập trung. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của thành phố phát sinh hiện khoảng 232 tấn/ngày đêm (*trong đó lượng chất thải rắn sinh hoạt tại các xã của thành phố Hải Dương trung bình khoảng 32 tấn/ngày đêm*). Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của thành phố hiện đang được Công ty cổ phần môi trường đô thị Hải Dương thu gom và được xử lý bằng phương pháp đốt triệt để tại nhà máy xử lý. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố hiện tại đạt khoảng 95%.

- Chất thải rắn công nghiệp: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố đều ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Một số chất thải có thể tái chế các cơ sở thực hiện tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu phát sinh ra môi trường. Trong năm 2020, theo thống kê từ báo cáo chất thải của 141 doanh nghiệp có nguồn phát sinh chất thải lớn trên địa bàn, khối lượng phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường là 33,281,83 tấn/năm. Đối với chất thải rắn xây dựng được cơ sở tận dụng để san lấp mặt bằng, các loại chất thải khác được thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định. Đối với chất thải nguy hại phát sinh: Theo số liệu thống kê tổng lượng phát sinh toàn thành phố trong năm 2020 khoảng 10.510,488 tấn/năm, chủ yếu phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, một lượng rất nhỏ phát sinh tại các hộ gia đình. Các cơ sở đã thu gom, phân loại đưa vào khu vực lưu giữ tạm thời, dán mã và ký hợp đồng chuyển giao xử lý với các đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

- Đối với chất thải rắn y tế: Trên địa bàn có 40 cơ sở y tế khám chữa bệnh đang hoạt động (*15 cơ sở y tế và 25 trạm y tế phường, xã*) trong đó có 15 cơ sở đã có thủ tục bảo vệ môi trường được phê duyệt theo quy định, 25 cơ sở không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. Năm 2020, tổng chất thải rắn y tế y tế nguy hại phát sinh 28,425 tấn/năm; chất thải y tế thông thường là 21,266 tấn/năm. Các cơ sở y tế đã thu gom, phân loại và xử lý theo qui định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn nông nghiệp:Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được nhân dân thu gom vào các bao chứa đầu bờ ruộng. Định kỳ tổ thu gom rác sẽ thu gom cùng với rác thải sinh hoạt để huyển về nhà máy xử lý tập trung.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về BVMT:

- Cơ sở sản xuất công nghiệp: Trên địa bàn thành phố có 806 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, trong đó 806/806 cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục môi trường *(trong đó: Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM 02 cơ sở, Bộ KHCNMT phê duyệt Báo cáo ĐTM 01 cơ sở; UBND tỉnh, Sở TN&MT phê duyệt báo cáo ĐTM, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết: 211 cơ sở; UBND thành phố xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, kế hoạch BVMT 592).*

- Đối với Cụm công nghiệp (CCN): Trên địa bàn thành phố có 09 CCN, trong đó số CCN đã đi vào hoạt động 06; có 03 CCN (*CCN Tây Việt Hòa, CCN Tiền Tiến Telin, CCN Đại Sơn-Ngọc Sơn*) dự kiến quy hoạch trong thời gian tới. Hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN: hiện nay đối với 06 CCN đang hoạt động đều chưa có chủ đầu tư hạ tầng, việc xây dựng tách riêng hệ thống thu gom nước thải và tiêu thoát nước mưa, các cụm công nghiệp đều chưa được đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung tuy nhiên nước thải được xử lý cục bộ tại các cơ sở sản xuất trước khi xả ra môi trường.

- Đối với Khu công nghiệp (KCN): Thành phố Hải Dương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục Quy hoạch phát triển gồm 03 KCN là Đại An, KCN kỹ thuật cao An Phát và KCN Nam Sách với tổng diện tích quy hoạch 244,78 ha (*trong đó KCN Đại An 135,96ha; KCN kỹ thuật cao An Phát 46,4ha và KCN Nam Sách 62,42ha*). Hiện nay, các KCN đều đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng, có trạm xử lý nước thải tập trung và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, tỷ lệ lấp đầy bình quân các KCN đạt khoảng 85% trên diện tích đất công nghiệp được bàn giao. Các KCN đã đi vào hoạt động đều có hạ tầng tốt, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo về môi trường; đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung; lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Chăn nuôi: Thành phố hiện có 534 hộ chăn nuôi, hầu hết quy mô gia trại và hộ chăn nuôi quy mô nhỏ không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. Các hộ chăn nuôi hoạt động theo mô hình VAC, xây dựng bể bioga dung tích 10m3/bể theo chương trình Q Seap tài trợ (đạt 100%). Cơ bản chuồng trại đều nằm cách biệt với nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m, không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Làng nghề: Thành phố có 03 làng nghề: Làng nghề Mộc Đức Minh (phường Thanh Bình); làng nghề Mộc Nguyễn Xá (phường Thạch Khôi); làng nghề Bánh đa Lộ Cương (phường Tứ Minh). Đối với 02 làng nghề mộc phát sinh chất thải ít, chủ yếu là đầu mẩu tre, mây,gỗ phôi tre, gỗ, mùn cưa, dây dứa, vecni, dung môi,.... Lượng chất thải phát sinhkhoảng 1,2 tấn/ngày, đa số chất thải này được tận dụng làm chất đốt, tro một số ít sử dụng mùn cưa để trồng cây. Rác thải sinh hoạt được tổ vệ sinh môi trường, công ty môi trường thu gom, vận chuyển ra khu tập kết để xử lý bằng lò đốt. 100% nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thoát ra cống, rãnh thải ra ao, mương, ruộng, môi trường xung quanh. Đối với làng nghề bánh đa Lộ Cương, phát sinh chủ yếu là nước thải khói bụi từ việc phát triển của 11 cơ sở sản xuất sử dụng việc sấy liên hoàn bằng hệ thống lò hơi. UBND thành phố đang Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, lấy mẫu để đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường đề xuất UBND tỉnh lộ trình di dời.

- Chế biến thực phẩm: Công tác quản lý nhà nước về ATTP đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. UBND thành phố thường xuyên quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện cácvăn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên về ATTP; công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về ATTP được thực hiện thường xuyên; Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP các cấp hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về ATTP được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm, trong Tháng hành động và dịp Tết Nguyên đán. Trên địa bàn thành phố có 155 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đang hoạt động được Chi Cục vệ sinh an toàn thực phẩm trực thuộc Sở Y tế cấp và hàng năm thực ký cam kết giữ gìn an toàn thực phẩm với UBND xã, phường và thực hiện tốt các giải pháp về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

2.7.2. Thành phố Chí Linh

a) Về hệ thống thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Chí Linh hiện khoảng 139 tấn/ngày (*trong đó khu vực đô thị 122 tấn/ngày và khu vực nông thôn của thành phố khoảng 17 tấn/ngày*). Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 90% ở khu vực phường Sao Đỏ, Phả Lại, Cộng Hòa; khoảng 70 % ở khu vực xã, phường khác. Ngoài ra còn lượng rác không được thu gom được lưu trữ, xử lý tại hộ gia đình bằng hình thức chôn lấp, đốt. Rác sinh hoạt của các xã, phường trên địa bàn thành phố được Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Chí Linh tiến hành thu gom và vận chuyển đưa về bãi rác tại cánh đồng Vọng, phường Cộng Hòa để xử lý bằng hình thức chôn lấp. Đối với

các xã còn lại rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo mô hình hố rác gia đình như xã Bắc An và xã Hoàng Hoa Thám.

- Chất thải y tế: Lượng rác thải y tế phát sinh khoảng 90 kg/ngày, trong đó khoảng 10% số này là rác thải y tế nguy hại. Trên địa bàn thành phố hiện có 02 cơ sở y tế công lập có lò đốt rác thải y tế, tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý theo công nghệ đốt ước đạt khoảng 80% (ở các bệnh viện). Xử lý nước thải y tế: Bệnh viên đa khoa thành phố, bệnh viện phong được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế theo công nghệ sử dụng đệm vi sinh lưu động và vật liệu lọc, tỷ lệ nước thải y tế được xử lý theo công nghệ này đạt khoảng 70%; lượng nước thải y tế còn lại chỉ được khử trùng sơ bộ trước khi thải ra môi trường.

- Chất thải rắn công nghiệp: Đối với chất thải không nguy hại: phần lớn được các cơ sở sản xuất, kinh doanh ký hợp đồng với những cơ sở sản xuất để thu mua về tái chế, tái sử dụng hoặc dùng làm nguyên liệu sản xuất. Một phần ký kết với các đơn vị chuyên về xử lý môi trường đem đi xử lý, còn một phần nhỏ vẫn chưa được xử lý theo quy định. Đối với chất thải nguy hại (CTNH): Phần lớn được các cơ sở sản xuất, kinh doanh (đối với một số cơ sở, doanh nghiệp quy mô lớn) ký kết với các đơn vị chuyên về xử lý môi trường vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định và thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh và quản lý CTNH; tuy nhiên, bên cạnh đó có một số cơ sở nhỏ thực hiện chuyển giao CTNH chưa đúng quy định như ký hợp đồng với đơn vị không có chức năng.

- Chất thải rắn nông nghiệp:UBND thành phố đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ xây dựng và vận hành hệ thống bể chứa rác thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về BVMT

- Trên địa bàn các xã có 1.098 cơ sở sản xuất kinh doanh, 100% có cam kết bảo vệ môi trường.

- Hiện nay, trên địa bàn thành phố Chí Linh có 01 khu công nghiệp Cộng Hòa và 06 cụm công nghiệp được chính phủ phê duyệt với tổng diện tích là 576,1 ha. Trong đó khu công nghiệp Cộng Hoà là 357,03 ha, các cụm công nghiệp: cụm công nghiệp Văn An 1, diện tích 13,68 ha, cụm công nghiệp Văn An 2 diện tích 14,69 ha, cụm công nghiệp Tân Dân diện tích 25,44 ha, cụm công nghiệp Đồng Lạc diện tích 107,76 ha, cụm công nghiệp phường Cộng Hòa diện tích 22,54 ha và cụm công nghiệp Chí Minh diện tích 35,66 ha. Phần lớn các doanh nghiệp, sản xuất trong cụm công nghiệp đã có công trình bảo vệ môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường).

- Đối với các trang trại: Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 128 trang trại chăn nuôi, các trang trại trên địa bàn đa số đã áp dụng các biện pháp xử lý chất thải bằng hầm biogas, đệm sinh học, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh.

- Đối với các làng nghề: Trên địa bàn thành phố có 03 làng nghề (phường Văn An có 02 làng nghề sản xuất gạch không nung, phường Chí Minh có 01 làng nghề chổi chít). Hiện tại các làng nghề, số lượng các hộ tham gia sản xuất trong làng nghề ít.

2.7.3. Thị xã Kinh Môn

a) Về hệ thống thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị xã Kinh Môn hiện khoảng 131 tấn/ngày (*trong đó khu vực đô thị 95 tấn/ngày và khu vực nông thôn của thành phố khoảng 36 tấn/ngày*). Trên địa bàn thị xã có 04 đơn vị chuyên về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt (*Công ty điện nước Duy Tân, HTX đô thị môi trường Kinh Môn, HTX nước sạch VSMT Phú Thứ, HTX VSMT Minh Tân*) tập trung thu gom rác tại các phường: Duy Tân, An Lưu, Phú Thứ, Minh Tân và 98 tổ thu gom rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn tại 21 các xã, phường còn lại. Tần suất thu gom rác tại các xã, phường trung bình 1-3 lần/tuần. Hiện nay, toàn huyện có là 75 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (*trong đó: 12 bãi chôn lấp đã dừng hoạt động; 14 bãi chôn lấp có tỷ lệ lấp đầy từ 60 - 80%; còn lại 49 bãi chôn lấp có tỷ lệ lấp đầy dưới 80%*).

- Chất thải rắn công nghiệp: Hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh lớn trong lĩnh vực: xi măng, luyện kim, khai thác khoáng sản,... trên địa bàn đều ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định. Một số chất thải có thể tái chế các công ty đã thực hiện tái chế, tái sử dụng để giảm phát sinh ra môi trường. Đối với chất thải nguy hại, cơ bản các công ty lớn như: Công ty Cổ phần năng lượng Hòa Phát, Công ty Cổ phần thép Hòa Phát, Công ty TNHH MTV Xi măng Hoàng Thạch, Công ty Xi măng Phúc Sơn, Công ty cổ phần luyện kim Tân Nguyên,...đã đăng ký sổ chủ nguồn thải hoặc báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường, có khu lưu giữ và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý, một phần chất thải nguy hại được các đơn vị đăng ký tái sử dụng như tại: Công ty thép Hòa Phát; Công ty TNHH MTV xi măng Hoàng Thạch; Công ty xi măng Phúc Sơn.

- Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện có 02 bệnh viện đa khoa, 1 trung tâm y tế dự phòng, 25 trạm y tế các xã, phường và 5 cơ sở khám bệnh tư nhân.

Bệnh viện đa khoa thị xã Kinh Môn và Bệnh viện đa khoa khu vực Nhị Chiểu đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với hợp tác xã thu gom rác thải của địa phương; rác thải y tế cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015.

Trạm y tế các xã, phường và các phòng khám, hầu hết đã tiến hành phân loại rác ngay tại nguồn, rác thải sinh hoạt được ký hợp đồng với tổ thu gom rác các xã, thị trấn thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Hiện tại tại các xứ đồng đều được đặt hệ thống thu gom, sau đó vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn thị xã từng bước được đầu tư, xây dựng. Năm 2010, trên địa bàn thị xã hầu như chưa có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng hợp vệ sinh, các tổ đội thu gom rác mới xuất hiện nhỏ lẻ tại một số xã và chưa có bãi rác thải hợp vệ sinh. Đến năm 2015, nhiều xã đã xây dựng được các công trình tiêu thoát nước thải trong khu dân cư đảm bảo quy định, số lượng tổ đội thu gom rác đã lên tới 98 tổ, đội thu gom với mạng lưới rộng khắp 22 xã, 12 xã được UBND tỉnh hỗ trợ xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh. Hiện nay, các công trình tiêu thoát nước thải trong khu dân cư tiếp tục được đầu tư, xây dựng, số lượng tổ đội thu gom rác là 112 tổ, đội thu gom rác, 19 xã được UBND tỉnh hỗ trợ xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về BVMT

Các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề, khu vực chăn nuôi ngày càng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Năm 2010: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường: 30%; chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh là khoảng 2.015 hộ chiếm 53,86%; Năm 2015: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường: 40 %; Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh là chuồng trại đáp ứng các yêu cầu: có 6.467 hộ chiếm 86,13%; Năm 2019- Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 60%; Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi thu gom, xử lý chất thải: 66,59%, làng nghề làm mỳ tại thôn Tống Buồng, xã Thái Thịnh đã được xây mới hệ thống thoát nước.

Hiện nay, trên địa bàn thị xã Kinh Môn có 04 cụm công nghiệp gồm: cụm công nghiệp Long Xuyên diện tích 61,95 ha, cụm công nghiệp Hiệp Sơn diện tích 31,84 ha, cụm công nghiệp Phú Thứ diện tích 54,55 ha, cụm công nghiệp Duy Tân diện tích 43,58 ha. Các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện hiện chưa có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường, chưa có hệ thống xử lý nước thải chung nhưng phần lớn các doanh nghiệp, sản xuất trong cụm công nghiệp đã có công trình bảo vệ môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường).

Đối với các trang trại: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 167 trang trại chăn nuôi, các trang trại trên địa bàn huyện đa số đã áp dụng các biện pháp xử lý chất thải bằng hầm biogas, đệm sinh học, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh.

Đối với các làng nghề: Trên địa bàn thị xã có 3 làng nghề là: làng nghề trạm khắc đá ở thôn Dương Nham xã Phạm Mệnh, làng nghề chế biến nông sản thực phẩm *(hành mủa)* tại thôn An Thủy xã Hiến Thành, làng nghề chế biến nông sản thực phẩm *(sản xuất mỳ, bún)* tại thôn Tống Buồng xã Thái Thịnh. Hiện tại các làng nghề đều chưa có hệ thống xử lý tập trung, số lượng các hộ tham gia sản xuất trong làng nghề ít như, biện pháp bảo vệ môi trường mang tính cục bộ: Làng nghề trạm khắc đá ở thôn Dương Nham xã Phạm Mệnh chỉ còn một số ít hộ tham gia sản xuất, khu vực sản xuất nằm xa khu dân cư, đã che

chắn, trồng cây xanh trong quá trình đục đẽo đá áp dụng biện pháp phun nước để giảm thiểu bụi phát sinh ra môi trường; làng nghề chế biến nông sản thực phẩm *(hành mủa)* tại thôn An Thủy xã Hiến Thành, chất thải phát sinh chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp *(lá mủa loại, rác, cỏ....)* đều được thu gom, vận chuyển ra bãi rác của khu dân cư.

2.7.4. Huyện Thanh Hà

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ước tínhkhoảng 86 tấn/ngày, tỷ lệ thu gomđạt khoảng 91% lượng rác phát sinh. Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu chưa được phân loại, được các hộ dân thu gom để tại nơi do tổ thu gom hoặc hợp tác xã thu gom bố trí, sau đó tổ thu gom đến thu gom, vận chuyển ra bãi rác thải tập trung. Thực hiện Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn giai đoạn 2016 - 2020, đến nay, UBND tỉnh đã chấp thuận hỗ trợ kinh phí cho 11 xã và 01 thị trấn trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt về nhà máy để xử lý tập trung theo phương pháp đốt tiêu hủy. Tỉ lệ lấp đầy các bãi rác của 8 xã đạt khoảng 40% đến 80%. Các bãi rác đều đảm bảo vệ sinh môi trường, hàng tháng UBND các xã đều tiến hành dọn vệ sinh san tản tránh ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.

- Chất thải rắn công nghiệp: Một số các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải đúng quy định. Một số chất thải có thể tái chế được các công ty đã thực hiện tái chế, tái sử dụng để giảm phát sinh ra môi trường. Đối với chất thải nguy hại một số cơ sở đã có khu vực lưu giữ và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý như Công ty TNHH Makalot; Công ty TNHH Vietory; Công ty TNHH may TBT, …

- Chất thải rắn y tế: Trên địa huyện có 01 Trung tâm Y tế, 01 phòng khám đa khoa khu vực, 20 trạm y tế xã, thị trấn và các phòng khám tư nhân. Hiện Trung tâm Y tế và phòng khám đa khoa khu vực đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với tổ thu gom vận chuyển rác thải của địa phương; rác thải y tế cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 và đã ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý, hàng năm khoảng 5.205kg.

- Tình trạng sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật: Tình trạng lạm dụng hoá chất nông nghiệp (*thuốc trừ sâu, phân bón hoá học, thuốc diệt cỏ...*) trong canh tác trên địa bàn huyện vẫn còn diễn ra, tuy nhiên chỉ là tồn tại ở một số ít hộ dân chưa hiểu biết; trước tình trạng nêu trên, chính quyền các cấp thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nên đến nay cơ bản đã được khắc phục hoàn toàn.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Trên địa bàn huyện Thanh Hà chưa có cụm công nghiệp nào đi vào hoạt động, có 2 làng nghề chiếu cói ở thôn Tiên Kiều và Nhan Bầu xã Thanh Hồng đã xây dựng Phương án bảo vệ môi trường để trình UBND huyện phê duyệt.

- Tổng số số trang trại có thủ tục về môi trường là 7 trang trại.

- Tổng số cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm là 60 cơ sở tất cả đã có giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

2.7.5. Huyện Kim Thành

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Về thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải: Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại các khu vực thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện khoảng 82 tấn/ngày. Nguồn phát sinh rác thải chủ yếu từ các thôn, khu dân cư, chợ, làng nghề, các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong thôn, khu dân cư, các cơ quan, công trình xây dựng, rác thải phát sinh trong quá trình sản xuất nông nghiệp... Tại các khu vực thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện hiện nay có hai hình thức thu gom rác thải, gồm: 100% các xã, thị trấn của huyện đã thành lập được tổ thu gom rác hoạt động ổn định, được đầu tư trang thiết bị phương tiện thiết yếu phục vụ công tác thu gom: xe kéo, thùng rác chuyên dụng, quần áo bảo hộ lao động, mũ, ủng, hóa chất xử lý... với tần suất thu gom trung bình từ 2-3 lần/tuần *(một số xã, thị trấn thu gom ngày/lần như: thị trấn Phú Thái, xã Kim Anh,...).* Trong đó có 13 xã và 01 thị trấn Phú Thái đã được thu gom, vận chuyển rác về nhà máy xử lý với khối lượng rác được xử lý trung bình khoảng 43,5 tấn/ngày.

+ Xử lý rác thải: 77% rác thải sinh hoạt phát sinh tại các thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện được xử lý bằng phương pháp đốt tại nhà máy xử lý rác thải của xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà; 22% rác thải sinh hoạt của 04 xã còn lại được xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh. Các tổ vệ sinh môi trường hoặc Hợp tác xã vệ sinh môi trường thu gom rác thải và vận chuyển về các điểm trung chuyển và đem đi xử lý. Rác được chuyển đi trong ngày, không để tồn lưu qua đêm tại tất cả các điểm trung chuyển.

Ngoài ra, một tỷ lệ nhỏ (khoảng 1%) chất thải rắn có thể tái chế được như: kim loại, nhựa, bao bì giấy, nilon,… được nhân dân phân loại, thu gom và bán cho các cơ sở thu mua. Một lượng nhỏ rác thải phát sinh sau chế biến thực phẩm, thức ăn dư thừa được phân loại phục vụ cho chăn nuôi của các hộ gia đình. Toàn huyện hiện đang sử dụng 09 bãi rác (của 04 xã) hợp vệ sinh được UBND tỉnh đầu tư kinh phí xây dựng.

- Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện Kim Thành có 01 Trung tâm y tế, 18 Trạm y tế và 02 phòng khám đa khoa *(Điện Biên Phủ, Đồng Cẩm)*. Trung tâm y tế huyện Kim Thành đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với tổ thu gom rác thải của địa phương. Hiện nay Trung tâm y tế huyện sử dụng 01 lò đốt rác thải y tế Chuwastar của Nhật Bản và 01 hệ thống xử lý nước thải y tế theo

quy định *(đã có báo cáo Đánh giá tác động môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn được duyệt)*. Các Trạm y tế và các phòng khám đa khoa đều thực hiện phân loại, xử lý chất thải y tế theo quy định.Rác thải y tế trên địa bàn huyện cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015.

- Chất thải rắn công nghiệp:Hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện đều ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo đúng qui định. Một số chất thải có thể tái chế các công ty đã thực hiện tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu phát sinh ra môi trường. Đối với chất thải nguy hại, các công ty đã đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại và báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, có kho lưu trữ chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có đủ tư cách pháp nhân để vận chuyển, xử lý khi số lượng chất thải đủ lớn.

- Chất thải rắn nông nghiệp*:* Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trên địa bàn huyện được thu gom về các bể chứa đặt tại các cánh đồng của các địa phương. Toàn huyện có 54 bể chứa, dung tích bể chứa khoảng 1-1,2 m3, có nắp đậy kín.Các bể chứa được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết, thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Sau mỗi mùa vụ, các địa phương thuê đơn vị chức năng thu gom toàn bộ lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật tại các bể chứa và mang đi xử lý theo quy định.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Các tổ chức sản xuất, kinh doanh được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã lập 370 giấy phép về môi trường *(Đề án BVMT, Kế hoạch BVMT, báo cáo Đánh giá tác động môi trường)* trình UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt. Trong đó UBND huyện Kim Thành đã phê duyệt, cấp 247 giấy phép về môi trường cho các cơ sở; UBND tỉnh cấp xác nhận cho 123 dự án lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Qua công tác kiểm tra, rà soát, phân loại đánh giá việc chấp hành pháp luật về môi trường, nhìn chung các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khu công nghiệp Lai Vu và Phú Thái đều đã được xây dựng xong về hạ tầng như hệ thống thoát nước, hệ thống trạm bơm, hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thu gom và xử lý nước thải… Công tác đảm bảo VSMT tương đối tốt. Các Khu công nghiệp Lai Vu, KCN Phú Thái đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung và lắp hệ thống quan trắc ô nhiễm môi trường tự động 24/24 giờ. An ninh trật tự tại các khu công nghiệp được đảm bảo. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường của các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, điểm CN đều được UBND tỉnh và UBND huyện xem xét chấp thuận theo thẩm quyền, nhìn chung các dự án đầu tư đều đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về năng lực chủ dự án, ngành nghề kinh doanh, công nghệ, đảm bảo công tác BVMT theo quy định. 100% các dự án, các cơ sở đều có đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường, được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các doanh nghiệp đều

ký hợp đồng thu gom, xử lý rác thải công nghiệp với đơn vị có tư cách pháp nhân để thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo đúng quy trình.

- Toàn huyện có tổng đàn lợn ước đạt 26.814 con, tổng đàn gia cầm ước 779.245 con tập trung tại các trang trại chăn nuôi vừa và nhỏ, đa số các trang trại đã áp dụng các biện pháp xử lý chất thải bằng hầm biogas, đệm sinh học, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh. Hộ ông Ngô Văn Viện ở Kim Đính, đã được UBND tỉnh phê duyệt Đánh giá tác động môi trường. Các hộ chăn nuôi lớn trên địa bàn đều ký xác nhận cam kết bảo vệ môi trường đã được UBND các xã, thị trấn xác nhận. Vấn đề môi trường tại các khu chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô lớn đã dần được quan tâm đến công tác xử lý môi trường như đầu tư xây dựng hầm biôga, quy hoạch xây dựng hệ thống tiêu thoát nước để đảm bảo vệ sinh môi trường. Tăng cường phun chế phẩm vi sinh, sát trùng, tẩy uế chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Đối với cáckhu nuôi trồng thủy sản tập trung: Trên địa huyện có 1.505 hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên các hộ nuôi trồng thủy sản ở huyện Kim Thành đều có quy mô nhỏ dưới 5.000 m2. Trong đó, có 13 hộ nuôi cá lồng tập trung *(tại các xã Lai Vu, Thượng Vũ, Phúc Thành, Đại Đức)* với tổng số 168 lồng cá trên sông Kinh Môn và Lạch Tray. Các hộ nuôi cá lồng đều có ký cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường với UBND các xã.

- Đối với các làng nghề: Trên địa bàn huyện có 02 làng nghề (làng nghề mộc xã Cổ Dũng và làng nghề làm hương xã Phúc Thành). Làng nghề mộc xã Cổ Dũng đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM, làng nghề làm hương xã Phúc Thành đã được UBND huyện Kim Thành phê duyệt phương án bảo vệ môi trường. Các làng nghề đã thành lập tổ tự quản về môi trường, có quy chế hoạt động do UBND xã phê duyệt. Rác thải phát sinh từ các hộ làm nghề được các hộ thu gom tập trung, tận thu làm nguyên liệu đốt, tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở tái chế để giảm thiểu phát sinh rác thải ra môi trường.

2.7.6. Huyện Nam Sách

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Chất thải rắn sinh hoạt: Về thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải: Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại các khu vực thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện khoảng 77 tấn/ngày. Huyện có 100 tổ vệ sinh môi trường với 261 lao động, 02 hợp tác xã vệ sinh môi trường và 01 tổ dịch vụ thu gom rác thải với 45 lao động. Tần suất thu gom rác thải 2 - 3 ngày/lần. Riêng thị trấn Nam Sách thực hiện thu gom 01 lần/ngày. Phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn chủ yếu là xe đẩy tay, xe ba gác,... Đối với thị trấn Nam Sách và xã Nam Tân vận chuyển rác thải bằng xe ô tô.

+Tỷ lệ thu gom rác thải trên địa bàn huyện bình quân đạt 97,6% , trong đó tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 95%, tại nông thôn đạt 97,7%. Số hộ dân chấp hành, tham gia thu gom rác thải tập trung đạt 98,37% (*39.246 hộ/39.893 hộ*).

+ Toàn huyện có 61bãi rác đang sử dụng với tổng diện tích 16,65 ha, trong đó có 15 bãi rác được UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí xây dựng, còn lại 46 bãi rác do xã quy hoạch, tự đào đắp.Rác thải phát sinh từ các thôn, khu dân cư được các tổ, HTX vệ sinh môi trường thu gom và vận chuyển về bãi chứa rác thải tập trung của thôn, xã để chôn lấp.

- Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện Nam Sách có 01 Trung tâm y tế (trước kia là Bệnh viện đa khoa huyện), 19 Trạm y tế và 02 phòng khám đa khoa *(Tập Hà, Bạch Mai ở thị trấn Nam Sách)*, 19 phòng khám, dịch vụ y học cổ truyền và 55 phòng khám và cơ sở dịch vụ y tế *(răng, sản, đa khoa, nội…)*.Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, thực hiện đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại. Bệnh việncó hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ Johkasou.

- Chất thải rắn công nghiệp:Trên địa bàn huyện Nam Sách có 467 doanh nghiệp. Các cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường với các đơn vị thu gom của địa phương. Đối với chất thải rắn công nghiệp và nguy hại, hầu hết cơ sở ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh theo quy định.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom về các bể chứa, trên địa bàn huyện Nam Sách có 164 bể chứa. Các bể chứa được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Dung tích bể chứa khoảng 1- 1,2 m3, không có nắp đậy kín. Rác thải là phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, chế phẩm trồng trọt, chăn nuôi) đa số được người dân tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và làm phân bón phục vụ cho sản xuất.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Trên địa bàn huyện Nam Sách có 01Cụm công nghiệp An Đồng hiện đang có 15 cơ sở thuê đất để hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do chưa có chủ đầu tư nên Cụm công nghiệp chưa được phê duyệt thủ tục môi trường tuy nhiên hầu hết các Cơ sở trong CCNAn Đồng đều thực hiện thủ tục về môi trường, xây dựng các công trình xử lý nước thải, khí thải và ký hợp đồng thu gom, xử lý rác thải công nghiệp với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Toàn huyện có 467 cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong đó 144 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường và đã được cấp có thẩm quyền xác nhận, phê duyệt, còn 323 cơ sở sản xuất nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ BVMT, tuy nhiêncác cơ sở này đều có công trình, biện pháp xử lý chất thải và cam kết với chính quyền địa phương về việc chấp hành các quy định về BVMT.

- Đối với các trang trại: Toàn huyện có 538 hộ chăn nuôi (*trong đó có 135 trang trại chăn nuôi đang hoạt động*). Trong đó có 1 trang trại thuộc đối tượng

lập báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh phê duyệt, các hộ chăn nuôi còn lại đều ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND các xã, thị trấn. Các hộ gia đình này đều thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình BVMT (*nằm cách biệt với khu dân cư, xây dựng hầm Biogas hoặc các bể lắng, lọc xử lý nước thải chăn nuôi. Đối với phân thải được thu gom, xử lý bằng các nhà ủ phân tách biệt với chuồng nuôi, sử dụng chế phẩm sinh học, kết hợp rác thải hữu cơ được phân loại tại nguồn để làm phân bón phục vụ cho sản xuất nông nghiệp*).

- Đối với các làng nghề: Trên địa bàn huyện có 7 làng nghề đang hoạt động trên địa bàn. UBND huyện đã phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho từng làng nghề, trong đó yêu cầu đầu tư xây dựng công trình BVMT và thực hiện các biện pháp BVMT cụ thể; UBND xã thành lập tổ tự quản về môi trường và phê duyệt quy chế hoạt động của tổ tự quản về môi trường. Đối với rác thải phát sinh từ các hộ làm nghề được các hộ thu gom tập trung, tận thu làm nguyên liệu đốt, thức ăn chăn nuôi hoặc san lấp ao hồ để giảm thiểu phát sinh rác thải ra môi trường.

2.7.7. Huyện Gia Lộc

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện phát sinh khoảng 83 tấn rác thải/ngày. Tỷ lệ thu gom rác thải đạt bình quân 89,3%, riêng ở thị trấn Gia Lộc tỷ lệ thu gom đạt cao nhất khoảng 98%, còn lại các xã trung bình từ 80 đến 85%, một số xã có tỷ lệ thu gom thấp dưới 80% gồm một số xã có địa hình hẻo lánh, có số thôn, khu dân cư xa trung tâm, đất đai rộng nên một số gia đình tự xử lý tại nhà. Huyện có 136 tổ thu gom và 02 Hợp tác xã thu gom rác tại xã Hoàng Diệu và Thị trấn Gia Lộc có cơ cấu tổ chức theo mô hình HTX kinh doanh. Phương tiện thu gom chủ yếu là xe ba gác 2 bánh, riêng Thị trấn Gia Lộc được đầu tư 02 xe ô tô chở rác chuyên dụng, 01 máy xúc lật, 45 xe chở rác 3 bánh. Hàng năm huyện hỗ trợ kinh phí cho các xã để mua trang tiết bị thu gom và chế phẩm vi sinh khử mùi tại bãi rác.Toàn huyện có 60 bãi chôn lấp rác (trong đó có 26 bãi rác được tỉnh, huyện cấp kinh phí để xây dựng, 34 bãi rác do xã quy hoạch, tự đào đắp). Quy mô các bãi chôn lấp được lựa chọn căn cứ trên cơ sở dân số, khối lượng phát sinh, tỷ lệ tăng dân số và lượng gia tăng chất thải ... Các bãi chôn lấp được xây dựng ở vị trí phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt.Thực hiện Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã hỗ trợ 02 xã (Phạm Trấn, Yết Kiêu) kinh phí để vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các nhà máy xử lý tập trung. Đa số các bãi rác mới đổ đầy từ 60% đến 80%. Trên địa bàn huyện Gia Lộc có Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại của Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh nằm trên địa bàn xã Hoàng Diệu. Công ty xử lý chất thải bằng phương pháp đốt có công suất của lò đốt chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại công suất 12 tấn/ngày. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm y tế huyện (trước là bệnh viện đa khoa huyện), 23 trạm y tế các xã, thị trấn và 10 phòng khám tư nhân chuyên khoa ở nhiều lĩnh vực. Bệnh viện và các trạm y tế đều ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt với hợp tác xã thu gom của xã, thị trấn, riêng rác thải nguy hại đã ký với Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp:Toàn huyện có 202 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Trong đó 66 cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án BVMT hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, còn 138 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ BVMT, tuy nhiên, các cơ sở này đều có công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo các quy định và cam kết với chính quyền địa phương về việc chấp hành các quy định về BVMT.Đối với chất thải nguy hại, các cơ sở thuộc đối tượng phải lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đều được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ và đã thực hiện báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên & Môi trường, có kho lưu trữ chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có đủ tư cách pháp nhân để vận chuyển, xử lý khi số lượng đủ lớn.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom về các bể chứa, trên địa bàn huyện có 2.616 bể chứa. Các bể chứa làm bằng vật liệu bền chắc, có lắp đậy, có khả năng chống thấm, không thẩm thấu chất thải ra bên ngoài, đảm bảo không bị gió, nước làm xê dịch. Dung tích bể chứa khoảng 0,8-1m3, có nắp đậy kín, bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ "Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng". Tổng lượng bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng hàng năm khoảng 300 - 500 kg, các xã có vùng rau quả lớn chuyên canh đã ký hợp đồng với công ty cổ phần An Sinh để vận chuyển, xử lý rác thải vỏ thuốc bảo vệ thực vật.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Huyện Gia Lộc có 2 cụm công nghiệp (CCN) là CCN Gia Lộc 1 (CCN Thạch Khôi - Gia Xuyên, năm 2020 đã sáp nhập về thành phố Hải Dương) và CCN Hoàng Diệu. Hai CCN này chưa có thủ tục môi trường chung cho cả cụm tuy nhiên trong 40 cơ sở nằm trong 02 cụm công nghiệp này đều có thủ tục về môi trường và xây dựng các công trình thu gom, xử lý chất thảitheo quy định. Toàn huyện có 202 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Trong đó 66 cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án BVMT hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, còn 138 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ BVMT nhưng có cam kết với chính quyền địa phương*(từ khi thực hiện Chương trình nông thôn mới đến nay).*

- Đối với các trang trại: Toàn huyện có 86 trang trại, trong đó không có trang trại thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; 03 trang trại thuộc đối tượng lập Cam kết BVMT đã được UBND huyện xác nhận; các hộ chăn nuôi còn lại quy mô nhỏ lẻ nhưng đều ký cam kết bảo vệ môi trường

với UBND các xã, thị trấn.Các hộ gia đình này đều thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình BVMT (*nằm cách biệt với khu dân cư, xây dựng hầm Biogas. Đối với phân thải được thu gom, xử lý bằng các nhà ủ phân tách biệt với chuồng nuôi, sử dụng chế phẩm sinh học kết hợp rác thải hữu cơ được phân loại tại nguồn để làm phân bón phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hoặc sử dụng đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi*).

- Đối với các làng nghề: Huyện Gia Lộc hiện có 11 làng nghề gồm 04 Làng nghề giầy da của xã Hoàng Diệu, 02 làng nghề Bún, 01 làng nghề Thêu ren ở làng Gạch xã Gia Hòa; 01 làng nghề Mây tre đan ở thôn Chằm, 01 làng nghề Gò thùng tôn ở thôn Ngà xã Phương Hưng, 01 làng nghề Nghề mộc thôn Đức Đại, thị trấn Gia Lộc. Tùy theo tính chất đặc thù hoạt động của từng làng nghề, UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho từng làng nghề, trong đó yêu cầu đầu tư xây dựng công trình BVMT và thực hiện các biện pháp BVMT cụ thể; UBND xã thành lập tổ tự quản về môi trường và phê duyệt quy chế hoạt động của tổ tự quản về môi trường.

2.7.8. Huyện Tứ Kỳ

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại các khu vực nông thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện khoảng 102 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom ước đạt khoảng 94%. Nguồn phát sinh rác thải chủ yếu từ các thôn, khu dân cư, chợ, làng nghề, các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ qan, công trình xây dựng, rác thải phát sinh trong quá trình sản xuất nông nghiệp,... 100% các xã, thị trấn của huyện thành lập được tổ thu gom rác thải (toàn huyện có 91 tổ thu gom rác thải) hoạt động ổn định, được đầu tư trang thiết bị phương tiện thiết yếu phục vụ công tác thu gom: xe chở rác, quần áo bảo hộ, ủng, gang tay, hóa chất xử lý,... tần xuất thu gom rác thải trung bình từ 2-3 lần/tuần (thị trấn Tứ Kỳ thu gom 1 lần/ngày). Xử lý rác thải: 95% lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại các thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện được xử lý bằng phương pháp chôn lấp. Các tổ thu gom hoặc các Hợp tác xã vệ sinh môi trường thu gom toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh và vận chuyển ra bãi chôn lấp rác thải của địa phương để chôn lấp. Còn lại khoảng 5% gồm chất thải rắn phát sinh có thể tái chế được như: thực phẩm, thức ăn thừa được,... nhân dân phân loại, tận dụng dùng trong chăn hộ gia đình; kim loại, giấy vụn, thùng carton, nilon, nhựa,... được nhân dân phân loại, thu gom và bán cho các cơ sở thu mua và một lượng nhỏ rác thải sinh sau chế biến thực nuôi của gia đình. Về bãi chôn lấp rác thải: Toàn huyện hiện có 59 bãi chôn lấp rác thải tập trung theo quy mô thôn, xã trong đó có 25 bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh được UBND huyện, UBND tỉnh đầu tư xây dựng. Tất cả các bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn huyện đều cách xa khu dân cư và được trồng cây xanh xung quan.

- Chất thải rắn y tế: huyện Tứ Kỳ có 01 trung tâm Y tế, 23 Trạm y tế và 02 phòng khám đa khoa (An Bình, Đồng Tâm). Trong đó có 01 cơ sở đã có thủ tục bảo vệ môi trường được phê duyệt theo quy định, 25 cơ sở không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định tại nghị định số 40/2019/NĐ-CP

ngày 13/5/2019 của Chính phủ. Năm 2020, tổng lượng chất thải rắn y tế phát sinh khoảng 23,4 tấn/năm trong đó: Rác thải y tế nguy hại là 16,2 tấn; rác thải y tế thông thường là 7,2 tấn/năm. Rác thải y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn huyện cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế; ký hợp đồng với Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh, địa chỉ huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp:Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu phát sinh tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh như may mặc, điện tử, sản xuất gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng,... Trong năm 2020, khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 8.950 tấn/năm. Đối với các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, các cơ sở kinh doanh bến bãi,... chất thải phát sinh thường được tận dụng để san lấp mặt bằng, các loại chất thải khác được thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng cam kết tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận theo quy định. Các cơ sở đều có khu lưu giữ chất thải riêng. Đối với chất thải có thể tái sử dụng các cơ sở đã phân loại và bán cho đơn vị có nhu cầu hoặc tái sử dụng để giảm thiểu phát sinh ra môi trường.

- Chất thải nguy hại: Trong năm 2020, tổng lượng phát sinh chất thải nguy hại của 104 doanh nghiệp trên địa bàn huyện 2.210 tấn/năm, chủ yếu phát sinh từ các cơ sở sửa chữa xe máy, ô tô, các cơ sở kinh doanh xăng dầu, các cơ sở sản xuất tấm lợp, sơn...và một lượng nhỏ phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân. Các cơ sở đã thu gom, phân loại, lưu trữ vào khu vực lưu giữ tạm thời của cơ sở, có dán mã và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Ngày 25 tháng 3 năm 2021, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. UBND huyện Tứ Kỳ đã hỗ trợ kinh phí cho các xã, thị trấn để mua thùng chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Hiện tại, trên địa bàn huyện Tứ Kỳ có 840 bể chứa, các bể chứa được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Dung tích bể chứa khoảng 1-1,2 m3, có nắp đậy kín. Bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ “Thùng chứa bao bì thuốc BVTV-Chương trình nông thôn mới huyện Tứ Kỳ”. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom toàn bộ về các bể chứa. UBND huyện sẽ hợp đồng đơn vị có chức năng, thu gom xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại khi các thùng chứa bao gói thuốc BVTV đầy.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Các cơ sở sản, xuất kinh, doanh, dịch vụ: Hiện trên địa bàn huyện có 03 cụm công nghiệp gồm: Cụm công nghiệp Kỳ Sơn, xã Đại Sơn; CCN Văn Tố, CCN Nguyên Giáp. Trong đó CCN Kỳ Sơn được thành lập từ năm 2005; CCN Văn Tố thành lập từ năm 2015 còn CCN Nguyên Giáp được thành lập từ năm 2019. Trong đó CCN Văn Tố đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; CCN Đại Sơn đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt. Riêng CCN Nguyên Giáp UBND huyện đã lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường cho cụm nhưng do phải quy hoạch lại CCN nên chưa được UBND tỉnh phê duyệt, nhưng 7/7 cơ sở hoạt động trong cụm đều có thủ tục về môi trường và xây dựng các công trình thu gom, xử lý chất thải, nước thải theo quy định.

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động ngoài cụm công nghiệp đều thực hiện các biện pháp bảo bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Các cơ sở đều có thủ tục về môi trường và xây dựng các công trình thu gom, xử lý chất thải, nước thải theo quy định, được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã lập 94 giấy phép về môi trường *(Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo Đánh giá tác động môi trường)* trình UBND huyện, UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó UBND tỉnh cấp 28 giấy phép về môi trường cho các cơ sở còn lại 66 cơ sở do UBND huyện cấp. Còn 10 cơ sở không phải lập thủ tục hành chính về môi trường (căn cứ theo Nghị định 40/2019/ND-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).

- Các trang trại: Tính đến hết năm 2020 toàn huyện có 149 trang trại tổng hợp đang hoạt động. Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện năm 2020 là: 1.074.186 con, trong đó tổng đàn trâu, bò là: 1.986 con; tổng đàn lợn là: 15.950 con; tổng đàn gia cầm: 1.050.000 con; Đàn gia súc khác: 6.250 con. Các trang trại vừa và nhỏ trên địa bàn huyện đều đều ký xác nhận cam kết bảo vệ môi trường và được UBND các xã xác nhận và xử lý chất thải, nước thải bằng hầm biogas, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh. Hộ chăn nuôi lớn (hộ ông Bùi Huy Hạnh, xã Tái Sơn) được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép đạt tiêu chuẩn môi trường. Vấn đề môi trường tại các khu chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung đã dần được nhân dân quan tâm đến công tác xử lý môi trường như đầu tư xây dựng hầm biogas, quy hoạch hệ thống tiêu thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường, tăng cường phun chế phẩm sát khuẩn, tẩy uế chuồng trại chăn nuôi để hạn chế ruồi muỗi, phát tán mùi ra các khu vực xung quanh.

- Các khu nuôi trồng thủy sản tập trung: Trên địa bàn huyện có 62 khu nuôi trồng thủy sản tập trung với khoảng 2.362 hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản. Các hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Tứ Kỳ đều có diện tích mặt nước nuôi trồng nhỏ hơn 50.000 m2. Trong đó có 118 hộ nuôi cá lồng trên

sông tập trung tại các xã Đại Sơn, Bình Lãng, Nguyên Giáp, Hà Thanh, Hà Kỳ với tổng số 931 lồng cá trên sông Thái Bình và sông Luộc. Các hộ nuôi các lồng trên sông đều ký cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường với UBND xã.

- Các làng nghề: Hiện tại trên địa bàn huyện có 11 làng nghề: Làng nghề Chiếu cói thôn Thanh Kỳ, xã An Thanh; Làng nghề đan mây, tre, nứa khu An Nhân, thị trấn Tứ Kỳ; Làng nghề thêu thôn Xuân Nẻo, thôn Ô Mễ, xã Hưng Đạo; Làng nghề thêu, ren thôn Lạc Dục, xã Hưng Đạo; Làng nghề thêu, ren thôn Nhũ Tỉnh, xã Quang Khải; Làng nghề mộc, thêu, ren thôn Đồng Bình, xã Dân Chủ; Làng nghề mộc, rèn thôn Kiêm Tân, xã Quảng Nghiệp; Làng nghề thêu ren thôn La Xá, xã Dân Chủ; Làng nghề mộc thôn An Lại, xã Dân Chủ.

+ Chất thải phát sinh trong làng nghề chủ yếu là chất thải rắn sản xuất, chất thải sinh hoạt và nước thải sinh hoạt. Chất thải rắn sản xuất thông thường: Đầu mẩu tre, mây, gỗ, phôi tre, gỗ, mùn cưa, các loại chỉ vụn, vải vụn,… Chất thải nguy hại gồm: vỏ hộp sơn, dung môi, vecni,…Lượng chất thải sản xuất phát sinh trong khu vực làng nghề khoảng 0,7 tấn/ngày, đa số chất thải được tận dụng làm chất đốt (đầu mẩu gỗ, phoi gỗ, tre,…); một số tận dụng để trồng cây (mùn cưa). Rác thải sinh hoạt hợp đồng với tổ thu gom rác thải thu gom, vận chuyển bãi chôn lấp rác thải của địa phương để chôn lấp. 100% nước thải sinh hoạt được thu gom, xư lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thoát ra cống, rãnh thải ra ao, mương tiêu thoát nước xung quanh khu vực.

- Xử lý nước thải y tế: Trung tâm y tế huyện Tứ Kỳ có công trình xử lý nước thải Jokaso công nghệ nhật bản được lắp đặt 2010 với công suất 150 m3/ngày đêm để xử lý nước thải cho toàn bộ lượng nước thải của trung tâm phát sinh.

- Cơ sở chế biến thực phẩm: Toàn huyện có 65 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống đang hoạt động. Các cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm và chấp hành cam kết bảo vệ môi trường không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động.

2.7.9. Huyện Ninh Giang

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện trung bình khoảng 88 tấn rác thải/ngày. Tỷ lệ thu gom rác thải năm 2020 đạt bình quân 87%, riêng ở thị trấn Ninh Giang tỷ lệ thu gom đạt cao nhất khoảng 90%, còn lại các xã trung bình từ 85% đến 87%.

UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn trong huyện thường xuyên kiện toàn và duy trì hoạt động của các tổ thu gom rác thải sinh hoạt ở địa phương. Cả huyện có 97 tổ thu gom rác với tổng số người tham gia thu gom là 326 người. Tần suất thu gom trung bình từ 2-3 lần/tuần. Riêng thị trấn Ninh Giang thực hiện thu gom 1 lần/ngày. Phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn chủ yếu là xe đẩy tay, xe ba gác, xe ô tô... Đối với xã Tân

Hương, thị trấn Ninh Giang có ô tô để vận chuyển rác thải từ các điểm tập kết ra bãi rác tập trung.

Toàn huyện có 73 bãi chôn lấp rác đang được sử dụng, trong đó có 26 bãi được UBND tỉnh cấp kinh phí xây dựng mỗi bãi rác 500 triệu đồng, có lót đáy chống thấm và hệ thống thoát khí theo báo cáo thiết kế kinh tế- kỹ thuật đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện Ninh Giang có 01 Bệnh viện đa khoa huyện *(nay là Trung tâm Y tế huyện)*, 20 Trạm y tế và 03 phòng khám đa khoa tư nhân.

Bệnh viện đa khoa huyện Ninh Giang đã có Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt theo quy định, thực hiện đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại. Bệnh viện đa khoa huyện ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với tổ thu gom rác thải của địa phương và lắp đặt lò đốt chất thải y tế nhưng do sử dụng lâu nên đã xuống cấp, hiện tại Bệnh viện hợp đồng thuê công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh vận chuyển, xử lý theo quy định, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, xử theo quy định. Bệnh viện đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nhìn chung rác thải y tế trên địa bàn huyện cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015.

- Chất thải rắn công nghiệp: + Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện đều có các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải đảm bảo các quy định và cam kết với chính quyền địa phương về việc chấp hành các quy định về BVMT. Chất thải rắn sinh hoạt được các cơ sở hợp đồng với tổ thu gom rác thải sinh hoạt của địa phương; đối với chất thải rắn công nghiệp tái sử dụng hoặc thuê đơn vị có chức năng xử lý.

+ Đối với chất thải nguy hại, các cơ sở thuộc đối tượng phải lập Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại đều được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp Sổ và đã thực hiện báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường, có kho lưu trữ chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ, huyện đã chỉ đạo rà soát và yêu cầu các cơ sở nghiêm túc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, thực hiện quản lý, xử lý chất thải theo đúng qui định.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom về các bể chứa, trên địa bàn huyện Ninh Giang có 636 bể chứa, trung bình 33,4 bể chứa/ xã, dung tích bể chứa khoảng 1-1,2m3, có nắp đậy kín.Các bể chứa được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Rác thải tại các bể chứa đã được các địa phương thuê các đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Toàn huyện có 1.946 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Trong đó 95 cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án BVMT hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường gồm 24 dự án được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xác nhận 01 kế hoạch bảo vệ môi trường; UBND huyện Ninh Giang xác nhận 29 đề án bảo vệ môi trường đơn giản và 42 kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện *(từ khi thực hiện Chương trình nông thôn mới đến nay)*, còn 1.851 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ BVMT tuy nhiên các cơ sở này đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo theo quy định và cam kết với chính quyền địa phương về việc chấp hành các quy định về BVMT.

- Đối với các trang trại: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 1.945 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó có 02 trang trại thuộc đối tượng lập ĐTM, kế hoạch BVMT đã được UBND huyện xác nhận (đạt 100%); có 1.943 gia trại chăn nuôi nhỏ lẻ không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường nhưng có văn bản cam kết bảo vệ môi trường với UBND các xã, thị trấn. Các hộ gia đình này đều có thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình BVMT *(nằm cách biệt với khu dân cư, xây dựng hầm Biogas hoặc các bể lắng, lọc xử lý nước thải chăn nuôi. Đối với phân thải được thu gom, xử lý bằng cách ủ phân tách biệt với chuồng nuôi, sử dụng chế phẩm sinh học kết hợp rác thải hữu cơ được phân loại tại nguồn để làm phân bón phục vụ cho sản xuất nông nghiệp).*

- Đối với các làng nghề: Có 02 làng nghề đang hoạt động trên địa bàn huyện gồm: Làng nghề mộc Cúc Bồ xã Kiến Quốc; Làng nghề nấu rượu xã Văn GiangTùy theo tính chất của từng làng nghề, UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho từng làng nghề trong đó yêu cầu đầu tư công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường cụ thể; chất thải của các làng nghề hầu hết được tận dụng làm chất đốt hoặc thức ăn chăn nuôi. UBND xã đã thành lập tổ tự quản về môi trường và phê duyệt quy chế hoạt động hoạt động của tổ tự quản về môi trường.

2.7.10. Huyện Thanh Miện

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Chất thải rắn sinh hoạt: Về thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải: Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện trung bình khoảng 84 tấn rác thải/ngày. Tỷ lệ thu gom rác thải năm 2020 đạt bình quân 75%, riêng ở thị trấn Thanh Miện tỷ lệ thu gom đạt cao nhất khoảng 90%, còn lại các xã trung bình từ 68% đến 70%, một số xã có tỷ lệ thu gom thấp khoảng 65% gồm một số xã có địa hình hẻo lánh, đất đai rộng nên một số gia đình tự xử lý tại nhà.

Huyện có 113 tổ vệ sinh môi trường với 340 lao động, tần suất thu gom rác thải 2 - 3 ngày/lần. Riêng thị trấn Thanh Miện thực hiện thu gom 01 lần/ngày. Phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn chủ yếu là xe đẩy tay, xe ba gác,... Đối với thị trấn Thanh Miện có ô tô để vận chuyển rác thải từ các điểm tập kết ra bãi rác tập trung.

Huyện có 52 bãi chôn lấp rác đang được sử dụng, trong đó có 23 bãi chôn lấp được UBND tỉnh, huyện hỗ trợ kinh phí xây dựng mỗi bãi chôn lấp là 500 triệu đồng, có lót đáy chống thấm và hệ thống thoát khí theo thiết kế kinh tế- kỹ thuật đã được UBND tỉnh phê duyệt, còn 29 bãi rác là do xã quy hoạch, tự đào đắp. Rác thải phát sinh từ các thôn, khu dân cư được các tổ, HTX vệ sinh môi trường thu gom và vận chuyển về bãi chứa rác thải tập trung của thôn, xã để chôn lấp.

- Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện Thanh Miện có 01 Bệnh viện đa khoa (nay là Trung tâm y tế huyện), 19 Trạm y tế và 02 phòng khám.

Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Miện đã có Đề án bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 163/QĐ-STNMT ngày 22/12/2010, đã thực hiện đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, được UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2498/GP-UBND ngày 12/9/2016. Bệnh viện đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với tổ thu gom rác thải của địa phương và lắp đặt lò đốt chất thải y tế nhưng do sử dụng lâu nên lò đốt đã xuống cấp, hiện tại bệnh viện hợp đồng thuê Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh thu gom, xử lý. Bệnh viện cũng đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 50m3/ngày đêm. Nhìn chung rác thải y tế trên địa bàn huyện cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn huyện có 1.326 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Các cơ sở này đều có công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo các quy định và cam kết với chính quyền địa phương về việc chấp hành các quy định về BVMT. Chất thải sinh hoạt hợp đồng với tổ thu gom rác thải của địa phương; đối với chất thải rắn công nghiệp tái sử dụng hoặc thuê đơn vị có chức năng xử lý.

Đối với chất thải nguy hại, các cơ sở thuộc đối tượng phải lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đều được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ và đã thực hiện báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên & Môi trường, có kho lưu trữ chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có đủ tư cách pháp nhân để vận chuyển, xử lý khi số lượng đủ lớn.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Trung bình 1 năm, tổng lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trên địa bàn huyện là 4 tấn, được thu gom về các bể chứa đặt tại các cánh đồng của các địa phương. Toàn huyện có 802 bể chứa, dung tích bể chứa khoảng 1-1,2 m3, có nắp đậy kín.Các bể chứa được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết, thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Sau mỗi mùa vụ, các địa phương thuê đơn vị chức

năng thu gom toàn bộ lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật tại các bể chứa và mang đi xử lý theo quy định.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Đối với cơ sở sản xuất công nghiệp: Hiện nay, trên địa bàn huyện Thanh Miện có 04 cụm công nghiệp(CCN) gồm: CCNNgũ Hùng- Thanh Giang,CCNĐoàn Tùng 1, CCN Đoàn Tùng 2 và CCN Cao Thắng. Cụm công nghiệp Ngũ Hùng- Thanh Giang đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án BVMT chi tiết tại Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 16/7/2014. 03 CCN còn lại chưa có thủ tục môi trường chung cho cả cụm, tuy nhiên 10 doanh nghiệp đang hoạt động nằm trong các cụm đều có thủ tục về môi trường và xây dựng xong các công trình thu gom, xử lý chất thải theo quy định.

Toàn huyện có 1.326 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Trong đó 83 cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Đề án BVMT hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, còn 1.243 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ BVMT, tuy nhiên, các cơ sở này đều có công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo các quy định và cam kết với chính quyền địa phương về việc chấp hành các quy định về BVMT *(từ khi thực hiện Chương trình nông thôn mới đến nay).*

Hằng năm, thực hiện Kế hoạch thanh tra của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường của một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện và yêu cầu các cơ sở thực hiện nghiêm các quy định về BVMT. Ngoài ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường của huyện thường xuyên kiểm tra, rà soát các cơ sở thuộc đối tượng lập Kế hoạch BVMT do UBND huyện cấp xác nhận, đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở thực hiện và hoàn thiện hồ sơ về môi trường theo quy định.

- Đối với các trang trại: Hiện nay, Toàn huyện có 442 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó có 02 trang trại thuộc đối tượng lập cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch BVMT đã được UBND huyện xác nhận (đạt 100%); có 440 gia trại và hộ chăn nuôi quy mô nhỏ có văn bản cam kết bảo vệ môi trường với UBND các xã, thị trấn. Các hộ gia đình này đều thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình BVMT (nằm cách biệt với khu dân cư, xây dựng hầm Biogas hoặc các bể lắng, lọc xử lý nước thải chăn nuôi. Đối với phân thải được thu gom, xử lý bằng các nhà ủ phân tách biệt với chuồng nuôi, sử dụng chế phẩm sinh học, kết hợp rác thải hữu cơ được phân loại tại nguồn để làm phân bón phục vụ cho sản xuất nông nghiệp).

- Đối với các làng nghề: Huyện có 5 làng nghề đang hoạt động gồm: Làng nghề mây tre đan thôn Đan Giáp *(xã Thanh Giang),* Làng nghề thừng dợ thôn Nại Trì *(xã Ngũ Hùng)*, Làng nghề bánh đa thái thôn Hội Yên *(xã Chi Lăng Nam)*, Làng nghề bánh đa thái thôn Tào Khê *(xã Chi Lăng Bắc)*, Làng nghề bánh đa nướng thôn Đào Lâm *(xã Đoàn Tùng)*. Tùy theo tính chất đặc thù hoạt

động của từng làng nghề, UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho từng làng nghề, trong đó yêu cầu đầu tư xây dựng công trình BVMT và thực hiện các biện pháp BVMT cụ thể; chất thải của các làng nghề hầu hết được tận dụng làm chất đốt hoặc thức ăn chăn nuôi. UBND xã thành lập tổ tự quản về môi trường và phê duyệt quy chế hoạt động của tổ tự quản về môi trường.

2.7.11. Huyện Bình Giang

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

- Chất thải rắn sinh hoạt: Từ năm 2011, huyện đã hỗ trợ kinh phí cho các xã mua sắm mới 102 xe đẩy/17 xã, 01 xe tải chở rác cho thị trấn Kẻ Sặt để thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt. Toàn huyện có 51 bãi chôn lấp rác đang sử dụng trong đó có 14 bãi rác được tỉnh, huyện cấp kinh phí để xây dựng, 37 bãi rác do xã quy hoạch, tự đào đắp. Các bãi rác thải được tỉnh hỗ trợ kinh phí được xây dựng đúng quy định có lót đáy chống thấm và hệ thống thoát khí theo thiết kế kinh tế- kỹ thuật đã được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Huyện có 94 tổ thu gom rác với tổng số người tham gia thu gom là 282 người. Tần suất thu gom trung bình từ 2-3 lần/tuần. 100% các thôn trên địa bàn huyện Bình Giang đã thành lập tổ thu gom rác thải sinh hoạt và xây dựng quy chế hoạt động của tổ thu gom. Các tổ thu gom được trang bị đầy đủ thiết bị thu gom như xe chở rác, quần áo bảo hộ lao động. Hàng năm UBND huyện hỗ trợ, bổ sung 01 xe thu gom rác cho mỗi thôn và các dụng cụ thu gom rác. Năm 2018, UBND huyện đã hỗ trợ cho 06 xã tổng số kinh phí là 300 triệu đồng trang bị thùng rác đặt tại các điểm tập kết rác thải sinh hoạt để chuyển giao cho đơn vị vận chuyển, xử lý.

+ Trên địa bàn huyện Bình Giang có Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại của Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc nằm trên địa bàn thị trấn Kẻ Sặt chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt cho 7 xã và thị trấn Kẻ Sặt và xử lý bằng phương pháp đốt hợp vệ sinh. Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và cấp phép hoạt động cho hệ thống lò đốt. Kết quả quan trắc môi trường hàng năm và tại thời điểm tháng 11/2019 cho thấy các chỉ tiêu phân tích về chất lượng môi trường đạt quy chuẩn môi trường.

- Chất thải rắn y tế: Huyện Bình Giang có 01 Bệnh viện đa khoa (nay là Trung tâm y tế huyện), 01 Trung tâm y tế dự phòng, 18 Trạm y tế xã, thị trấn và 01 phòng khám.Bệnh viện đa khoa huyện Bình Giang đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, thực hiện đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, được UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Bệnh viện đa khoa huyện ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với tổ thu gom rác thải của địa phương. Hiện nay Bệnh viện đa khoa huyện đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 50m3/ngày đêm. Hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện được nhập khẩu đồng bộ của Nhật, xử lý hiệu quả toàn bộ nguồn nước thải của bệnh viện. Rác thải y tế trên địa bàn huyện cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn huyện có 110 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường và đã được cấp có thẩm quyền xác nhận, phê duyệt. Các cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý. Đối với chất thải nguy hại, cơ sở đã đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và báo cáo định kỳ về Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh theo quy định.

Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ, huyện đã chỉ đạo rà soát và yêu cầu các cơ sở nghiêm túc thực hiện các qui định về bảo vệ môi trường, thực hiện quản lý, xử lý chất thải theo đúng qui định và lập báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom về các bể chứa. Trên địa bàn huyện Bình Giang có 150 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật. Các bể chứa được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn, ven kênh mương thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Dung tích bể chứa khoảng 1- 1,2 m3, có nắp đậy kín, có dán biển báo theo đúng quy định.UBND các xã đã xây dựng quy chế thu gom, vận chuyển vỏ bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng về nơi tập kết. Rác thải là phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, chế phẩm trồng trọt, chăn nuôi) đa số được người dân tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và làm phân bón phục vụ cho sản xuất.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Hiện nay, trên địa bàn huyện Bình Giang có 04 cụm công nghiệp (CCN) gồm: CCN Hưng Thịnh, CCN Tân Hồng - Vĩnh Hồng, CCN Tráng Liệt – Thúc Kháng(hoạt động từ năm 2003, 2004), CCN Nhân Quyền (hoạt động từ 2014). Cụm công nghiệp Nhân Quyền đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, 03CCN còn lại chưa có thủ tục môi trường chung cho cả cụm nhưng hầu hết các doanh nghiệp trong các cụm đều có thủ tục về môi trường và xây dựng các công trình thu gom, xử lý chất thải, nước thải theo quy định.

- Toàn huyện 459 cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó có 110 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường và đã được cấp có thẩm quyền xác nhận, phê duyệt. Còn 349 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường, tuy nhiên 100% cơ sở có cam kết với UBND xã về việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường và được các địa phương quản lý, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền.

- Đối với các làng nghề: Có 8 làng nghề đang hoạt động trên địa bàn huyện gồm: Làng nghề gốm Cậy*(xã Long Xuyên),* Làng nghề vàng bạc Châu Khê *(xã Thúc Kháng)*, Làng nghề mộc Ngọc Mai *(xã Hưng Thịnh)*, Làng nghề mộc Phương Độ *(xã Hưng Thịnh),* Làng nghề Cơ khí *(xã Tráng Liệt)*, Làng nghề chổi chít Lý Đỏ *(xã Tân Việt),* làng nghề Lược Vạc *(xã Thái Học),* Làng nghề Mộc Trại Như *(xã Bình Xuyên)*. Tùy theo tính chất đặc thù hoạt động của từng

làng nghề, UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho từng làng nghề, trong đó yêu cầu đầu tư xây dựng công trình BVMT và thực hiện các biện pháp BVMT cụ thể; UBND xã thành lập tổ tự quản về môi trường và phê duyệt quy chế hoạt động của tổ tự quản về môi trường.

2.7.12. Huyện Cẩm Giàng

a) Về hệ thống thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện

- Chất thải rắn sinh hoạt: Hiện nay, việc xử lý rác thải phát sinh trong sinh hoạt tại các thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp. Các tổ vệ sinh môi trường thu gom rác thải và vận chuyển bằng xe đẩy tay, xe ba gác, xe công nông ... đưa về các bãi chứa rác thải của thôn, xã với tần xuất 2 - 3 ngày/lần; sau khi bãi chứa rác đầy sẽ thực hiện lấp đất, cát theo quy định. Đối với chất thải rắn có thể tái chế được như: kim loại, nhựa, bao bì giấy, nilon,… được nhân dân phân loại, thu gom và bán cho các cơ sở thu mua. Một lượng nhỏ rác thải phát sinh sau chế biến thực phẩm, thức ăn dư thừa được phân loại phục vụ cho chăn nuôi của các hộ gia đình.

+ Tổng số bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn huyện hiện đang sử dụng có 86bãi chất thải rắn sinh hoạt (*trong đó: 26 bãi chôn lấp đã dừng hoạt động; 04 bãi chôn lấp đã lấp đầy nhưng vẫn đang duy trì hoạt động; 06 bãi chôn lấp có tỷ lệ lấp đầy từ 60 - 80%; còn lại 50 bãi chôn lấp có tỷ lệ lấp đầy dưới 80%*).

+ Thực hiện Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã hỗ trợ kinh phí cho 07 xã trên địa bàn huyện để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nhà máy xử lý tập trung.

- Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện Cẩm Giàng có 01 Trung tâm y tế, 19 Trạm y tế và 02 phòng khám. Chất thải rắn y tế của Trung tâm y tế huyện Cẩm Giàng được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng, năng lực để thu gom, xử lý. Rác thải y tế trên địa bàn huyện cơ bản đã được phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Chất thải rắn công nghiệp: Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện đều ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo đúng qui định. Một số chất thải đã được các cơ sở tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu phát sinh ra môi trường.

Đối với chất thải nguy hại, các Cơ sở đã đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại và báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên & Môi trường, có kho lưu trữ chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý khi số lượng đủ lớn. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ, huyện đã chỉ đạo rà soát và yêu cầu các cơ sở nghiêm túc thực hiện các qui định về bảo vệ môi trường, thực hiện quản lý, xử lý chất thải theo đúng qui định.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom về các bể chứa, trên địa bàn huyện Cẩm Giàng có 942 bể chứa *(trong đó năm 2018, UBND huyện Cẩm Giàngđã đầu tư xây dựng 822 bể chứa*

vỏ thuốc bảo vệ thực vật). Các bể chứa được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

b) Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) cơ bản thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

- Hiện nay, trên địa bàn huyện Cẩm Giàng có 02 cụm công nghiệp và 05 khu công nghiệp. Các khu, cụm công nghiệp đã có thủ tục về môi trường và hầu hết các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp đã có thủ tục về môi trường và xây dựng các công trình xử lý nước thải; các doanh nghiệp đều ký hợp đồng thu gom, xử lý rác thải công nghiệp với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đảm bảo đúng quy trình. Rác thải công nghiệp tại làng nghề đều được các hộ sản xuất kinh doanh thu gom, tận thu làm nguyên liệu đốt, thức ăn chăn nuôi hoặc bán cho các cơ sở tái chế để giảm thiểu phát sinh rác thải ra môi trường.

Toàn huyện có 169 dự án được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, 18 cơ sở được phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; UBND huyện Cẩm Giàng xác nhận 36 cam kết bảo vệ môi trường, 13 đề án bảo vệ môi trường đơn giản và 28 kế hoạch bảo vệ môi trường *(từ khi thực hiện Chương trình nông thôn mới).*

- Đối với các trang trại: Trên địa bàn huyện có 46 trang trại chăn nuôi đang hoạt động, các trang trại trên địa bàn huyện đa số đã áp dụng các biện pháp xử lý chất thải bằng hầm biogas, đệm sinh học, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh, trong đó có 02 trang trại đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Cam kết bảo vệ môi trường.

- Đối với các làng nghề: Trên địa bàn huyện có 4 làng nghề. Các làng nghề này đã được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường, đã thành lập tổ tự quản về môi trường, có quy chế hoạt động do UBND xã phê duyệt. Các hộ sản xuất trong làng nghề đều có cam kết bảo vệ môi trường được UBND huyện xác nhận hoặc UBND xã xác nhận.

- Xử lý nước thải công nghiệp: 5/5 Khu công nghiệp trên địa bàn huyện có Nhà máy xử lý nước thải tập trung, kết quả quan trắc nước thải đảm bảo quy chuẩn cho phép. Các cơ sở trong cụm công nghiệp đều có hệ thống xử lý nước thải riêng.

Đến nay, 100% số huyện (*09/09 huyện*) đạt chuẩn tiêu chí về môi trường

2.8. Về An ninh, trật tự xã hội

Xác định công tác đảm bảo ANTT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng góp phần phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa- xã hội ở địa phương; Căn cứ vào Nghị quyết của Tỉnh ủy, chỉ thị của UBND tỉnh về công tác đảm bảo ANTT; phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ và dưới sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Công an tỉnh về công tác bảo đảm ANTT. Công an các đơn vị, địa phương, hàng năm chủ động tham mưu Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy ban

hành Nghị quyết, UBND ban hành kế hoạch về công tác ANTT, chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp với lực lượng Công an thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT và công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác giữ gìn ANTT; tham mưu Ban Chỉ đạo 138 cấp huyện xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Đề án "Xây dựng làng an toàn, khu dân cư an toàn; cơ quan, doanh nghiệp an toàn về ANTT" gắn với thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA, ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT". Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trong "Tự quản, tự phòng ngừa, tự bảo vệ ANTT" ở địa bàn nông thôn góp phần quan trọng ổn định tình hình nội bộ nhân dân cũng như tình hình ANTT trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Lực lượng Công an đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch như: Kế hoạch số 555/KH-CAT(PV11, PA88), ngày 30/3/2018 của Giám đốc Công an tỉnh về thực hiện Đề án số 04/ĐA-BCA-A61, ngày 30/3/2018 của Bộ Công an về công tác công an tham gia giải quyết khiếu kiện góp phần đảm bảo ANTT; thực hiện Đề án "Tập trung các biện pháp giải quyết có hiệu quả tình hình an ninh nông thôn ở những điểm phức tạp"; chủ động phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chính vì vậy, những năm qua tình hình ANCT tại địa bàn nông thôn cơ bản ổn định, không để xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài, vượt cấp. Hiện nay, tại địa bàn 178/178 xã thuộc 12 huyện, thị xã, thành phố không có tụ điểm phức tạp về TTXH.

Lực lượng Công an đã tích cực, chủ động tăng cường áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội nên các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế. Cơ quan CSĐT các cấp đã điều tra làm rõ *7.019 vụ về TTXH, đạt 85,9%; phát hiện bắt giữ và xử lý 7.276 vụ ma túy, 10.425 đối tượng; 3.966 vụ đánh bạc, 19.378 đối tượng; 462 vụ mại dâm, 1.243 đối tượng; lập 198 hồ sơ đưa đối tượng đi CSGD-TGD; 1.496 hồ sơ đưa đối tượng đi cai nghiện bắt buộc; triệt phá thành công 123 tụ điểm, ổ nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức, gồm 516 đối tượng; triệt xóa thành công 375 ổ nhóm, tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội, gồm 1839 đối tượng; kiểm tra phát hiện, lập hồ sơ XPHC trên 2 nghìn vụ vi phạm quy định về bảo về môi trường, phạt thu nộp ngân sách nhà nước 25,2 tỷ đồng; kiểm tra phát hiện lập hồ sơ XPHC 2.405 vụ, khởi tố 185vụ vi phạm quy định về quản lý kinh tế, gian lận thương mại, buôn lậu, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 33,6 tỷ đồng, phạt thu nộp ngân sách nhà nước 11,4 tỷ đồng; phát hiện lập hồ sơ XPHC 705 vụ khai thác, vận chuyển, mua bán cát trái phép, phạt thu nộp ngân sách nhà nước 15,7 tỷ đồng. Qua công tác phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, lực lượng Công an đã tiếp nhận 27.629 tin, trong đó có 14.357 tin giá trị, giúp lực lượng Công an giải quyết 7.389 vụ việc liên quan đến ANTT; đã có 983 tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ được các cấp khen thưởng, động viên.*

Trong giai đoạn 2010 - 2020, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Công an tỉnh luôn quan tâm tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo dưới nhiều hình thức, biện pháp nhằm đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trong tình hình mới". Lực lượng Công an đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Đề án "Xây dựng làng an toàn, khu dân cư an toàn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn về ANTT" trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020 gắn với thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về làng, khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT". Trọng tâm là tham mưu, hướng dẫn xây dựng, nhân rộng các mô hình "Tự quản, tự phòng ngừa, tự bảo vệ ANTT" phù hợp với đặc thù của các ban ngành, đoàn thể, địa bàn cơ sở tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và đông đảo quần chúng nhân dân trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ ngay từ cơ sở; hiện nay trên địa bàn tỉnh có 19 loại với trên 2 nghìn mô hình điển hình tiên tiến trong "Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ ANTT" đang được duy trì hoạt động tương đối hiệu quả từ đó góp phần đáng kể vào công tác đảm bảo, ổn định giữ vững ANTT của địa phương.

Có thể khẳng định dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự vào cuộc tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban ngành, đoàn thể cũng như sự tham gia, ủng hộ nhiệt tình của quần chúng nhân dân, nên việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã đạt được những thành tích đáng khích lệ trong đó có sự đóng góp đáng kể của lực lượng Công an các cấp.

Đến nay, 100% số huyện (*09/09 huyện*) đạt chuẩn tiêu chí về An ninh, trật tự xã hội

2.9. Về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới: 100% các huyện đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới và quy chế làm việc của Ban chỉ đạo; ban hành cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các xã xây dựng nông thôn mới và triển khai thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế; chỉ đạo xử lý nợ xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp của dân; chỉ đạo các xã đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Đến nay, 100% số xã trên địa bàn các huyện đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới và được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới: 100% các huyện, thị xã, thành phố đã thành lập Văn phòng điều phối nông thôn mới và thường xuyên được kiện toàn; ban hành quy chế làm việc và phân công cụ thể đối với các

thành viên; thực hiện tốt các nhiệm vụ tham mưu xây dựng Chương trình, Kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo huyện; Chương trình Hội nghị, hội thảo và báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban chỉ đạo; kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; tổ chức hội nghị sơ kết năm, tổng kết 5 năm, 10 năm thực hiện Chương trình; thông tin, truyền thông, tuyên truyền về nông thôn mới...;hồ sơ thẩm tra đề nghị tỉnh xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới...đảm bảo hoàn thành theo đúngkế hoạch đề ra và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến nay, 100% số huyện (*09/09 huyện*) đạt chuẩn tiêu chí về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

(có các phụ lục biểu kèm theo)

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đạt được

Sau hơn10 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của cấp uỷ, chính quyền các cấp, của toàn xã hội, nhất là phát huy sức sáng tạo, tinh thần cộng đồng của nhân dân, diện mạo nông thôn thực sự được đổi mới, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng và các công trình phục vụ phúc lợi công cộng.

Chương trình đã làm thay đổi nhận thức sâu sắc của toàn bộ cán bộ, đảng viên và người dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và thực sự là tiềm năng, thế mạnh của đất nước.

Phong trào "Cả nước chung sức xây dựng NTM" đã trở thành một phong trào có sức lan tỏa mạnh mẽ và sâu rộng, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị các cấp và toàn xã hội, đặc biệt là sự đồng lòng, hưởng ứng của người dân nông thôn; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã triển khai hiệu quả vai trò giám sát và phản biện xã hội, phát huy dân chủ, vai trò chủ thể của của người dân trong xây dựng NTM.

- Chương trình xây dựng NTM góp phần quan trọng thay đổi diện mạo khu vực nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng được hoàn thiện, môi trường, cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp hơn, giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, an ninh chính trị được giữ vững nhiều vùng quê nông thôn trở thành nơi đáng sống. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, khoảng cách phát triển giữa nông thôn - đô thị từng bước được thu hẹp.

- Cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn có sự chuyển dịch tích cực, công nghiệp và dịch vụ nông thôn tăng trưởng nhanh. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm, thu nhập bình quân từ hoạt động phi nông nghiệp ngày càng tăng. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng ổn định, hình thành

được nhiều vùng nông nghiệp chuyên canh phát huy lợi thế của mỗi địa phương, vùng, miền, dần đáp ứng được các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi ngày càng phát triển. HTX ngày càng phát huy vai trò liên kết hộ nông dân với nhau và kết nối giữa nông dân với doanh nghiệp. Chương trình OCOP ngày phát triển nhanh chóng góp phần việc tạo việc làm và nâng cao thu nhập của người dân. Nông nghiệp ngày càng trở thành khu vực hấp dẫn thu hút được nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn vào đầu tư;

- Chương trình NTM đã thu hút và huy động nguồn lực của toàn xã hội với hơn 52 nghìn tỷ đồng trong hơn 10 năm, đặc biệt là sự đóng góp của cộng đồng, người dân *(công sức, hiến đất…).* Trong 10 năm thực hiện Chương trình, người dân đã tự nguyện hiến hơn hàng triệu m2 đất để làm đường và các công trình phúc lợi. Nhờ đó, hàng nghìn km đường giao thông nông thôn được xây dựng nhưng không phải đền bù khi giải phóng mặt bằng.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Kinh tế tuy tăng trưởng nhưng chưa toàn diện, thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng chưa đều qua các năm; thu nhập của người dân chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế.

- Sự kết nối giữa nông thôn và đô thị còn hạn chế, nông thôn mới chưa hài hoà và phù hợp với quá trình đô thị hoá, dẫn đến quy hoạch manh mún, đứt gẫy, các trung tâm đô thị, thị xã, thị tứ chưa phát huy được vai trò đầu tầu về kinh tế, chưa tạo ra được các hiệu ứng lan toả; Một số địa phương có xu hướng "đô thị hoá nông thôn, bê tông hoá miền quê" dẫn đến phá vỡ cảnh quan, không gian văn hóa truyền thống của nông thôn.

- Chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững kết quả của một số xã sau đạt chuẩn còn hạn chế. Chất lượng các công trình cơ sở hạ tầng sau khi đạt chuẩn ở một số địa phương đã có dấu hiệu xuống cấp do chưa được quan tâm, duy tu bảo dưỡng thường xuyên.

- Môi trường nông thôn tuy được quan tâm nhưng chưa thực sự chuyển biến rõ nét, vẫn còn vấn đề bức xúc ở nhiều địa phương, nhất là xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, chất thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề chưa được thu gom và xử lý triệt để làm gia tăng ô nhiễm nguồn nước, môi trường.

- Nhiều giá trị văn hóa truyền thống ở một số địa phương đang dần bị mai một, các tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc, trộm cắp…) ở nông thôn vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp.

- Một số địa phương thực hiện xây dựng NTM chưa quan tâm nhiều đến tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tư duy ngành nông nghiệp và người dân còn chú trọng đến tăng quy mô, sản lượng mà chưa quan tâm nhiều đến phát triển kinh tế nông thôn; Tỷ lệ nông sản sản xuất theo các tiêu chuẩn còn hạn chế; hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại nông thôn, thu mua nông sản, chế biến và cơ giới hóa còn

chưa đồng bộ; áp dụng khoa học và công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; một bộ phận HTX hoạt động còn chưa hiệu quả.

- Nguồn lực thực hiện Chương trình chưa đáp ứng so với nhu cầu; doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn chưa nhiều, nguồn vốn huy động từ ngân sách xã và nhân dân gặp khó khăn, đặc biệt đối với các hạng mục công trình do ngân sách thực hiện như: Đường giao thông trục xã, đường huyện, nhà văn hóa và sân thể thao xã.

- Năm 2020 - 2021 do dịch bệnh COVID-19 xảy ra ở nhiều nước trên thế giới và tại Việt Nam cũng như tỉnh Hải Dương làm tác động rất nhiều đến công tác chỉ đạo, điều hành cũng như kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cấp, ngành, địa phương, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc phát triển kinh tế - xã hội, thu nhập của người dân.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

3.1.Nguyên nhân khách quan:

- Tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, tình trạng tranh chấp, bảo hộ thương mại giữa các nền kinh tế gia tăng. Lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý, nguồn lao động giá rẻ của tỉnh dần suy giảm. Tình hình, diễn biến thời tiết, dịch bệnh khó lường đã ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống nhân dân; đặc biệt là tác động của đại dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi đã ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu phát triển của tỉnh, nhất là về tăng trưởng kinh tế, thu nhập của người dân.

- Sản xuất nông nghiệp thường gặp rủi ro về thiên tai, dịch bệnh và thị trường, cùng với năng suất lao động thấp so với công nghiệp, dịch vụ nên chưa hấp dẫn với các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Do quá trình đô thị hóa nhanh chịu sức ép lớn của ô nhiễm môi trường, cùng với đó lượng chất thải từ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của cư dân nông thôn có xu hướng tăng lên.

- Nguồn vốn ngân sách xã đầu tư cho xây dựng nông thôn mới chủ yếu từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất nên việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn.

3.2.Nguyên nhân chủ quan:

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai kịp thời các nội dung tái cơ cấu nông nghiệp; còn có tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư hỗ trợ của cấp trên. Bên cạnh đó, năng lực cán bộ làm công tác xây dựng NTM của một số địa phương còn hạn chế, chưa thực sự chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện Chương trình; nhiều địa phương tập trung đầu tư nhiều cho giao thông và cơ sở hạ tầng nông thôn nhưng một số nội dung tác động trực tiếp đến đời sống của người dân như y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường… lại chưa được quan tâm đúng mức.

- Công tác huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình còn một số hạn chế. Nhiều địa phương tập trung đầu tư nhiều cho giao thông và cơ

sở hạ tầng nông thôn nhưng một số nội dung tác động trực tiếp đến đời sống của người dân chưa được quan tâm đúng mức.

- Một bộ phận lực lượng lao động trẻ có xu hướng không thiết tha với sản xuất nông nghiệp.

- Việc khai thác sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở ở một số địa phương chưa thường xuyên và chưa thực sự hiệu quả.

- Khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là Đại dịch COVID 19, xảy ra và diễn biến phức tạp ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, đời sống và hoạt động sản xuất của người dân

4. Một số bài học kinh nghiệm:

Một là: Sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò của người đứng đầu thực sự quan tâm, vào cuộc quyết liệt, thường xuyên thì sẽ tạo ra sự chuyển biến rõ nét: Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và sự đồng thuận cao của nhân dân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị. Thực tiễn cho thấy, ở những nơi nào, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự tâm huyết, trách nhiệm, vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì xây dựng NTM đạt được cả mục tiêu về số lượng và đi vào chiều sâu chất lượng. Trong công tác chỉ đạo, điều hành xây dựng NTM, phải phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cấp, từng ngành; đồng thời, nếu nhịp nhàng trong công tác điều phối chung, sẽ tạo sức mạnh tổng hợp. Bên cạnh đó, việc phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền các cấp đã tạo ra sức sáng tạo ở mỗi địa phương, trong đó, vai trò chỉ đạo, vào cuộc của chính quyền cấp huyện có ý nghĩa quan trọng góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM.

Hai là: Phát huy vai trò tự lực, tự cường của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phát động, tham gia hưởng ứng các Phong trào xây dựng NTM ở cơ sở: Việc phát huy tốt vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng NTM là hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định chính đến kết quả xây dựng NTM. Phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"* là kim chỉ nam cho quá trình xây dựng NTM bền vững. Đặc biệt, việc lấy ý kiến hài lòng của người dân khi xét, công nhận đạt chuẩn NTM đã tạo ra hiệu ứng rất tốt trong xã hội, giúp chính quyền các cấp có cơ sở khi quyết định công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; bên cạnh đó, những vấn đề người dân chưa hài lòng, chính là kênh thông tin quan trọng để cấp ủy, chính quyền các cấp đưa ra giải pháp, cam kết tiến độ xử lý để đảm bảo xây dựng NTM bền vững.

Ba là: Khai thác tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương về điều kiện tự nhiên và nhân lực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xây dựng NTM: Trong điều kiện nguồn lực hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước có hạn, phải đa dạng hóa việc huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế (doanh nghiệp, tín dụng, đóng góp của nhân dân,....), nguồn từ đấu giá quyền sử dụng đất.

Bốn là: Đối với Chương trình xây dựng NTM, việc chú trọng kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp là một giải pháp quan trọng tạo nên thành công: Chính việc có bộ máy chuyên trách, chuyên nghiệp mạnh dạn nghiên cứu, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách đủ mạnh đã góp phần đẩy nhanh tiến độ, chất lượng và hiệu quả xây dựng NTM ở các địa phương;

Năm là: Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhắc nhở đến tận cơ sở, thôn, xóm để phát hiện những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ kịp thời.

Sáu là: Trong quá trình triển khai phải thực hiện lồng ghép có hiệu quả và đồng bộ các chương trình, dự án kết hợp giữa phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân với quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển văn hóa xã hội và môi trường theo quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới. Việc huy động đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bàn bạc dân chủ không gượng ép quá sức dân, chỉ đạo lựa chọn những nội dung công việc phù hợp với điều kiện và khả năng của nhân dân từng xã để làm trước, làm điểm tạo tiền đề thuận lợi cho các bước tiếp theo.

VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI:

1. Quan điểm, định hướng chỉ đạo:

Xây dựng NTM là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc. Xây dựng NTM đảm bảo *(Hiệu quả, Toàn diện và Bền vững)* Chương trình MTQG xây dựng NTM trở thành một chương trình phát triển nông thôn toàn diện, đáp ứng các mục tiêu của phát triển bền vững ở tất cả các cấp (tỉnh, huyện, xã và thôn). Những kết quả tích cực của giai đoạn 2010-2020 cần tiếp tục được phát huy và nhân rộng trên toàn quốc, khắc phục triệt để những yếu kém còn tồn tại, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, giữa nông thôn và đô thị, kết nối đồng bộ nông thôn - đô thị và kết nối liên vùng, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường nông thôn.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu đến năm 2025 có: 146/178 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 82,02%);

- Phấn đấu đến năm 2025 có: 52/178 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 29,2%);

- Phấn đấu đến năm 2025 có: 04/9 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 44,4%);

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 9% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 115 triệu đồng (tương đương 4.800 USD), năm 2030 đạt 200 triệu đồng (tương đương 7.700 USD).

- Thu nhập thực tế bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 85 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 140 triệu đồng.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 8,0%, công nghiệp - xây dựng 61,5%, dịch vụ 30,5%; đến năm 2030 là: 6,0% - 63,8% - 30,2%. Cơ cấu lao động tương ứng trong từng lĩnh vực đến năm 2025: 19% - 50,5% - 30,5%; năm 2030: 14,5% - 53,0% - 32,5%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ năm 2025 đạt 33% (đến năm 2030 đạt 43%); tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội phấn đấu đạt 55% (đến năm 2030 phấn đấu đạt 65%), tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đến năm 2025 đạt 95% (đến năm 2030 đạt trên 99%).

- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 210 triệu đồng; năm 2030 đạt 270 triệu đồng.

- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2025: Mầm non: 70%; Tiểu học: 98,7%; THCS: 95%; THPT: 80%.

- Năm 2025: Số giường bệnh (không tính các trạm y tế cấp xã) đạt 36 giường/vạn dân (năm 2030 là 40,5 giường/1 vạn dân); 10 bác sĩ/vạn dân (năm 2030 là 11 bác sĩ/1 vạn dân).

- Phấn đấu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới; vào năm 2025 tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 3% - 4%, tỷ lệ thiếu việc làm giảm còn 2%.

- Duy trì tỷ lệ 90% làng, khu dân cư văn hóa, 85% cơ quan văn hoá trở lên.

- Năm 2025, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đạt 80%.

- Năm 2025, 100% các cụm công nghiệp (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu; 100% các doanh nghiệp thuộc đối tượng được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Hằng năm, có từ 80% tổ chức cơ sở đảng và 90% tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

VIII. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Một số nội dung, nhiệm vụ:

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp xã, huyện, tỉnh đảm bảo xây dựng NTM gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, tạo điều kiện phát triển kinh tế nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn *(giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch tập trung...),* nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác công trình đảm bảo bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện. Ưu tiên đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thu mua, kết nối, cung ứng nông sản hiện đại, cơ sở hạ tầng chế biến, thương mại và dịch vụ gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối liên huyện, liên vùng đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống người dân trên địa bàn tỉnh, Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về hiện đại hóa công nghệ thông tin - truyền thông, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, công nghệ số khu vực nông thôn, bảo đảm an toàn, đồng bộ, kết nối liên ngành và liên vùng.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng đảm bảo thực chất, hiệu quả theo hướng kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái gắn với thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số nhằm phát huy lợi thế, tài nguyên bản địa về tri thức, địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội. Trong đó tập trung vào: Thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, cơ giới hóa đồng bộ gắn với các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng CNC, nông nghiệp sinh thái theo hướng kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp gắn với áp dụng các qui trình kỹ thuật chuẩn và cấp mã vùng sản xuất; Tiếp tục phát triển các sản phẩm, ngành nghề nông thôn; thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gắn với phát triển kinh tế số, nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu; thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch NTM, cộng đồng du lịch và điểm dịch vụ du lịch NTM; Quan tâm đến trồng rừng, bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững, đẩy nhanh tiến độ trồng cây xanh phân tán khu vực nông thôn; chăn nuôi an toàn sinh học; phát huy lợi thế về tài nguyên để phát triển nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản theo hướng hiệu quả, bền vững; Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư vào nông nghiệp quy mô lớn, lĩnh vực chế biến nông sản và lĩnh vực phi nông nghiệp, tạo nhiều việc làm. Hình thành hệ thống trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm gắn với chuỗi các chợ đầu mối hoặc trung tâm

cung ứng hàng nông sản. Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp; chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn sang phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm hướng đến giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững.

- Chú trọng nâng cao hiệu quả của công tác y tế tại tuyến xã và tuyến huyện đảm bảo hiệu quả công tác y tế dự phòng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nông thôn.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa cơ sở để khai thác hiệu quả các hạ tầng, thiết chế văn hóa cơ sở đã được đầu tư; bảo tồn và phát huy sự đa dạng, phong phú về các giá trị văn hóa ở nông thôn, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình trải nghiệm, du lịch NTM.

- Tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục hình ảnh, cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; xây dựng, tổ chức hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác, đặc biệt là phân loại rác thải tại nguồn; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải và chất thải; thúc đẩy công tác quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường sản xuất nông nghiệp, làng nghề, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt; hình thành các mô hình sản xuất sinh thái, an toàn với môi trường.

- Tăng cường nâng cao chất lượng cán bộ, dịch vụ hành chính công và khả năng tiếp cận pháp luật của người dân; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số, nhằm xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả ở khu vực nông thôn, góp phần thực hiện hiệu quả chuyển đổi số quốc gia và hướng tới xây dựng NTM thông minh.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả, rộng khắp các phong trào thi đua đến mọi tầng lớp nhân dân; tăng cường các giải pháp bình đẳng giới.

- Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện ngay tại cơ sở, hạn chế hình thành "điểm nóng" phức tạp về an ninh, trật tự; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự quản, tự phòng, tự bảo vệ về an ninh, trật tự, giữ vững bình yên thôn xóm, góp phần phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

- Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp", hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, đảm bảo giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương tình; Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu cập nhật thường xuyên kết quả xây dựng NTM chi tiết tới các xã, thôn, công trình hạ tầng, sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng

- Tập trung huy động mọi nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Một số giải pháp trọng tâm thực hiện:

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng NTM, phong trào *"Cả nước chung sức xây dựng NTM"*giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; chỉ đạo các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững; …

- Chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả nội dung của Chương trình; các Chương trình, dự án chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đế bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM *(môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn…).*

- Huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình**:** Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; căn cứ vào tình hình thực tế; Huy động tối đa nguồn lực của địa phương để tổ chức triển khai Chương trình.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới;

- Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là bổ sung nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, môi trường và nước sạch nông thôn; khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội;

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng NTM; Vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

IX. KIẾN NGHỊ

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình, đến nay tỉnh Hải Dương đã có:

- 9/9 huyện (đạt 100%) số huyện trên địa bàn tỉnh được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và sau khi rà soát đã đáp ứng được tất cả các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- 3/3 thị xã, thành phố (đạt100%) số thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và sau khi rà soát đã đáp ứng được yêu cầu theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- 178/178 xã (đạt100%) số xã trên địa bàn tỉnh được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và sau khi rà soát đã đáp ứng được tất cả các tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Căn cứ vào kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016; Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016; Quyết định số 1274/QĐ-TTg ngày 19/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận tỉnh Hải Dương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2021./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng điều phối NTM Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy; (Để báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- Lưu VT, Ô Chính.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân